

Wu 67  
SS 522  
V 651

# VĂN-HÓA

TẬP-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG

CORNELL  
UNIVERSITY  
MA 26 HES

文化

NĂM THỨ XVIII

Số 4-5 (NĂM 1969)

GIÁ BẠN TOÀN QUỐC :

- | số (tư nhân) . . . . . 24\$
  - | số (công sở) . . . . . 48\$
- (ở xa thêm tiền cước phí)

NHA VĂN-HÓA  
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
SAIGON-VIETNAM

# VĂN-HÓA

## TẬP-SAN

CƠ - QUAN NGHIÊN - CỨU VÀ PHỒ - THÔNG  
NHA VAN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VAN-HÓA  
XUẤT BẢN

Năm thứ XVIII, Số 4-5 (năm 1969)

NHA VĂN - HÓA  
PHỦ QUỐC - VỤ - KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN - HÓA  
SAIGON-VIETNAM

# VĂN-HÓA

## TẬP SAN

CƠ QUAN NGHIÊN - CỨU VÀ PHỔ - THÔNG  
NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT BẢN  
Năm thứ XVIII, Số 4 - 5 (NĂM 1969)

### mục - lục

- Đại quan tư tưởng thời đại nhà Trần (1225-1400) . . .	Nguyễn đăng Thục 1
- Mục đích và lợi ích của gia phả . . .	Dĩ Lan Nguyễn đức Dự 16
- Phong cảnh cố đô Huế . . .	Hồng Liên Lê xuân Giáo 32
- Việc tang ma và thờ cúng tổ tiên của người Chăm Hồi giáo ở Saigon . . .	Nguyễn văn Luân 39

- Văn hóa là gì ? ...	Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ	51
- Lược khảo về nguồn gốc tường cổ ...	Nguyễn Đình Diệm	69
- Tìm hiểu Người Việt gốc Miên ...	Lê Hương	76
- Danh lam thắng cảnh Bình-Thuận ...	Lê Hữu Lễ	88
- Giác mộng « kinh sư » dưới mái chùa « Linh mục » ...	Phan Du	98
- Cung oán ngâm khúc bình chú ...	Trần Cửu Chấn	115
- Ánh hào quang ...	Đông Nhật	120
- Huỳnh mẫn Đạt và Huỳnh thúc Mại ...	Ngô Ngọc Đồng	129

# CULTURE

REVUE PÉRIODIQUE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION

PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES

MINISTÈRE D'ÉTAT

CHARGÉ DES AFFAIRES CULTURELLES

VOL XVIII, Nos 4-5 (1969)

## Table des matières

- Considérations sur l'aspect culturel de la dynastie des Trần (1225 — 1400) ...	Nguyễn Đăng Thọ	1
- But et utilité de « Gia phả » ou Registres généalogiques et Annales familiales ...	Dã Lan	
	Nguyễn Đức Dọ	16
- Paysages de l'ancienne Capitale Huế ...	Hồng Liên	
	Lê Xuân Giáo	32
- Funérailles et culte des ancêtres chez les Chàm, Islamites à Saïgon ...	Nguyễn Văn Luận	39

— Qu'est ce que la culture ? . . .	Dr Nguyễn văn Thọ	51
— Considérations sommaires sur l'origine du théâtre traditionnel (suite) . . .	Tô Nam Nguyễn Đình Diệm	69
— Essais sur les Viêt d'origine Khmère . . .	Lê Hương	76
— Beaux sites de Bình Thuận . . .	Lê Hữu Lễ	88
— La pagode de « Linh Mỹ » . . .	Phan Du	98
— Annotations du « Cung oán ngâm khúc » ( <i>complainte d'une odalisque</i> ) . . .	Trần cửu Chấn	115
— La Lumière sacrée ( <i>Miracle du Bouddha</i> ) . . .	Đông Nhật	120
— Huỳnh mẫn Đạt và Huỳnh thúc Mại . . .	Ngô ngọc Đồng	129

✠

# CULTURE

## PERIODICAL REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS  
MINISTRY OF STATE IN CHARGE OF CULTURAL AFFAIRS  
VOL XVIII, Nos 4-5 (1969)

### contents

— Considerations on Cultural Aspect of The Trần Dynasty (1225-1400)	Nguyễn Đăng Thọ	1
— Purpose and utility of Family Registers	Dã Lan Nguyễn Đức Dự	16
— Landscapes of the Ancient capital of Huế	Hồng Liên Lê Xuân Giáo	32
— Funeral and Cult of ancestors by the Cham of Islamism in Saigon.		39

— What is culture ?	Dr Nguyễn văn Thọ	51
— Considerations on traditional theater	Nguyễn Đình Diệm	69
— Essay on the Vietnamese of Kampuchea Origin	Lê Hương	76
— Beautiful landscapes of Bình Thuận	Lê Hữu Lễ	88
— Origin of Linh Mụ Pagoda (Huế)	Phan Du	98
— Notes on Cung oán ngâm khúc (Complaints of an odaltsque)	Trần Cửu Chấn	115
— Miracle of Buddha	Đông Nhật	120
— Huỳnh Mẫn Đạt and Huỳnh thúc Mại	Ngô Ngọc Đông	129

NGUYỄN - ĐĂNG - THỰC

## đại - quan tư - tưởng thời - đại nhà trần (1225 - 1400)

### THỜI KỲ CHUYỂN-TIẾP. BỐI-CẢNH VĂN-HÓA, XÃ-HỘI. CHÍNH-TRỊ

Nhà Trần kế tiếp nhà Lý, có một sự biến-chuyển tiến-hóa liên-tục không gián-đoạn về đường tư-tưởng. Văn cái ý-thức-hệ dung-hòa Tam-giáo lấy làm ý-thức-hệ dân-tộc được phát-triển mạnh-mẽ xán-lạn, có mạch-lạc, nhất-trí hơn Văn cái tinh-thần quốc-gia tự-do, độ-lập, tự-cường bất-tức được biểu-dương đến chỗ hùng-mạnh hiêm-có, khả-năng dân-tộc phong-phú lạ-lùng được bộc-lộ hết sức rực-rỡ. Văn tinh-thần Phật-giáo Thiên-tông đem lại cho giới lãnh-đạo cũng như toàn-thể nhân-dân cái khí-lực tâm-linh hùng-hậu, cái tín-ngư-ỡng tâm-linh thực-tiến mà sâu-rộng làm cho một dân-tộc nhỏ bé ở cửa ngõ Đông-Nam-Á đứng vào hàng đầu chiến-sĩ các dân-tộc trên thế-giới chiến-thắng quân Mông-Cò.

Nói chung về ảnh-hưởng Phật-giáo vào chính-trị đời Lý, đời Trần, Hoàng Xuân Hãn trong « Lý Thường Kiệt » có kết-luận :

« Nói tóm lại sau các đời vua hung-hãn họ Đinh, Lê, ta thấy xuất-hiện ra những kẻ cầm quyền có độ-lượng khoan-hồng, những người giúp việc ít tham lam, phản叛. Đời Lý có thể gọi là đời thuần-tử nhất trong sử nước ta. Đó chính là nhờ ảnh-hưởng đạo Phật.

Mà thực vậy, mỗi lúc ta thấy có Nho-gia bài-xích Phật-giáo, thì ta biết rằng trong nước sẽ có cuộc tranh quyền-lợi mà giết lẫn nhau. Sau khi Đàm-Di-Mông sa-thải tăng-già, thì có Trần-Thủ-Độ liền sau tàn sát

họ Lý Cuối đời Trần, Nho-học nên thịnh. Có Trương-Hân-Siêu, Lê-Quát chỉ-trích đạo Phật, thì sau lại có Hồ-Quy-Ly sát hại họ Trần. Trần-Thủ-Độ và Hồ-Quy-Ly làm những việc kia, ấy cũng vì muốn thi-hành chính - trị vị danh, xa hẳn lòng bác-ái, từ-bi của Phật.

Mà trong khi Di-Mông phi . nhục tăng . đồ, thì lại có một vị tăng dám can Lý Cao Tông đừng hát-xướng chơi bời, xa-hoa quá độ. Lời can ấy lại viện sách nhà Nho ! Sư là tăng-phó Nguyễn-Thường. Lời sư nói với Cao-Tông rằng : « Tôi nghe ở Tựa Kinh Thi có nói : « Âm-nhạc làm loạn nước thì nghe như oán như giận. Nay dân thì loạn, nước thì khốn. Chúa-Thượng rong chơi vô độ. Triều chính rối-loạn, dân tâm lìa-tan. Đó là triệu-chứng nước mất đó. »

Lời can ấy cũng đủ tỏ giá-trị của người tu và ảnh-hưởng của họ đối với chính-trị, với phong-hóa. Mà lời can ấy lại là một lời đoán vận-mệnh nhà Lý rất hay, chỉ cần lý-luận mà tìm ra, chứ chẳng phải mượn kỳ thuật gì cả. »

(Hoàng Xuân Hãn « Lý Thường Kiệt » Sông Nhị Hà Nội 1950. t. II. 409-410 ).

Trên đây là lời bình tổng-quát về quan-điểm Tam-giáo Việt-nam, nói đến cái điểm-yếu của tâm-linh thực-nghiệm Phật-giáo bổ-túc cho luân-lý nhân-sinh thực-tiền của Nho-giáo trong đời sống chính-trị quốc-gia trải qua thời Lý và Trần ở Việt-nam vậy. Qua lời thiên-sư Nguyễn Thường, đứng ở quan-điểm Nho giáo chân-chính, lấy ngay giáo-lý Nho đề khuyên-dạy nhà lãnh-đạo chính-trị dân-tộc, chúng ta nhận thấy hai điều đáng đề ý :

1. Phật-giáo thông-cảm với tất cả các cảnh-ngộ khác với mình, không cố . chấp vào sự đẽ - cao giáo - lý của mình lấy làm độc - tôn, cho nên biết tự đặt mình vào địa-vị nhập-thế để dạy đường nhập thế, chứ không phiến-diện về đường xuất-thế, vì cứu-cánh vượt lên trên nhập hay xuất cả hai phương-tiền.

2 - Cuối thời nhà Lý, Cao Tông đã chịu ảnh-hưởng văn-hóa mở-mộng phương Nam, nhất là giọng hát bi-ai, nhu-nhược của tình-cảm lãng-mạn, cho nên mới có không-khí uồn-hèn không thích-ứng tinh-thần Thiễn đày nghị-lực phẩn-đầu thực-hiện mà dân-tộc đòi hỏi.

Bởi thế nhà vua đi đến đam-mê sắc đẹp, giao cả vận-mệnh quốc-gia cho một người con gái vị-thành-niên đề đi tu. Trong nước giặc già nổi lên như ong, nào loạn dân Mán ở núi Tản - Viên (1207), nào quân Chiêm cướp bóc biên-thùy phía Nam, quân Tống tràn lấn biên-thùy phía Bắc. Nào Nguyễn-Nộn chiếm cứ Bắc - giang, Đoàn Thượng chiếm cứ Hồng-châu. Nguyễn-Nộn tự xưng là Đại-Thắng-Vương, làm le cướp ngôi nhà Lý. Trong tình-thế ấy, người anh-hùng xuất thân nơi bình-dân chài lưới, ít học, không thành-kiến, chỉ có lòng tự-tin và quyết-đoán, đã đứng lên giúp loạn, bình-định non sông, dựng lại cơ-nghiệp độc-lập tự-cường của nhà Lý. Đó là Trần-Thủ-Độ, người dựng nghiệp cho nhà Trần. Sử gia theo quan điểm Nho thiên-chấp, Ngô.Thời-Sĩ cũng phải viết :

« Thủ Độ tuy không học vấn gì, nhưng có tài lược hơn người, thân làm Tể Tướng, việc gì cũng đề ý, vì thế mà giúp vua gây dựng nên vương nghiệp, giữ trọn vẹn công-danh ; vua Thái - Tông làm bài văn bia ở sinh-tử, trọng đãi một cách đặc biệt ».

(Việt Sử Tiền An)

### TRẦN-THỦ-ĐỘ VỚI TINH-THẦN THÂN-TỘC TRIỀU TRẦN

Ý-nghị của Thủ-Độ muốn cướp ngôi nhà Lý cho Trần, có lẽ bắt đầu dấy ra trong trí óc vừa mạo-hiêm, vừa quyết-đoán của con nhà hành-động, khi ông nghe thấy Trần Bồ - con Trần Thừa, và là cháu gọi ông bằng chú họ - vốn hầu cận Lý Chiêu-Hoàng, một hôm trong cung điện về thì thăm với ông rằng nữ chúa cầm khăn tay ném cho mình và bảo « cho đây ». Thủ Độ nghĩ ngay đến việc dứt-khoát, một là được cả thiên-hạ hai là cả nhà, cả họ bị chu-diệt. Thủ Độ viết : « Thành hữu như thử, hoàng tộc hồ, xích tộc hồ ? »

(Toàn Thư q. IV)

Hoàng-tộc là họ vua, xích tộc là bị giết cả họ. Người anh-hùng không có tính-toán nữa rồi, chỉ biết một trắng một đen. Và việc mưu tính đây là vì gia-tộc, không phải riêng cho cá-nhân. Thân danh « Điện Tiên Chỉ Huy Sử » vì tài đẹp loạn, dựng lại cả một nước đương nghiêng ngả vì thiếu ngôi minh-chủ cương-quyết chính-dáng để phụng-sự, Thủ Độ còn ngần-ngại gì mà chẳng đó đại sự. Bởi thế ngày 21 tháng 10 năm 1225 mới có lời chiếu ban ra của nữ chúa nhường ngôi cho Trần-Bố tức Cảnh, là Trần Thái-Tông triều Trần sau này vậy. Chiếu rằng :

« Từ xưa nước Nam Việt, đế vương trị thiên-hạ vẫn đã từng có. Duy triều Lý ta ơn Trời quyền cố, khắp có bốn bề, Liệt Thánh truyền nối hơn hai trăm năm. Không may gần đây, Thượng-Hoàng mắc bệnh, kế-thống không người, thế nước ngã-nghiêng, sai Trẫm nhận tờ minh chiếu miễn-cưỡng lên ngôi, từ xưa đến nay thực chưa từng có. Theo ôi ! Trẫm là một vị nữ chúa, tài đức kém thua, giúp phò thiếu người, giặc cướp nổi lên như ong, sao nên cầm giữ mãi được Thần-khí là vật rất trọng. Trẫm khuya nằm, sớm dậy, từng muốn tìm bộ hiền-lương, quân-tử, cùng giúp chính-trị, đêm ngày bối rối biết đến chừng nào. Kinh Thi nói : « Tìm người quân-tử tốt đời, tìm mà chẳng gặp đứng ngồi không yên ». Nay Trẫm suy đi, tính lại, chỉ thấy được Trần-Bố là một người văn-chất rạng-rỡ, có phong-thê quân-tử, hiền-nhân, đáng-diệu khoan-hòa, có tư-cách thánh-thần văn-võ, tuy Cao-tổ nhà Hán, Thái-Tông nhà Đường cũng chưa chắc hơn được. Đêm ngày nghĩ mãi, xét nghiệm đã tường, vậy nay nhường ngôi lớn, để yên-úy lòng Trời, để xứng-thỏa bụng Trẫm, ngõ hầu cùng lòng, hiệp sức, cùng giúp cơ-đồ của nước, để hưởng cái phúc thái-bình. Nay bố cáo thiên-hạ ai nấy đều biết ».

( Tự cổ Nam Việt đế vương trị thiên hạ giả hữu hỹ ? Duy ngã Lý thụ thiên quyền mệnh, yêm hữu tứ hải. Liệt thánh tương thừa nhi bách dư niên. Nại dĩ Thượng hoàng anh tật, thừa thống vô nhân, quốc thế khuyh nguy, mệnh trẫm thụ minh chiếu miễn cưỡng tức vị, tự cổ dĩ lai, vị chỉ hữu dã. Ta, Trẫm duy vị nữ chủ, tài đức câu khuyh, phụ

bật vô nhân, đạo tặc phong khởi, an khả bình trị thần khí chí thái trọng. Trẫm tức hưng dạ mỵ, duy khùng nan kham, mỗi niệm cầu hiền lương quân tử đồng phụ chính trị, tức dạ quyền quyền, ư tư cực hỹ. Thi viết : « Quân tử hảo cầu, cầu chi bất đắc, ngộ mỵ tư bạc ». Kim trẫm phân phúc độc toàn, duy đắc Trần Bố văn chất bản bản, thánh hiền nhân quân tử chi thê, uy nghi ức ức hữu thánh thần văn võ chi tư, tuy Hán Cao, Đường Thái, vị chi năng quá. Tướng thực thần hôn nghiệm chi hữu tố, khả tồn đại vị, dĩ ỳ thiên tâm, dĩ phó trẫm hoà, thử khả đồng tâm lực lực, cộng phụ quốc tộ, dĩ hưởng thái bình chi phúc. Bố cáo thiên hạ, hàm sử văn trị ).

Đây là lời chiếu như Thủ Độ đã quan-niệm mưu-toan, tuy hành-động có táo-bạo nhưng cũng không trái với lòng người, mà cũng hợp với ý Trời, cho nên sử chép lời truyền-tụng câu sấm thi của Vạn-Hạnh đưa vua Lý Thái-Tổ hai trăm năm về trước :

*Nhất bát công đức thủy,  
Tuỳ duyên hóa thể gian,  
Quang quang trùng chiếu chúc,  
Một ánh nhật dăng sơn.*

*(Một bát nước công đức (một tám)  
Tuỳ duyên hóa đạo thể gian,  
Sáng sáng rợn đước lại chiếu,  
Lặn bóng mặt trời lên đỉnh núi.)*

Đến nay là tám đời vua, mà Lý Huệ Tông tên húy là Sản có chữ nhật trên chữ sơn, quả ứng-nghiệm nhà Lý hết, truyền cho Trần kế thống.

Theo quan-diêm luân-lý Nho viết sử, thì Trần Thủ Độ là kẻ đại gian, đại ác, vô-luân, vì đã bức vua Huệ-Tông phải tự vẫn, lấy vợ vua đang là hoàng-hậu giáng xuống hàng công-chúa, lại là chị họ của mình, để toại ý-nguyện « nhỏ cỏ phải nhỏ hết gốc » thì mới chắc-chắn giữ thiên-hạ cho nhà Trần của mình.



Nhưng bình - tĩnh mà xét, trong lịch sử thế-giới phạm những bậc khai-sơn phá thạch, dựng nên công-nghiệp lớn, đều có động-cơ hành-động khác người, nghĩa là dám làm. Cách-ngôn nói : « Dục đồ đại sự bất cầu tiểu tiết » muốn làm việc lớn không nệ vào chi tiết nhỏ. Và lại lịch-sử có phải là do ý muốn của cá-nhân mà nên đâu, còn là do sức mạnh của sự vật thúc đẩy. Hình như các vị hành-động lỗi-lạc thường mang tiếng là độc ác, như Lý Thường-Kiệt giết hàng vạn quân châu Ung, châu Liêm xưa. Nhưng họ tin chắc vào một cái gì cao hơn là bình-diện thiên ác phổ-thông, họ tin vào hành-động của họ không vì động cơ vị-kỳ nhỏ nhen hẹp hòi, nên chỉ họ không lưỡng-lự làm điều gọi là độc ác và sau đây không chút hối-hận ăn-năn. Ở đây, Thủ-Độ trước sau nếu chẳng phải vì quốc-gia dân-tộc mà tuyệt-diệt nhà Lý, thì chắc hẳn cũng không phải vì mình mà là vì thân-tộc họ Trần. Chúng ta có nhiều thực-kiện lịch-sử để chứng minh điều ấy.

Tinh-thần gia-tộc của Trần Thủ Độ trên con đường thực-dụng với kinh-nghiệm bản-thân đã đưa đến tinh-thần ái-quốc rất cao, tin-tưởng rất mạnh vào tự-lực quật-cường của dân-tộc. Khi quân Mông-Cổ dưới sự lãnh-đạo của Ngột-Lương Cáp-Thai lần đầu xâm chiếm Đại-lý (Việt-nam) thuận đường tràn xuống sông Thao ở nước ta. Thái-sư Trần Thủ Độ bấy giờ đã ngoài sáu mươi tuổi, sau một đời tận tụy với cơ-nghiệp nhà Trần, nhưng cũng luôn luôn đứng bên cạnh nhà vua để bàn tính. Thế giặc bấy giờ đang mạnh, Vua Thái-Tông phải thân ra đốc chiến, quan quân phải lui trước thế giặc, quân giặc bán loạn, tướng Lê Phụ-Trần phải lấy ván thuyền che cho Vua được thoát nạn. Vua rút về giữ sông Thiên-Mạc. Thế nước lâm-nguy, Vua ngự thuyền con đến thuyền Thái-úy Nhật-Hiệu là em ruột Vua đề vấn kế. Nhật-Hiệu đang bối-rối, thấy Vua hỏi bèn lấy ngón tay viết vào lái thuyền : « nhập Tống » có ý khuyên Vua nên chạy sang bên nhà Tống. Vua buồn rầu đến hỏi Thái-sư Trần Thủ-Độ. Thủ-Độ không ngần-ngại mà quả-quyết với nhà Vua : « Đầu thần còn chưa rơi xuống đất, Bệ-hạ khỏi phải phiền lo. » (Toàn Thư q. V)

(Thần thủ vị chí địa Bệ hạ vô phiền tha lự).

Đồ thấy, Thủ Độ nêu cao tinh-thần quốc-gia cho nhà Trần vậy.

Cái tinh-thần quốc-gia ấy hết sức thực-tiễn, không mơ-màng, cho nên sau khi đã vì nhà Trần mà ép Thái-Tông cướp vợ của anh là Trần-Liêu, để bảo-vệ ngôi báu dài lâu, Thái-Tông bỏ vào núi đi tu Phật, Thủ-Độ chạy theo để mời về, cố khuyên Thái Tông rằng : « Tôi chịu lời ủy-thác của Đức Tiên quân, phụng nhà vua lên ngôi chủ dân thần, nhân-dân mong đợi nhà Vua như con đò mong đợi cha mẹ Huống chi, ngày nay những vị cố lão trong triều đều là họ hàng thân thích, những hàng sĩ - thức trong nước, ai nấy vui vẻ phụng theo. Cho đến đứa trẻ lên bảy tuổi, cũng đã biết nhà vua là cha mẹ dân. Và lại Thái Tông vừa mới bỏ tôi qui tiên, hòn đất trên mộ chưa khô, lời nói bên tai còn như văng vẳng, thế mà nhà vua tìm lánh vào núi rừng để ở ẩn cầu thỏa chí mình, như tôi xét-đoán, Bệ-hạ vì kể tu cho mình thì được, nhưng còn nhà-nước xã-tắc thì sao ? So ra đề tiếng xuống cho đời sau, sao bằng lấy thân mình làm người dẫn đạo cho thiên-hạ ? Nhà vua nếu không nghĩ lại, bọn tôi sẽ xin cùng người trong nước chết cả ngay đây, quyết không trở về ! »

« Thần thụ Tiên quân cố thác, phụng Bệ-hạ vì dân thần chỉ chủ, dân chi sở dĩ hệ đại ư Bệ hạ giả diệc do xích tử chi mộ phụ mẫu dã. Huống kim triều đình cố lão vô phi thân thuộc chi thần. Lê nguyên sĩ thứ tận thị duyệt phục chi chúng, chi ư tam xích chi đồng giai tri Bệ hạ tác dân phụ mẫu bĩ. Thả Thái Tông sả thần nhi khứ, nhất bởi chi thổ vi càn, di nhi chi ngôn do tại, nhi Bệ hạ độn tích sơn lâm, ẩn cư cầu chí, di thần ngôn chi : Bệ hạ vi tự chu chi kế tác khả, kỳ như quốc gia xã tắc hà ? Dĩ kỳ thủy không ngôn di thị hậu, thực nhược dĩ thân vi thiên hạ tiên dã ? Bệ hạ nhược bất phản tư, thần đẳng dĩ thiên hạ chi nhân đồng tử thử nhật quyết vô qui chi ! (Trần Thái Tông — Thiệu Tông Chi Nam »)

Đoạn văn thông-thiết trên đây, thực đã toát-yếu rõ ràng, mạch-lạc tất cả triết-lý hành-động của Trần Thủ-Độ. Triết-lý ấy tuy thực-tiễn,

nhưng không phải thiên-cận thiếu lý-tướng quốc-gia, vì dân, vì nước, không phải vì quyền-lợi, vì lợi cá-nhân vị-kỳ. Cái tinh-thần ấy là thực-hiện đạo-lý nhân-sinh, tìm giá-trị lý-tướng trong đời sống thế-gian vậy.

Sử còn chép, sau khi anh Thái Tông là Trần Liễu mất vợ con, bèn nổi loạn chống đánh nhà vua. Thủ Độ phải đánh dẹp cho đến khi Trần Liễu thấy cô thế, tìm đến Thái Tông xin hàng. Anh em gặp nhau ôm mặt cùng khóc. Thủ Độ nghe tin bèn đến thăng thuyền ngự, thấy Trần Liễu thì liền rút kiếm quát lớn: « Sát Liễu tặc « Giết giặc Liễu » Vua bèn giấu Liễu vào trong khoang thuyền, xia với Thủ Độ là Liễu xin hàng, đồng thời lấy thân mình che cho anh. Thủ Độ giận lắm, ném kiếm xuống sông nói: « Thế ra ta chỉ là con chó săn thôi ! Còn biết được sự thuận nghịch của anh em nhà người thế nào ? » Ngã thì tâu cầu nhi, an tri nhi huynh đệ chi thuận nghịch hồ. (Toàn Thư q. V).

Thái-độ và lời nói ấy đã chứng-tỏ tinh-thần cương-quyết và lòng vì công không riêng tư của Trần Thủ-Độ. Toàn Thư quyển V có chép về Thủ Độ: « Thủ Độ tuy vô học-vấn nhưng tài lược hơn người, làm với « nhà Lý do quân-chúng suy-tôn. Thái Tông mà được thiên-hạ đều nhờ « mưu-trí, tài-lược của ông cả, cho nên là chỗ quốc-gia nhờ cậy, quyền thế « lẫn cả nhà vua. Bấy giờ có kẻ kẻ tội ông, đến trước nhà vua khóc mà « tâu rằng: « Bệ-hạ tuổi còn trẻ thơ mà Thủ Độ quyền nghiêng nhân chủ « không biết tiền-đồ xã-tác sẽ như thế nào ? »

« Thái Tông liền đi đến Thủ Độ, đem theo cả người kẻ tội, nhắc « lại lời nói của y để khuyên Thủ-Độ. Thủ-Độ tâu lại Vua rằng lời nói ấy « có sự thật rồi đem tiền lụa thưởng cho kẻ kẻ tội mình.

« Linh-Từ Quốc mẫu ( tức vợ Thủ-Độ ) thường ngó kiệu đi qua « thêm cấm của điện vua, bị một người lính canh cản lại. Trở về bà « khóc với Thủ-Độ mà rằng: « Tôi là vợ ông mà quân lính dám khinh « mạn như thế ! » Thủ-Độ nổi giận sai điện tên lính canh đến. Tên lính « chác là phải chết. Đến lúc Thủ-Độ cật vắn, tên lính cứ thực tình

« trình lên. Thủ - Độ khen: « Anh ở chức thấp hèn mà có thể giữ « được phép nước, ta còn biết nói sao ? » Ông lấy vàng lụa thưởng cho « rồi cho về.

« Có một kẻ muốn làm chức Cầu-đương trong làng, kêu riêng với « Quốc-mẫu. Quốc-mẫu nói với ông, ông bằng lòng cho, ông ghi nhớ tên « người ấy cùng quê quán. Đến khi xét sổ hộ khẩu của làng ấy, hỏi đến « tên, y hớn-hở bước ra trình-diện. Thủ-Độ bảo Anh nhờ bà Chúa mà « được làm chức Cầu-đương, những Cầu-đương khác không bị được với « anh. Vậy ta phải cắt một ngón chân của anh để phân-biệt với kẻ khác. « Người này kêu khóc xin từ chức, lâu rồi mới được ông ưng cho. Từ « đây không ai dám kêu xin riêng nữa.

« Thái Tông thường muốn lấy anh Thủ Độ là An-Quốc vào làm « Tề-Tướng. Thủ Độ nói: « An-Quốc là anh ruột thần. Nếu nhà vua cho « An-Quốc hiền tài thì thần xin trí sĩ. Nhược bằng cho thần là hiền tài « hơn An-Quốc thì không nên cử An-Quốc. Nếu cả hai anh em cùng làm « Tề-Tướng thì việc triều-đình còn ra thế nào ? »

« Vua bèn thôi không cử An-Quốc.

« Thủ Độ tuy làm Tề-tướng mà việc gì cũng đã để ý đến, cho « nên vương-nghiệp đến chỗ tròn vẹn. » (Toàn Thư q. V. tờ 37-39).

Lại như bà Linh-Từ khi làm vợ Huệ-Tông, không tỏ ra là có tài nội trị, đến khi về với Thủ-Độ tỏ ra một vị « cân quốc anh hùng ». Sử-gia Ngô Sĩ-Liên luận rằng: « An-Sinh với Thái-Tông anh em hiềm khích sau nhờ có bà Linh-Từ điều giải khiến cho anh em lại thuận hòa như cũ. Đến khi quân Nguyên xâm chiếm đất nước, kinh thành bị mất, Linh-Từ lại Hoàng-giang ( Hà-nam ngày nay ) bảo vệ cho đời sống tăn-cư của Hoàng-thái-tử, cung tần, công chúa cùng vợ con các tướng lãnh khỏi bị giặc cướp. Lại khám xét các đồ binh khí giấu diếm của các nhà giàu mà tịch-thu nộp hết cho quân thứ để tướng sĩ dùng ngoài mặt trận. Công bà giúp nội-trị cho nhà Trần không ít, vậy mà đền đáp nhà Lý thì như không có gì. Thế mới biết: « Trời sinh Linh-Từ là để mở nghiệp cho nhà Trần. » (Toàn Thư q. V.)

Phải chăng đây chẳng phải là một thành-tích cụ-thể về sức cảm-hóa của Trần Thủ-Độ ?

Nhưng Thủ-Độ đâu chỉ có công cảm-hóa một nhà Trần mà thôi, chính ông đã mở dựng nghiệp Trần, giơ cao sáng tỏ tinh-thần quốc-gia cho cả nước, nhờ đây mà từ một xã-hội suy-đồi, ông cải tạo thành một nước hùng-cường anh-dũng, hai phen cả phá quân Mông-Cổ với biết bao chiến-công oanh-liệt của các vị anh-hùng tài kiệt văn-võ.

Đây là một kiểu-mẫu từ tinh-thần gia-tộc cực-đoan biến sang tinh-thần quốc-gia dân-tộc của triều-đại nhà Trần vậy.

Cái tinh-thần gia-tộc thân-thuộc ấy đã được sử-gia Ngô Thời-Si nhận định rất chính xác : « Khi lui châu, vào hầu riêng, vua bảo tông-thất rằng : Thiên-hạ này là của tổ-tông, nên phải cùng tông-thất chung hưởng phú-quí, khi vui khi buồn có nhau, truyền cho con cháu, chớ quên lời này thì là phúc cho xã-tác ». Mỗi khi yến ẩm ở Lan Đình, chiếu tối chưa về được thì Vua cho đặt cái gối dài, chẵn lớn cùng nhau nằm lên giường. Đến khi có lễ triều hạ, thì lại có vị thứ rõ ràng, vì thế các Vương Hậu ai cũng hòa vui, kính sợ, không dám khinh lờn trái lễ. » (Toàn Thư q. V. tờ 31).

« Sử thần bàn rằng : Nhà Trần sử với tộc thuộc hòa vui không hiềm nghi gì, trong đạo vua tôi ở với nhau như người nhà, khi vô sự thì thơ từ xướng họa, vui vẻ hết đường ; khi hữu sự thì đồng lòng góp sức, thân hơn chân tay, đó là phong-tục tốt của thời ấy ít ai theo kịp. Vua Thái-h-Tông không có tư-chất nhân-hậu, được môn học tâm tính ; đã từng đọc qua « Cơ Cừ Lục » của Vua biết được các bài tụng Dã mã, Toàn quy, có nghĩa tinh-vi nhập thần ; ngoài ra câu nào cũng huyền-diệu, chữ nào cũng thiết-thực, không phải thân đạo không làm được thế ; cho nên gặp việc mà suy rộng ra đều có thiên-lý, hòa vui với anh em, có thể tương-tượng được tâm lòng chí thành, nên mới có hiệu-quả chóng nổi giặc mạnh khi bấy giờ. Và sự dạy bảo thân yêu họ hàng còn để lại về sau, thật là vị vua hiền.

Vua và anh là Quốc-Khang cháu Thượng-Hoàng. Quốc-Khang múa lối Hồ làm trò vui. Thượng-Hoàng cười áo ngự ban cho. Vua cũng ra múa Hồ để xin áo, Quốc-Khang nói : « Qui nhất là ngôi Hoàng-Đế, thần không dám tranh với nhị lang, đáng chỉ tồn cho thần vật mọn này, Nhị lang lại muốn đoạt chẳng ? » Thượng-Hoàng cười : « Mày coi ngôi vua với cái áo bằng nhau à ? » Cùng vui đùa với nhau thỏa-mãn mới thôi. (Ngô Thời Si « Việt Sử Tiền Ân » (tr. 187 bản dịch của Hội Văn-Hóa Á-Châu.)

Vì cái tinh-thần gia-tộc thân-thích ấy mà suốt triều-đại nhà Trần, Thượng-Hoàng gọi vua là Quan-gia, quốc-dân xưng với vua là Quốc-gia tức là nước đồng nhất với nhà ; quốc là một đại gia-đình, gia là một tiểu gia-đình ; quan-niệm quốc-gia dân-tộc xây-dựng trên tinh-cảm hơn là trên lý-tính, như là một cơ-thể sinh-hoạt hơn là một bộ máy vận-động.

#### TRẦN THÁI TÔNG (1218-1277). THIÊN - HỌC VÀ QUỐC - HỌC VIỆT - NAM

Trên đây Trần Thủ-Độ dựng nghiệp nhà Trần đã là người áo vai xuất thân, tất cả thiên tài chỉ do bản-năng dân-tộc xuất phát, không do học-thức hay thành-kiến gì, mà chỉ là bản-năng sinh-tồn của gia-tộc đến quốc-tộc. Thủ-Độ đã nêu cao tinh thần quốc-gia làm bố được soi đường định-hướng cho nhà Trần ; đồng thời văn-hội và nối dõi truyền-thống « Nam quốc sơn hà Nam đế cư » của người anh hùng nhà Lý.

Nhưng nhà Lý không chỉ để lại cái tinh-thần dân-tộc bằng chiến-công oanh-liệt mà thôi. Nhà Lý còn để lại cả một truyền-thống tư-tướng là Phật-giáo Thiền Việt-Nam làm nguồn sinh-lực cho các ngành sinh-hoạt dân-tộc nữa. Bởi thế mà Trần Thái-Tông, ông vua đầu bắc cầu từ nhà Lý sang nhà Trần, tuy chịu ảnh-hưởng uốn-nắn từ nhỏ của Trần Thủ-Độ, ông chú nghiêm-nghi, quyết-đoán, dày công xây dựng cho Thái-Tông và nhà Trần, nhưng Thái-Tông đến lúc trưởng-thành, ở địa-vị nhân-chủ, cũng không thỏa-mãn với tinh-thần quốc-gia thực-tiền của Thủ-Độ. Cho nên Thái-Tông đã phản-ứng lại tinh-thần quốc-gia gia-tộc thực-dụng bằng thái-độ bỏ cung điện vào núi tìm chân-lý ở Phật-giáo, thỏa-mãn khát-vọng siêu-nhiên để bỏ-tức ý-thức quốc-gia hiện-thực. Bởi thế mà

Trần Thái-Tông đã mở ra một ý-thức thiên-học Việt-nam mới để ứng-dụng vào đời sống quốc-gia dân-tộc. Làm như thế, Thái-Tông đã tỏ ra trung-thành với tư-tưởng Phật-giáo thời nhà Lý đã muốn vào đời qua hình-thức Tam-giáo. Thái-Tông đã ý-thức rõ ràng với thực-nghiệm bản-thân cái triết-học Thiên-tông là một biện-chứng trực-giáo, tức là một tâm-linh-học thực-nghiệm để dung-hòa các hệ-thống tư-tưởng mâu-thuẫn bằng cách vượt lên trên hình-tượng danh-lý. Ở Việt-Nam bây giờ, các khuynh-hướng tư-tưởng có thể giao-tranh với nhau là tư-tưởng Bà-la-môn, tư-tưởng Nho, tư-tưởng Đạo Thần Tiên, tư-tưởng Dịch thuật-số, tư-tưởng Phật Đại-Thừa Quan-Âm Bồ-tát, tư-tưởng Thiên của Ti-ni-đa-lưu-chi, Vô-ngôn-Thông và Thảo - Đường, tư-tưởng vật-linh (animisme) bản-xứ. Tất cả các khuynh-hướng ấy, nhà Lý đã tìm qui về hệ-thống Tam-giáo và Vạn - Hạnh đã xướng lên tiêu - chuẩn đồng nhất tâm-linh thực-nghiệm đầu tiên như Lý Nhân-Tông đã ý-thức :

*Vạn - Hạnh dung tam tế*

*Ung phù cổ sấm thi*

*Hương quan danh cổ pháp*

*Trụ tích chốn vương kỳ*

Nghĩa là :

Vạn Hạnh hợp-nhất cả ba cõi nhân-sinh, thiên-nhiên, siêu-nhiên do ba giáo-lý đại-diện Nho, Lão, Phật, vào một tâm - linh duy - nhất.

Thích-hợp với lời thơ tiên-tri của cổ xưa ở Đông-phương Vedas ;

Quê-hương của nhà sư có tiếng là Cổ-pháp (Pháp vĩnh-cửu) tức Đĩnh-Bàng, Thuận-Thành, Luy-Lâu tỉnh Bắc-ninh bây giờ.

Chống gậy tám-xích nhà Phật để bảo-vệ lãnh-thổ quốc-gia.

Nghĩa là chủ-trương của Vạn-Hạnh lấy phương-pháp Thiên-học để dung-hòa ba cõi Trời (siêu-nhiên) Đất (thiên-nhiên) Người (nhân-sinh), ba bình-diện ý-thức vậy.

Vì thế mà đến cuối triều-đại nhà Lý năm 1180 « Vua xướng chiếu thi Tam-giáo sửa văn bia Đại-nội. » (Việt Sử Lược III 10 b),

Đến Trần Thái-Tông thì cái triết-lý Tam-giáo lập cơ-sở trên tâm-linh thực-nghiệm của Thiên-học mới được nhà vua thực-nghiệm lại một cách chính xác tại bản-thân, và đem ra có hệ-thống rõ ràng làm nền-tảng cho tinh-thần quốc-học.

Muốn hiểu rõ tư-tưởng Thiên-học của Thái Tông lấy làm cơ-sở cho Quốc-học Việt-nam, tưởng nên ngược dòng lịch-sử để xét qua lịch-trình tiến-hóa về phép tuyển người nhân-tài trong nước bắt đầu từ thời nhà Lý tới đây.

Triều Lý nhân Tông 1075, tháng Hai, bắt đầu nhà vua ban chiếu tuyển nhân-sĩ trong nước vào thi Minh-kính Bác-học và thi Tam-trường Nho-học. Năm 1086 tháng Tám, thi các nhà văn-học trong nước để bổ vào viện Hàn-Lâm. Triều Lý Anh-Tông (1138 1175) năm thứ 12 (1150) tháng Mười có Điện-thí. Bảy giờ phép thi còn chưa nhất định. Năm 1165 tháng Tám thi Thái-học-sinh. Năm 1179 đời vua Lý Cao-Tông (1176-1210) tháng Giêng thi nhân-sĩ trong nước, từ 15 tuổi, có thể thông Thi, Thư, được vào cung vua thi-học nghe giảng. « Vua cùng Hoàng-hậu xem con em tầng-quan thi đọc kinh Bát-Nhã, lại ngự ra điện Phụng-Minh xem bọn hoàng-tam thi chép các thơ cổ nhân và làm toán (vạn toán). (V.S.L.III 10a).

Năm 1180 « Vua xướng chiếu thi Tam-giáo, sửa văn bia Đại-nội. » (VSLIII 10b)

Sứ thần Ngô Sĩ-Liên có bàn về thi Tam-giáo như sau : « Thi Tam-giáo là có thể thông hiểu cả ba giáo lý Nho, Đạo, Thích để ra làm quan. Các vị chân Nho thời xưa cũng có xem rộng các sách của Bách-gia chứ, ra vào đạo Lão và đạo Phật. Xét cho cùng, biết rằng đạo Lão và đạo Phật mung-lung, huyền-bí, không căn-cứ vào đâu được cả. Trở lại tìm vào sáu kinh (Thi, Thư, Dịch, Xuân-thu, Lễ, Nhạc). Sáu Kinh truyền cái đạo của Không-tử, có quan-hệ vua tôi, cha con, có giáo-huấn về định-luật của sự vật, về luân-thường của nhân-dân, mà tôn-chỉ cơ-bản thì ở tại nguyên-lý « duy tinh duy nhất » khiến cho người ta một khi đã theo đạo Nho, mà lại thông hiểu sang đạo Lão và đạo Phật. Đạo lão chủ-thuyết

thiền-biền, vạn-hóa, có cái đức không tự cho là đức, tùy cảm mà ứng vật không biết đâu là vết tích thường còn. Đạo Phật thì thuyết: không có sống không có chết, không từ đâu đến, mà không đi về đâu, cũng không có cả sức mạnh gân thịt, cũng không có tướng mạo. Đây là những cái học rộng mà không thuần-nhất, tâm tạp-loạn, thiếu nhất-tri tuy có được Kinh-sách của vua xưa như Hiền-Viên, Đê-Cốc để lại, hay là giác ngộ được bí-truyền huyền-diệu của A-nan hay Ca-diếp, thì có giúp gì cho đường đời, có ích gì cho quốc-dân, cho ra làm quan để làm chi vậy thay? » (Theo « Lịch-Triều Hiến-Chương, Khoa-Mục chí » q. 26. của Phan-Huy-Chú)

Ý kiến trên đây của Ngô - Sĩ - Liên, một nhà Nho đời Lê, tỏ ra không đạt tinh-thần Tam-giáo lắm, vì đã bị chấp vào Nho-giáo độc tôn mất truyền-thống tâm-linh thực-nghiệm của Thiền-học hợp-nhất trí, hành, cho nên chỉ biết có luân-lý thực-tiền hẹp hòi để phê-bình thiên-lịch bề ngoài cái học Tam-giáo vậy. So với lời bình-luận của Phan-Huy-Chú, cũng là một nhà Nho thời Lê-mạt Nguyễn-sơ, thì họ Phan còn đạt tinh-thần Đạo-học thực-hiện hơn nhiều. Họ Phan viết về cái học Tam-giáo ấy ở « Lịch-Triều Hiến-Chương » : « Triều-đại Lý Trần, cả hai thời đều tôn sùng Phật Lão cho nên tuyển chọn nhân-sĩ ắt-lấy người kiêm thông cả hai giáo-lý ấy. Tuy chính đạo dị-đoan đều được tôn-sùng không phân-biệt cho nên kẻ sĩ ứng thí vào những khoa ấy nếu không học rộng biết nhiều thì không thể được lựa chọn. Hãy xét xem Giáo-lý Phật, Lão thật không phải kẻ đi học nên học tập, mà cái đạo lớn của Thánh Khổng há dung cho sự tĩnh-hành. Nhìn vào cái học thế-tục, đều bỏ thực học sùng hoa-mỹ, bỏ gốc tìm ngọn, đòi với cái học tu-tĩnh cho mình của thánh-hiền Nho đã trở nên trái-nghịch, phân-bội. Nhìn sự tri-thủ của các dòng tu-sĩ và đạo-sĩ còn lo không kịp tới được, huống chi còn mong phát-triển những nghĩa sâu của thánh-nhân, mà làm sáng truyền-thống chính-học được sao? Tuy nhiên, khoa-mục lấy người phải đầu-đầu được hạng chân Nho. Có hạng Nho câu-chấp vào chương cú, e rằng chưa có thể mong cậy trách-vụ trị-bình. Trộm nghĩ theo phép lấy kẻ-sĩ căn-cứ vào đức-hạnh làm gốc. Người mà thực có bản-linh thì dù có kiêm-thông Tam-giáo (Phật, Lão, Nho), Cửu-lưu (Nho-lưu, Pháp-

lưu, Danh-lưu, Dương-lưu, Mặc-Dịch, Âm-Dương, Tung-Hoành, Nông-lưu, Tập-lưu) có hại gì? Bằng không được như thế, mà chỉ cần nát ở miệng tal, trộm cắp ở sáo cũ, xét kỹ cái chỗ có được ấy e rằng cũng chỉ là việc đeo bánh lái thuyền trong nước, hay giữ gốc cây chờ thỏ, đâu phải là việc làm của Nho-sĩ. Ngụ này trước luận về điều chính mà có cảm-trường nên mới làm thêm vậy. » (« Lịch-Triều Hiến-Chương - Khoa-Mục Chí » q. 23. Phan Huy Chú ).

Chính vấn-đề muốn tránh cái bệnh từ-chương trong sự học, mà cốt sao xây-đựng bản-linh đạo-hạnh cho nên mới phải có cái học Tam-giáo của Lý Trần lấy tâm-linh thực-nghiệm làm cơ-sở cho sự học đức-hạnh. Bởi thế mà sau hai ngàn năm Nho học bên Trung-Hoa phải chờ đến Vương-Dương-Minh, thế-kỷ XV mới đem được Phật-học để bổ-túc cho Nho-học thành cái học tâm-linh tri-hành hợp-nhất vậy.

Trên đây là lược qua lịch-trình học-văn với quan-niệm đạo-tạo nhân-tài của thời nhà Lý đang tìm đường đem ứng-dụng giáo-lý nhà Phật vào cuộc đời nhân-sinh thực-tế của dân-tộc, muốn trở nên một nước độc-lập hùng-cường, cho nên đã đi dần đến thế-thức quốc-học lấy Tam-Giáo làm cơ-bản. Bước sang nhà Trần, Trần Thái-Tông bắt đầu củng-cố nền quốc-học, vẫn duy-tri phép thi Tam-giáo đi đôi với các khoa thi Nho-giáo như « Lịch-Triều Hiến-Chương » của Phan-Huy-Chú còn ghi sau đây : « Trần Thái Tông năm Kiến-trung thứ 3 (1228) thi Tam-giáo. Năm Kiến-trung thứ 8 (1232) thi Thái-học-sinh. Năm Thiên-ứng Chính-bình thứ 5 (1243) tuyển Nho-sinh trúng khoa vào giảng học trong cung. Năm Thiên-ứng Chính-bình thứ 8 (1246) thi Thái-học-sinh. Năm Thiên-ứng Chính-bình thứ 15 (1253) định Đại-ti đề lấy nhân-sĩ, cứ bảy năm một lần. Năm Thiên-ứng Chính-bình 16 (1254) thi Đại-ti, chọn Tam-khôi: Trạng-nguyên, Bàng-nhân, Thâm-hoa. Và cùng năm ấy, tháng 8 thi thông Tam-giáo các khoa.

( còn tiếp )

## mục đích và lợi-ích của gia phả

*LTS.*— Đề phổ biến sâu rộng phương pháp dựng bộ gia phả cho một ngành họ mà nhiều gia đình còn thiếu sót, chúng tôi lần lượt trích đăng vài đoạn chính yếu trong quyển sưu tầm về gia phả của ông Dã Lan Nguyễn-Đức-Dụ sắp xuất bản một ngày gần đây.

Việc làm gia phả của người xưa nhằm 2 mục đích: — thứ nhất, giúp con cháu nhớ giỗ. — thứ nhì, dẫn dụ con cháu biết nguồn gốc từ đâu đến đâu, họ hàng trên dưới xa gần thân sơ ra sao. Nhờ cái đức tính kiên nhẫn trì trí của người xưa chịu khó ghi chép nên con cháu các đời sau mới hiểu tường tận Tông Chi nhà mình. Thật vậy, con người ta sinh ra ở đời mà nguồn gốc của mình cũng không biết thì còn gì đau buồn tủi nhục cho bằng. Ta thường nghe thầy những câu: « Con nhà không biết ông bà, cha mẹ là ai vậy. Cờ nhân quan niệm rằng trong một nhà hay một họ mà gốc rễ đã không tỏ tường thì khó mà tránh khỏi được cho con cháu những truyện thương luân bại lý khiến gia đạo phải suy đồi.

Mục đích của gia phả là như thế, tuy nhiên tâm lý chung khi mọi người giở gia phả ra xem thì hay chóng chán, vì chỉ thấy toàn những tên tuổi mờ mờ giỗ tết. Nhưng nếu ta chịu khó đọc kỹ thêm chút nữa thì mới thấy cái dụng ý sâu sắc của người xưa, trong đó cái điều ích lợi nhất của nó đối với bản thân người ta là đạo hiếu, mà trong cái đạo hiếu thì không gì quan hệ bằng việc thờ cúng giỗ tết.

Không những gia phả chỉ chú trọng đến nguồn gốc, giỗ tết mà trong gia phả còn chứa đựng nhiều nghĩa lý sâu xa, tỷ như ghi chép công nghiệp công đức tổ tiên, thuật lại nỗi gian nan trong việc xây dựng dòng họ, khuyên nhủ con cháu cần kẻ từng điều từng nết. Cũng nhờ vậy mà con cháu, dòng họ giữ được tình hòa hiếu lâu dài, lại duy trì được mối tình lân lý. Đoạn phả ký dưới đây có thể tiêu biểu cho tâm lòng thiết tha của cờ nhân đối với con cháu:

*Xét rằng: có trời đất rồi sinh ra vạn vật, có vạn vật rồi mới có người, có người thì phải có tổ tông, có tổ tông sau mới có cha mẹ, có cha mẹ mới có thân ta. Làm người con ở đời không thể không nghĩ đến việc gốc nguồn là trọng hay sao?*

Vì vậy, những bậc danh nhân hiếu tử nên xem xét đến những công đức, giỗ chạp của tổ tông, nên hiểu rõ sự thân sơ của họ hàng. Có hiểu được những kinh nghiệm, công đức của tổ tông, lại thêm cái thông minh sáng suốt của con cháu thì sự chí thiện của Thánh nhân đời xưa mới mong làm căn bản để thực hiện nổi chữ HIẾU, chữ ĐỨC vậy. Cứ như ngu ý của chúng tôi ngày nay trộm nghĩ một cách nông nổi là trong kinh của Tờ Thánh hiền cần nhất là vụ gốc làm việc, nếu ta biết bồi đắp thêm những cái hay cái phải của tổ tiên để gây hạnh phúc, tương lai cho con cháu thì ta có thể tự nhủ mình rằng gốc rễ có vững bền, ngành ngọn mới tốt tươi như thế là ta hiểu được lẽ Thất - khí của Thái - cực, lúc âm lúc dương, lúc thăng lúc giáng, lúc thịnh lúc suy con người ta nên hiểu như thế biết rằng khi cùng khi biến biết thương xót che chở lẫn nhau, khi thịnh khi giữa biết gắng gỏi khuyến khích lẫn nhau, thì cái đàn Hạnh phúc, cái gió Nam phong của người xưa đã đắp nguồn khởi gốc tự bao lâu cho nên con cháu mới hưởng được hạnh phúc lâu dài chứ có lẽ đâu vì có một sớm một chiều mà gây dựng lên được.

Mong rằng các con cháu chữ Hiếu có hiểu sâu xa thì cái lòng báo bản mới mong hết sức Chủ nghĩa có hàng suy tưởng cái đức tương lai mới được vững bền.

Nước có sử, họ có phả, sử để xét người trung thần nghĩa sĩ, kẻ tặc đảng gia nhân, phả để xét người hiếu tử, hiền tôn, chính phụ liệt phụ kẻ ác tử ngoa ngôn, dâm phu nghiệt phụ.

Vậy lập phả này chép công đức ghi ngày giỗ chạp, biên phần mộ đề sau này các con cháu trước là lấy đó làm gương sau là nhớ ơn tổ tông. Kể thế đạo một ngày một suy vi, nhân tâm một ngày một sao nhãng, cái thành thực tình nghĩa một ngày một sút sa, con cháu sau này lấy thau làm vàng, sỏi làm ngọc, lấy lông cánh làm thịt xương, giỗ chạp chỉ theo hình thức, mồ mã từ tiền thì đề để sớm muộn kêu khóc nghĩ đến đó thì bất giác trong lòng hoang mang chỉ vì lo đạo lo đời, lo con lo cháu mà không khỏi ngậm ngùi bàng hoàng tức đạ.

Ngày mồng mười tháng một năm Minh-Mạng thứ Mười (Kỷ Sửu — 1829).

(Bìa phả ký thứ nhất — Nguyễn-Đình-riệu tức Dương-Tiến-Kiểm soạn Dương-Tộc-Thế-Phả. 1965 — trang 3).

Nhưng đó là chỉ mới lược qua sự ích lợi riêng của gia phả đối với bản thân và dòng họ trong phạm vi gia đình gia tộc mà thôi. Ngoài ra, còn phải kể tới sự ích lợi chung của gia phả đối với quốc gia ở một vài khía cạnh khác như lịch sử, văn chương, phong tục, xã hội..., mà trong đó nhất là ở lịch sử và phong tục nhân văn thì gia phả góp phần quan trọng không nhỏ. Cho nên, hướng về dĩ vãng cũng như trong tương lai, gia phả không thể nào vắng mặt ở trong các gia đình Việt-nam, gia phả lại càng không thể nào vắng mặt trong đời sống tinh thần của một dân tộc đã có trên bốn ngàn năm văn hiến. Ngày nay, việc củng cố xây dựng Ngành gia phả Việt-Nam phải được đặt lên hàng đầu, và nơi mà giống cây cổ học quý báu ấy có thể nảy mầm bắt rễ sinh sôi nảy nở mau chóng hơn cả chính là khu rừng « GIA-ĐÌNH GIA-TỘC VIỆT-NAM » bao la lát ngắt đã bỏ hoang từ mấy ngàn năm nay, không có ai chịu ra công khai phá vậy.

### ÍCH LỢI CỦA GIA PHẢ ĐỐI VỚI QUỐC GIA.

Đề xét xem sự ích lợi chung của gia phả trong cộng đồng quốc gia Việt-nam như thế nào, chúng tôi tạm thời chia sự ích lợi chung ấy ra làm bốn địa hạt như sau :

#### ● VỀ LỊCH SỬ

Ông Hippolyte Le Breton, cựu Giáo sư trường Trung học Bảo hộ Hà-nội, trong lúc khảo sát về những dòng họ xưa ở Bắc-Việt và miền Bắc Trung-việt, đã khám phá được nhiều điều mới mẻ không hề có trong sử sách nhưng lại thấy ghi chép tường tận trong các gia phả (1) của những họ như họ Hồ ở Huỳah-Lưu, họ Nguyễn ở Thương-Xá và họ Nguyễn ở Tiên-Điền, họ Chế ở Thu-Lũng và Cầm-Trường những sự việc có liên quan đến lịch sử và văn chương Việt Nam.

Chính nhờ những cuốn gia phả ấy mà sau này người ta được biết rõ sự biến chuyển của các hồ nước mặn thời xưa, những sự đổi thay dọc theo bờ biển cùng sự bồi lấp của các cửa sông, cửa biển. Theo gia phả họ Hồ thì vào thế kỷ thứ X, nhà Hồ đóng trên các đồi Tiên-sinh ở miền trung du, vào khoảng giữa quốc lộ và Sông Con (đường quốc lộ số 30). Tới thế kỷ thứ XIII, Hồ-Kha kéo xuống miền đồng bằng duyên hải và đóng tại tỉnh ngọan đồi Bảo Đột. Sau cùng, dưới đời Đại-Khánh triều vua Trần-Minh-Tôn (1314-1324), Hồ-Hồng và Hồ-Cao xuống sâu mãi tới về các miền đất « có đầm nước mặn » (région semi-lagunaires) và lập lên những con đê để cấy cấy các miền đó. Nhờ vậy hai khu làng được thiết lập và được đặt tên là Tam-Đồi và Tam-Công. Cuộc lan tràn rõ rệt và tuần tự của nhà Hồ từ miền đồi núi xuống miền duyên hải, định hình rõ rệt những sự lui dần của các hồ nước mặn cổ xưa ở vùng Diên-Châu, trong khoảng thời gian từ thế kỷ thứ X tới thế kỷ thứ XV. Về thế kỷ thứ XV, thái ấp của nhà Nguyễn ở Thương-Xá gồm có cửa biển gọi là Cửa Xa và hồ nước mặn tên là Hồ Nước Biền. Cửa Xa sau thành Cửa Lập.

Hồ Nước Biền thông với biển bởi một con lạch, lạch đó bị lấp dưới đời Gia-Long (1802-1820) và từ đó Hồ bắt đầu biến dần thành ao nước

(1) Hippolyte Le Breton, Les Gia-Pha ou Registres Généalogiques et Annales familiales de la contribution importante qu'il pourraient apporter à la refonte des annales et des géographies impériales, Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin, No. 1-2, Janvier-Juin 1937, Imprimerie Tân-Dân, Hanoi.

ngọt. Chính bộ gia phả họ Nguyễn ở Thương-xá và một cuộc điều tra của Hippolyte Le Breton cho người ta biết những sự việc đó.

Tất cả các làng mạc thuộc huyện Nghi-Lộc ở khuất sau các cồn cát ngày nay, vào khoảng giữa Cửa Hồ và Cửa Hội, đều được thiết lập bởi Nguyễn-Xi từ đầu thế kỷ thứ XV, dọc theo miền duyên hải thời đó. Ngày nay, các làng đó ở cách biển hơn 2 cây số. Sự kiện đó cho người ta một ý thức rõ rệt về các khoảng bồi đắp nhanh chóng của biển cả, chỉ mới trong vòng có 5 thế kỷ dọc theo nhiều nơi ở miền duyên hải Việt-Nam.

Một vài ý niệm tầm thường kể trên cho người thấy rõ là nhờ vào gia phả người ta có thể khảo cứu sự biến chuyển của các hồ nước mặn thời xưa, những sự đổi thay dọc theo bờ biển, và hiểu biết thêm sự bồi lấp của các cửa sông, cửa bể.

Cũng nhờ các cuốn gia phả ấy người ta lại được biết thêm là vùng đất An-Tĩnh xưa kia chính là nơi người Việt-Nam dùng làm cứ điểm cuối cùng để tập trung lực lượng chống lại cuộc xâm lăng của Mông-Cò về thế kỷ thứ XIII, và trong thời kỳ Việt-Nam bị nhà Minh đô hộ hồi đầu thế kỷ thứ XV có hai trận chiến cuối cùng khiến cho nền độc lập của Việt-Nam suýt bị lung lay tan vỡ. Trong hai thời kỳ bị thâm vào bực nhứt ấy của lịch sử Việt-Nam, các triều vua xưa đã phải rút lui về cố thủ ở tận vùng đất An-Tĩnh, và nhờ sự giúp đỡ của các dòng họ hùng cường ở xứ đó mà Việt-Nam tổ chức được những phản công thắng lợi đầu tiên chống lại quân Tàu.

Gia phả ghi chép rõ là vùng đất An-Tĩnh xưa kia giữa một vai trò thật lớn lao là nhờ các vị anh hùng danh tiếng ở vùng đó, thế mà trong các cuốn chính sử của ta lại thiếu sót không ghi chép rõ rệt những sự việc đó. Điều quan trọng hơn nữa là chính các bộ lạc ấy bỏ tiền túi của mình ra để dày quân khởi nghĩa.

Cuốn gia phả của họ Hồ ghi cuộc khởi nghĩa của Thập nhị sứ quân phát xuất vào thế kỷ thứ X, giữa lúc Trung-quốc đang bị rối loạn, tức là

về đời Ngũ đại (9-7 960), thời kỳ Việt-Nam đang bị nhà Hậu-Hán đô hộ. Và lợi dụng sự nội loạn làm cho triều đình Trung-quốc lúng túng, mười hai vị Sứ quân ở Bắc-việt và miền Bắc Trung-việt đứng lên xưng độc lập. Về điểm này, gia phả họ Hồ chép là viên quan Trấn-thủ Diên-Châu thuộc ấy chính là Hồ-Huy-Dật và xứ đó trở nên thái ấp của ông ta. Từ đời Dật, nhà Hồ bắt đầu cường thịnh và sinh ra cho nước Việt-Nam 2 vị Hoàng đế. Do đó, nhà Hồ tự cho mình là dòng giống Việt-Nam chính thống.

Cũng trong một vài cuốn gia phả Việt-Nam cổ xưa (1), người ta được biết thêm là tổ tiên nhóm lưu dân ở vùng An-Tĩnh chính là người Chăm hay người Tàu. Những lưu dân này nguyên là các tù binh bắt được trong các cuộc chinh phạt, được Nguyễn-Xi dùng vào công cuộc khẩn hoang vùng đất mà nhà Lê ban cho ông ta. Sau này Nguyễn-Xi thiết lập trên thái ấp ấy rất nhiều làng mạc. Trong đám lưu dân ấy còn có cả số đông quyền thần văn võ của hai vị Hoàng tử Chăm là Chế-Mai Nô và Chế-Son-Nô bị kẻ thoán nghịch xưa đuổi phải chạy trốn sang với triều đình Việt-Nam rồi sau đó đám người này ở lại lập nghiệp tại vùng đất phong của nhà Trần là miền Thu-Lũng và Cẩm-Trường.

Pierre Gourou (2), cũng công nhận rằng muốn tìm hiểu về lịch sử dân tộc Việt-nam thì việc đầu tiên là phải đi sâu vào các cuốn gia phả của các gia đình Việt-Nam. Chính các cuốn phả của các nhà dân tâm thường có rất nhiều điều bổ ích cho công cuộc khảo cứu đó, nhất là những cuốn phả ở các tỉnh miền duyên hải. Vì tại các tỉnh đó, vấn đề định cư còn mới hơn ở các tỉnh trong nội địa. Các cuốn phả đó thường thuật lại công cuộc dựng nghiệp của một ông tổ họ và cho người ta biết nơi phát tích ra ông tổ đó. Một vài cuốn gia phả ghi chép những đời thật xa, tỷ như có một cuốn gia phả thuật lại một họ truyền tới 400 năm là họ Vũ ở làng Vinh-Chạ (tổng Công-Xá, phủ Lý-Nhân Hà-Nam). Tổ

(1) Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin, No 1-2, Janvier - Juin, 1937.

(2) Les Paysans du Delta Tonkinois, Paris Mouton et Co, Lahaye, 1965.



tiên họ này nguyên khi xưa là một người Tàu tên là Vũ-Hồn (1), làm Thái thú Bắc-Kỳ trong thời nội thuộc Tàu. Bị cách chức, viên quan đó về lập nghiệp trong vùng Hải-Dương, hiện mộ phần có lẽ hãy còn ở làng Mộ-Trạch (tổng Tuyên-Cử, phủ Bình-Giang, Hải-Dương). Trong số con cháu, có một người tới lập nghiệp tại Tây-Lạc (tổng Sa-Lung, huyện Nam-Trực, Nam-Định). Qua 9 đời, một người trong họ tới làng Vinh-Chụ và lập lên tại đó một dòng họ rất đông con cháu. Họ Vũ ở Vinh-Chụ cho đến năm 1937 có tới 200 xuất đinh vào khoảng 800 người (2).

Gần đây, trong một vài cuốn gia phả mới cũng thấy chép cả những biến cố xảy ra ở địa phương hoặc trong nước. Sau đây là một đoạn trích trong bộ gia phả của họ Nguyễn-đức ở vùng Hải-Dương :

... Nay thuật rõ việc làng ta bị giặc Pháp tàn phá vào cuối mùa Thu năm Hợi :

Ngày 20-10-1941 (...) giặc chia quân làm mấy ngả kéo về đánh huyện Gia-Lộc : một cánh quân từ Tứ-Kỳ đổ bộ ở Đò Lạng vòng đánh lên Cờ, Ngọc-Lý, - một cánh quân từ Hui đổ xuống qua Đông-Bào, Cao Dương, - một cánh quân khác từ Gia-Lộc xuyên qua Cuối đánh thẳng xuống làng Cốc, mục đích phá tan cơ sở kháng chiến của đối phương đặt rải rác ở vùng này. Khoảng 7 giờ sáng hôm ấy dân các làng An - Tân, Hội - Xuyên, Phúc - Mai ùn ùn chạy qua làng Cốc nói Tây đang tràn về Gia-Lộc đông lắm Người trong làng vội vã tháo lui ra Mã Nàng để thoát xuống Trầm thì đã nghe thấy sáng nổ ran ở đầu làng Có người đề rơi ở dọc đường, có kẻ ôm va ly nằm chết vùi trong ruộng lúa Sau đó khắp làng lửa bốc lên ngàn ngút.

(1) Về họ Vũ Hồn, trong một cuốn sách mới xuất bản hồi gần đây cũng có thấy nhắc đến và ghi là VŨ HỒN người tỉnh Phúc-Kiến bên Tàu, sang làm Thứ sử Giao-Châu vào khoảng niên hiệu Hội-Xương nhà Đường (Xem Hải-Dương Phong vật chí của Tô-Nam Nguyễn - Đình - Diệm - 1968, Quyển thượng - trang 48 và 49).

(2) Tham khảo tạp chí số 1-2 và 1.6.37, tập XVI của Hội Tri Tri Bắc-Kỳ và cuốn « Les Paysans du Delta Tonkinois », trang 116.

Đạn móc chẻ nổ vang trời. Nhà cửa đồ rầm rầm. Từng toán đông lính Pháp, Ma - rốc, Việt chia nhau đi khắp ba thôn đốt phá nhà cửa bắt giết dân làng. Giặc đóng ở trong làng đến quá trưa thì rút lui bỏ lại ở Nhà Hội đồng bừa bãi những đầu gà vịt và vỏ đạn đồ hộp. Cảnh tàn phá thật hãi hùng không sao kể xiết. Trong làng lửa cháy âm ỉ mấy ngày đêm chưa tắt. Từng khu rộng lớn nay chỉ còn tro những bức tường đứng ở đầu làng có thể trông suốt đến cuối làng. Nhà cửa bị giặc đốt, đồ đạc bị lục lợi phá phách, trâu bò lợn gà không kịp chạy nằm chết đen thui. Đình thôn Cả cũng bị thiêu rụi. Cột Đình đường kính gần một thước tây cao to như vậy giặc lấy kếp (crepe) tằm ét sáng quấn vào cột rồi đốt còn tro cái nền Họ nhà ta bị Tây bắt đi mất ông Hời, cha con ông Hai Thoán, người làng thì ông Bồi, ông Triệu Ngót hai chục người chết phần đông là dân làng Tàng, Hui tán cư chạy qua làng Cốc, Người làng bị Tây giết có bà Ba Hào, ông Chúc Khu, ông Vệ Hán, Tý con, hai bố con cô Cốc, ông Điền Ấm bị giết ở Miếu Âm-hồn và ở Nhà Hội đồng Hai con Khán Sành, thằng Sạc còn bị Tây bắn chết ở Mã Nàng, thằng Sạc lớn bị giặc bắn lủng đầu, nằm chết dưới giếng ở Quán Ngói trong (...) Một người đàn ông chết dục đầu vào địa ao trước Nhà Thờ Đại tôn

Riêng Nhà Thờ Tiên tôn gian đầu Nhà Khách (giáp Ban Sắc) bị móc chẻ bắn đổ sụp cột kèo cháy nham nhở. Nhà Tây gian giữa bị sạt một góc lớn. Đồ đạc trong Nhà Thờ bị đập phá tan tành, tàn thuốc lá vương bừa bãi khắp nơi xem như giặc ở trong Nhà Thờ khá lâu. Một phần giấy tờ của ông Dụ đề ở buồng lăm bị giặc xé vụn hoặc lấy đi (...)

(Trích Nguyễn - Tộc Thế - Phả, 1961 — Tập thượng, trang 266 và 267).

#### • VỀ VĂN CHƯƠNG.

Cũng theo Hippolyte Le Breton thì phần văn chương ở trong các cuốn phả cổ xưa không phải là hiếm. Tác giả viết : « Quả quyết rằng văn chương Việt-Nam không có đó là chưa hề bao giờ được đọc một cuốn phả ». Chính các gia phả cổ xưa chứa đựng khá nhiều áng văn chương

độc đáo. Nói là văn chương Việt-Nam chưa xuất bản đầy đủ thành sách thì đúng hơn. Vì ngày xưa việc làm những mộc bản để in các sách chữ Hán hoặc chữ Nôm có lẽ tốn kém quá nhiều nên một số dòng gia đình không thể kham được. Một lẽ khác nữa là các triều vua thời ấy giữ tọng quyền ấn loát. Tác giả kể lại rằng nhân dịp viếng thăm những tú sách gia đình của một vài danh gia vọng tộc ở vùng An-Tĩnh thì thấy các bản sách chép tay (thủ bản) nhiều không thể tưởng tượng được.

Về những cuốn gia phả cổ xưa, chúng tôi nghĩ rằng không phải chỉ riêng ở An-Tĩnh hay ở các vùng ven biển miền Bắc-Trung-Việt mới có nhiều, mà là có ở khắp nơi trên toàn quốc. Giá thử ta chịu ra công khảo cứu kỹ lưỡng ngành gia phả Việt-Nam và nếu lại sưu tầm đầy đủ những cuốn phả cổ xưa ở trong dân gian thì chắc chắn cái kho tàng cổ thư của nước nhà còn nhiều gấp bội. Sau đây là một viên ngọc nhỏ của cái kho văn liệu quý báu ấy :

Năm Tự-Đức thứ hai mươi sáu (1874) ngày rằm tháng giêng. Người ta tự mình làm nên thọ rồi trời mới cho tuổi, vua mới cho tuổi, mà phạm người nào thọ làm cho trong nhà được tiếng tăm rực rỡ thì là đáng quý lắm. Hòa-Trai tiên sinh ta : con cháu nhà thì thư lúc trẻ đồ cử nhân, từng trải sĩ đồ đi đến đâu cũng có tiếng tăm tốt. Khi làm An sát ở Quảng-Yên vì sự tiểu phi mà phải ly chức tòng thứ sáu bảy năm nhờ ơn vua do Bộ lục dụng, nhưng vì sức không được khỏe cho về làng hưu dưỡng về sau có giấy triệu ra làm quan không ra rồi mong ân vua cho nguyên hàm về làng hưu dưỡng. Năm nay tuổi vừa bảy mươi, lũ học trò chúng tôi cùng nhau đến hầu Thầy xin có điều gì Thầy cho biết để làm lời chúc thọ. Tiên sinh nói rằng : « Ta có ba điều không đáng thọ mà thọ cũng lạ thật - Khi ở châu Ôn và ở Thoát-Lãng tiên khi trời không lạnh, dưới khi đất ẩm thấp độc khí nặng nề là một điều không đáng thọ, sau đi thứ ở An-Hưng Động-Linh lấy quân ở hợp chống với giặc rất khỏe, vì bằng không chết với giặc thì cũng khó khỏi chết với phép nước được, thế là hai điều không đáng thọ. Kịp đến lúc phải đi quân thứ sông gió đạn được suýt chết mấy lần là ba điều không đáng thọ mà được thọ, thế là nhờ ơn trời và ơn vua-vậy ». Lũ môn sinh chúng tôi tỉnh

ngộ nói rằng : « không vì vật mà khuất cho nên vật không thương, không vì cảnh mà khuất cho nên cảnh không lụy được, tiên sinh há chẳng phải tự mình gây nên thọ mạch hay sao ? Kể từ lúc ở nhà kham khổ đi học thức khuya dậy sớm mà nguồn thọ một ngày một bớt đi, lại những châu ngọc và thức ăn uống trác táng mà thọ mạch một ngày một kém, vậy lúc thì vì việc binh, lúc thì vì phép nước lúc thì vì lam sơn chương khi làm cho tuổi thọ ngày một bớt đi, mà nay tuổi thọ được như thế cũng là may mắn lắm. Thầy ta lúc trẻ tính cương cường lúc làm quan thì giữ gìn tư cách đề bồi dưỡng thọ mạch, có đường lối hẳn hoi cho nên đường làm quan trải bao thăng trầm, đường đời trải bao gian nan mà mũ cao áo dài về làng ngắt ngưỡng hầy còn đến nay há chẳng phải tiên sinh có điều gì đáng để được hưởng thọ cho nên trời cho thọ, vua cho thọ, chính là cái lẽ đó. Đến bây giờ tuổi thọ được sánh với ông Kiêu-Bành, ngày tháng cũng còn nhiều dịp để mở tiệc thọ, thiếu gì lúc vông ngựa nghênh ngang ra vào bãi tiếp đây nhà hi khí, môn sinh chúng tôi lấy làm vinh hạnh lắm. Từ bảy mươi mà tám chín mươi đến tuổi thọ như bạc kỳ đi mà làm lễ thọ thì thiếu gì cơ hội. Bây giờ lũ môn sinh chúng tôi cùng các con của Thầy xin đến nhà Thầy chúc thọ thì hẳn hạnh biết nhường nào !

Lũ môn sinh chúng tôi đồng bái thượng.

Phiên âm : Tự-Đức nhị thập lục niên, chính nguyệt thập ngũ nhật. Nhân năng tự thọ, nhiên hậu thien thọ chi, quân thọ chi, nhi phạm sở dĩ vi thọ gia quang thái giả ư yên, du tập, ngã Hòa-Trai tiên sinh : dĩ thi thư chi duệ, táo bạt hương giã, dịch lệ : h sĩ đồ, sở tại hữu hảo tiểu tức, cập nhiệt vu Quảng-Yên dĩ tiểu phi, ly chức tòng thứ lục thất niên, khâm mông do Bộ lục dụng, nhiên dĩ lữ lục bất kham, triền cáo hồi quán, lũ trưng bất khởi, tầm mông ân chuẩn, nguyên hàm hồi quán hưu dưỡng, kim niên giới thất thập thọ, sinh đảng tượng dữ tiền bái thỉnh, hữu sở đồng dĩ vi thọ ngôn, tiên sinh viết : ngộ hữu tam bất nghi thọ, nhi thọ diệc vận hi, phương tại Ôn châu, Thoát-Lãng, thượng vu, hạ ôn, độc khí uất chương, bất nghi thọ nhất dã, hậu thứ An-Hưng Động-Linh, dĩ ở hợp chi chúng, kháng phương trương chi lộ, túng bất tử dịch, an năng miễn tử vu pháp, bất nghi thọ nhị dĩ, cập kỳ phái vãng quân thứ, ba đào phòng địch, tẩn ư tử giả lữ hi, bất nghi thọ tam dã, bất nghi

thọ nhi thọ, thiên thọ chi, ngô quân thọ chi dã, sinh đẳng quốc nhiên  
ngộ viết: bất khuất ư vật, cố vật bất năng thương, bất mỵ vu cảnh,  
cố cảnh bất năng lụy, tiên sinh phi sở vị tự thọ giả dư! phù tự quý  
lập hoàng trạch chi túc hưng, nhi thọ nguyên nhất thiên, châu ngọc  
bồ diêm cai phong xỉ, nhi thọ mạch nhất trường ư thị hồ, hữu vu  
vu bích, vu pháp, vu lam sơn chương khí giả, thọ vực chi cơ, bất trụ  
địa hạnh hi, ngô sư thiếu phụ cương trường, kỳ cư quan phụng chức,  
tất năng tự thọ, ư sở thương chi ngoại, nhi sở dĩ bởi kỳ thọ mệnh giả,  
hữu đạo hi, cố hoạn lộ lịch kỳ thăng trầm, thế đồ lịch kỳ gian nan, nhi  
hoàng quan cố lý, hạo nhiên độc tồn, phi tiên sinh tất hữu, tất đặc kỳ  
thọ chi lý, cố thiên thọ chi, ngô quân tòng nhi thọ chi đa? cố hy tiên  
chi Ki'iu-Bàoh chi tuế nguyệt, do đa cụ khách khai diên cai mã chi môn  
lư, hữu kế, bài tiền bài hậu, hi khí doanh môn, kỳ vinh thịnh vi hà như  
đa? do thất thập, nhi bát thập, nhi cửu thập, nhi kỳ đi; xứng thương cử  
thọ, sinh đẳng trường đặc dữ lệnh tự xu bởi ư lễ môn nghĩa hộ chi tiên,  
tác hạnh thậm.

Môn sinh đẳng đồng bài thương.

(Trích bài trường của môn sinh mừng cụ Hiền tổ khảo thái bộ  
tướng công thọ bảy mươi tuổi - Nguyễn-Tộc Thế-Phá. 1961 - Phần  
G.2 tiên quân văn chương - trang 103. Cụ NGUYỄN-ĐỨC-ĐÀM  
phiên dịch).

## • VỀ PHONG TỤC LÀM TRƯỞNG

Việc tế Thành hoàng ở Đình, theo lệ Thôn thì họ nào có người hòm,  
sắc cao nhất, họ ấy hàng năm được hân hạnh dâng lễ tế Thần trước. Họ Bùi  
ta, được cử thời có ông Quận Kiệu, rồi ông Tham, ông An, sau này có ông  
Sáu Thụ, cho tới các ông Hai Tháp, Ba Bia, Cả Trích, cũng đều đứng vào  
hàng chức sắc cao nhất Thôn, Xã, nên bao giờ kỳ đầu năm âm lịch, Phe của  
Trọng Chi cũng đứng hàng đầu sửa lễ ra Đình Tiếp tới họ Trần và sau là các  
họ khác Phe làm lễ đầu năm còn có nhiệm vụ phục dịch việc Thần ở Đình  
quanh năm nữa.

Sửa lễ cúng Thần, lệ định chi cau, rượu, hương, hoa là đủ, nhưng ở  
Trọng Chi, tiền nhân đã nhân dịp đó, khéo xếp đặt có mâm xôi con lợn cúng  
tế. Mọi chi tiêu về lễ vật thì lần lượt các nhà trong Trọng Chi có con trai  
đầu lòng phải cung ứng. Sửa lễ Thần và ngày tế Tò đầu năm cùng một dịp,  
nên việc Họ, việc Phe cũng tiện cả một lần.

Nguyên họ nhà có lệ gia đình nào sinh con trai đều phải sửa lễ cáo Tò.  
Lễ trình diện Tò của các trai họ này gọi là « Làm trường » mà thiên hạ kêu  
« dâng cai ». Các Chi đều lấy dịp tế Tò đầu năm, biện lễ làm trường cho con.  
Chi cần phẩm vật, hương hoa ra từ đường là đủ, còn nếu nhà trường muốn  
đãi đạ riêng bà con tại nhà thì tùy ý. Việc làm trường như vừa kể là riêng  
nói về ba Chi: Trường, Thúc và Quý Chi mà thôi. Duy Trọng Chi việc làm  
trường cho con có hơi khác.

Ngoài cau, rượu ra từ đường cáo Tò cho con trai như cựu lệ, nhà  
làm trường còn làm xôi lợn cúng Thần ở Đình nữa. Như thế, riêng Trọng  
Chi làm trường cho con gọi là « trường họ » cũng đúng mà kêu « trường phe »  
cũng chẳng sai.

Ở Trọng Chi, làm trường cho con trai đầu, lệ là con lợn, không kể nhỏ  
to, lược nguyên cả con gọi « Toàn sinh » và mâm xôi, cau rượu Cúng lễ ở Đình  
xong xuôi, nhà trường đưa lễ về, sả thành từng phiến đưa biếu trong Chi, mỗi  
xuất một phiến thịt, phần xôi, không sót một ai, trừ những trẻ chưa có tên  
trong « Sổ ghi trường » Chi bắt buộc con trai đầu lòng phải biện lễ trường,  
các con sau chỉ lần lượt nộp cho Phe một mán tiền theo lệ định là đủ.

Ở Phe Trọng Chi, người có con trai đầu đến lượt làm trường, dù  
có túng kiết đến đâu cũng vẫn dâng hoàng trong việc sửa lễ. Ngoài con lợn,  
xôi cúng Thần, rồi đánh phàn đưa biếu còn có phụ thêm cỗ bàn, có khi mở  
dè giết bò mời khắp hàng Phe đến nhà mình chè chén. Dầu rằng tiệc tùng chỉ  
là việc phụ, song trong Phe đưa nhau đãi đạ khách khứa sao cho đặc biệt.  
Mỗi kỳ trường họ đầu năm, nhà Trường làm rạp, trang hoàng, hân hoan đón  
mời họ đương nổi thêm tình thân ái.

Cờ thời, vì điều hiếm đĩnh trong Chi, nên lễ lợn, xôi của Phe có năm không có nhà nào có con đầu ra gánh vác, hàng Phe phải bỏ tiền nhau sắm lễ. Nhưng sau, mỗi kỳ Phe trưởng đầu năm, Trọng Chi phải dọn xếp lễ vài ba nhà cùng làm trưởng cho con một lượt, như thể số đĩnh vẫn tăng gia mạnh, các trẻ chờ đến lượt trưởng sau này mỗi năm một nhiều thêm, Phe đã khéo nên: tuy mấy nhà làm trưởng cho con một kỳ, nhưng chỉ cần một nhà có con trai đầu lòng sửa xôi, lợn thời, các nhà khác làm cho con thứ trở xuống, cần tiền là đủ. Nếu có ai muốn làm trưởng cho khắp mặt các con, Phe cũng vui nhận, chỉ phải chờ đợi năm nào Phe thiếu nhà có con đầu lòng sửa lễ cúng Thần, mới tiện dịp.

(Trích Tục-lệ của Họ — Gia Phả Họ Bùi (Bùi-Việt) — 1967, trang II và IV).

#### ĐÌNH ĐÁM.

Nay nói riêng về đám rước của thôn Bình-Đê:

Đám rước khởi hành hướng thôn Bình-Đê trực chỉ. Những tuần đình lo giữ trật tự trên con đường đám rước đi qua phải chặt vật làm mới đẹp nới người trong làng và người thiên hạ đừng chặt ních ở hai bên vệ đường chờ đám rước. Thoạt tiên mở đầu đám rước là năm lá cờ ngũ phương, tiếp đến chiêng, trống cái và bốn tán. Sau tán là một lộ bộ tám chiếc bằng đồng bạch gồm xà mâu, dài đồng, phủ việt... Rồi đến kiệu long đình trong lễ bát hương có phượng trống nhỏ đi kèm, thứ nữa đến một bộ bát biểu bằng gỗ sơn son thiếp vàng hình bầu rước, túi thơ, quạt, kiếm.. theo sau là một đám người cầm kiếm ngự: ngân kiếm (bốn), khảm kiếm (hai) và phượng kiếm (hai) đi sát bên ngọc lộ (1). Rồi đến lớp khác cũng lại tán, bát âm, lộ bộ, ngự kiếm... và bốn người cầm thanh đao (2). Các người phụng nghinh đều mặc áo nậu đỏ cổ sồi (3) vàng hoặc xanh, chân đi

Phụ chú:

(1) Ngọc lộ: ngai vàng trong lễ sắc của thánh phụ thánh mẫu (chị mẹ Thần).

(2) Thanh đao: phát trần bằng rễ cây đũa dùng để phủi bụi và xát pháo bám vào kiệu

(3) Áo nậu đỏ cổ sồi: một thứ áo bằng ni lông có viền yếm giống như cái lá sen (cổ sồi).

đất hoặc mang giầy, thắt lưng xanh đỏ tùy theo nghi thức (1). Bấy giờ mới đến kiệu rước Thần tượng, có hai người ăn mặc võ tướng chân đi ủng sau lưng cầm cờ tuyết mao (2) đi giạt lùi trước kiệu. Đi sát hai bên kiệu là hai người cầm quạt và che kiệu và sau kiệu lại có hai người mang hai ngọn giáo (áo hậu). Kế đến quan-đại thần lễ bộ tham tri (3) ngồi võng trên đi bốn lọng rồi đến các ông nghề ông cử. Cử nhân thì hai lọng, tú tài thì một lọng. Dưới nữa là các chức sắc tông lý và nhiều xã đi sau cùng bọc hậu đám rước. Chỗ chỗ vị thủ hiệu mặc áo tấc (4) rõ trang trọng lại đóng lên từng hồi trống lúc khoan lúc mau để ra lệnh cho các vị chấp kích đi cho có trật tự và tôn nghiêm. Pháo nổ vang trời khói bay mờ mịt phủ kín cả đám rước lẫn người đi xem. Khi đi qua các nhà tư gia và các công trào thì đám rước lại dừng lại khá lâu. Đèn đuốc, pháo bông, pháo màu sáng như sao sa. Vào những dịp đình đám trai thanh gái lịch ở các nơi đó vẻ vui như chày hội.

Khi rước Thần tượng về Đình thì các quan viên vào lễ yển vị rồi dân làng giải tán. Hàng ngày có các budi tế Thần. Budi sáng thì Bình-Đê, trưa thì Cao-Lý và tối thì Gia Bùi. Thôn nào tế lễ riêng ở Đình thôn nấy.

Vào dịp đình đám trong Đình thì hát chèo, hát tuồng hay cổ đầu. Lúc ấy hai bên sân Đình lát gạch hoa các quan viên ngồi trên chiếu hoa nệm gấm phụng sự rất long trọng. Ngoài sân thì hò hò, sóc đĩa. Hàng ngày có nhiều trò chơi vui: chọi gà, cờ người, đánh vật, tđ tôm diêm, bơi lội...

Thời hạn vào đám hoặc là một tuần hoặc nửa tháng. Năm nào phong đăng hòa cốc (5) thì vào đám đầy trà (6) (từ mùng hai đến hết hai tháng

(1) Trang phục dùng vào việc phụng nghinh: là áo nậu đỏ. Tuy nhiên vẫn được phân biệt rõ ràng. Thí dụ: rước thần sắc thì áo nậu đỏ sồi cổ xanh, thắt lưng màu cánh sen, mang gươm vàng thì áo nậu sồi vàng, không có thắt lưng. Ngoài ra, số người cũng được quy định: kiệu Thần tượng và kiệu trước sắc đều mỗi kiệu 16 người, long đình, thì 8 người, xe trống thì 2 người.

(2) Cờ tuyết mao: cờ Vua ban cho tướng sĩ để chỉ huy quân sĩ.

(3) Tham tri lễ bộ: một chức đương quan ở trong Bộ Lễ của nhà vua.

(4) Áo tấc: một thứ áo lễ phục.

(5) Phong đăng hòa cốc: được mùa màng.

(6) Đầy trà: kéo dài suốt một tháng.

hai âm lịch), còn bình thường thì chỉ đến mười tám tháng giêng âm lịch. Định hôm nào rã đám thì thôn Bình-Đê báo cho hai thôn kia cùng rước Thần tượng ở Đình thôn Bình-Đê ra Miếu để làm lễ tổng tịch (1) Thần tượng. Lúc ấy lại rước Thần tượng ra để thờ quanh năm ở ngoài Miếu. Các sắc của Thần thì do Văn trưởng (2) hoặc vị có chức tước giữ (3).

(Trích « Đình đám » ở phần Phụ lục của Nguyễn-Tộc Thế-Phả. 1961, trang 270-273).

### ● VỀ MẶT XÃ HỘI.

Bên cạnh sự ích lợi trực tiếp đến bản thân con người là nguồn gốc tổ tiên, gia phả còn ảnh hưởng gián tiếp đến đời sống trong xã hội rất nhiều.

Như trên đã nói, người xưa nhờ gia phả mới tỏ rõ gốc nguồn, cũng lại nhờ gia phả mà con cháu biết tôn kính tổ tiên bảo tồn dòng dõi, do đó người có thời qua bao thăng trầm thế sự vẫn giữ vững nếp sống hiền hòa đạo đức.

Giúp con người tìm ra nguồn gốc lai lịch, đồng thời xóa bỏ mọi kỳ thị địa phương, tôn giáo, chủng tộc v.v..., đó là ích lợi gián tiếp của gia phả trong đời sống xã hội.

Vậy ích lợi gián tiếp ấy như thế nào ?

Tất cả mọi người chúng ta một khi đã biết rõ được nguồn gốc lai lịch, đã hiểu rõ được là thân mình do đâu mà ra vì đâu mà có thì mọi người tất phải ngạc nhiên khi thấy rằng ông tổ bao nhiêu đời của mình cũng như ông tổ của những người sống chung quanh mình hết thảy đều phát tích tự miền bắc. Đó là một sự thật hiển nhiên không ai có

(1) Tổng tịch : lễ rước Thần tượng về Miếu ( cũng như lễ rã đám là rước Thần tượng hoàn cung ( về cung ).

(2) Văn trưởng : người có khoa cử trước nhất hoặc đồ cao nhất Văn trưởng cũng như là Thủ chỉ được quyền giữ sắc của Thần. (Sắc Thần ngày trước vẫn để ở trong Nhà Thờ Tiểu tôn Nguyễn-Đức, tức là Nhà Thờ Bát chi cụ Tuấn).

(3) Người giữ sắc Thần phải là người có chức tước.

thể chối cãi được. Vì rằng, dù là người Nam, người Trung hay người Bắc, dù là Phật giáo, Công giáo, Cao đài, Hòa hảo, và dù cho thờ người, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, khuynh hướng... có khác nhau chút đỉnh thì tựu chung chúng ta cũng vẫn là người Việt-Nam cùng chung một ông tổ và giống nhau hoàn toàn từ thê chắt tới tâm hồn ý nghĩ.

Suy luận cho kỹ thì ta mới thấy tác dụng của gia phả đối với đời sống tinh thần của con người ở trong xã hội thật là lớn lao. Vì ngoài việc hướng dẫn con người trở về với nguồn gốc, gia phả còn có thể mang lại sự nghỉ ngơi thư thái cho những tâm hồn quá mệt mỏi vì bon chen danh lợi, nó cũng giúp cho tâm tư con người được lắng dịu để suy tư, so sánh và cân nhắc tư tưởng hành động hiện tại của mình với quá khứ của tổ tiên mà giảm bớt được những dục vọng xấu xa, hun đúc cho tình quê hương đồng loại được bền chặt thắm thiết hơn. Ngoài những ích lợi về mặt tinh thần, gia phả cũng còn có một tác dụng thiết thực về mặt pháp lý nữa. Như trường hợp một người có gia tài bỗng chết một cách bất ưng chưa kịp làm chúc thư, cũng không có cha mẹ, vợ con, anh em ruột thịt thì làm thế nào để sử dụng tài sản ấy một cách hợp pháp ? Thông thường thì khi người chết không có ai là ruột thịt thì luật pháp có quyền đứng ra truy tìm tông chi của người chết để tìm xem còn ai là bà con thân thích để trao lại di sản. Dĩ nhiên, kẻ được hưởng của cải ấy phải chứng minh trước pháp luật sự dây liên lạc gần nhất với người chết. Và điều này có thể giải quyết mau chóng dựa vào gia phả. Thật vậy, người ta chỉ cần truy cứu mục Tộc hệ trong gia phả là biết ngay người nào được hưởng tài sản ấy, nghĩa là biết người nào ở trong họ là người thân cận nhất với người chết. Như thế nhờ gia phả cũng bớt cho Tòa án được phần nào những việc tranh tụng rắc rối về quyền thừa kế. Tất nhiên thứ gia phả mà chúng tôi nói đây phải là thứ « thiết », thứ gia phả đã được họ hàng của người chết công nhận từ lâu đời, chứ không phải là thứ gia phả « ngụy tạo ».

HỒNG - LIÊN

LÊ - XUÂN - GIÁO

## phong - cảnh cố - đô huế

Bình-phần phong-cảnh các đô thành trong nước Việt-Nam chúng ta, kể từ Nam tới Bắc, ai ai cũng phải công nhận phong-cảnh Huế là rất đẹp.

Phong-cảnh Huế rất đẹp, không phải đẹp một cách phần hoa náo nhiệt như Saigon, cũng không phải đẹp một cách hào nhoáng lộng-lẫy như Hà-nội, mà đẹp một cách thanh-tao lịch-sự, đẹp một cách trầm tĩnh tự nhiên, đẹp với cái đẹp độc-đáo, cái đẹp đặc-biệt Huế, thật không thể nào tả cho xiết cái nét đẹp, cái vẻ đẹp của nó được.

« Bút Thần khôn vẽ cảnh thiên-nhiên ».

Phong-cảnh đô thành Huế rất đẹp trước hết là nhờ có con sông Hương. Con sông Hương — cái tên của nó cũng đẹp như hình và sắc của nó — ở Huế không phải như con sông Hồng ở Hà-nội. Con sông Hồng là nguồn gốc thiên tai thủy潦 cho xứ Bắc, trái lại con sông Hương là kho-tàng tài-nguyên thủy lợi cho đất Thần-kinh. Có thể ví con sông Hồng như một bà già cay-nghiệt khắt-khe mà con sông Hương là một thiếu-thư mỹ-miệu, mơ-mộng, hay một thực nữ duyên-dáng yêu-kiểu, quyến rũ du-khách bốn-phương vậy.

Nước sông Hương cũng không như nước các con sông khác trong nước. Ở đây, nước trong cả bốn mùa, lờ-lờ chảy, dịu-dàng trôi, không gợn sóng, không có khúc sông nào nước chảy xiết, du khách đi thuyền ngoạn cảnh trên sông Hương chẳng khác nào như đi thuyền trong hồ phẳng-lặng, êm-đềm vậy. Có những nơi nước trong đến nỗi người ta nhìn thấy đáy sông nữa.

Con sông Hương nằm giữa cố-đô Huế như một cái băng dài trắng-xóa làm đường ranh giới chia cố-đô Huế thành hai khu-vực song-hành : Tả ngạn và Hữu ngạn. Tả ngạn là khu-vực Hoàng-thành, Hữu ngạn là khu vực Bảo-hộ hay khu vực Tây ( quartier européenne ) ngày xưa, ngày nay thì Tả ngạn cũng như Hữu ngạn đều là đất nước của Việt-nam chúng ta.

Đêm đêm, người ta đứng hai bên bờ sông Hương nhìn xuống sông, thấy hàng chục, hàng trăm chiếc thuyền nhẹ-nhàng chèo lờ-lững giữa dòng, trong thuyền có những ngọn đèn lấp-lánh, lại có những tiếng ca giọng hò véo-von từ dưới thuyền vọng lên, khiến cho du-khách có cảm-tưởng như đứng trước một cảnh sắc thần tiên thơ mộng.

Có người đã nói : Nếu cố-đô Huế mà không có con sông Hương, thì cái đẹp của Huế có thể giảm đi mất nửa phần, thiết tưởng cũng là lời nói xác-đáng vậy.

Con sông Hương đã làm cho cố-đô Huế có cái đẹp hữu tình và hấp dẫn, lại còn thêm hòn núi Ngự-bình càng làm tăng cái vẻ đẹp của cố-đô Huế bội phần.

Thật vậy, Ngự-bình-sơn ở Huế không phải hòn núi to-lớn, hùng-vĩ như Hồng-lĩnh ở Nghệ Tĩnh, như Hoàng-sơn ở Quảng-binh - Hà-tĩnh hay Ngũ-hành-sơn ở Quảng-nam. Nhưng Ngự-bình-sơn tự nó đã có cái đẹp dị-biệt, thanh-bình của nó.

Ngự-bình-sơn không cheo-leo, không hiểm-hóc, không khúc-khuyết gập-gbénh, lờ-thơ những chồi cỏ mọc, rải-rác những nụ hoa cười, bốn mùa thông reo chim hót, làm hồi gió mát trăng thanh, khiến cho du khách thường lên đó để thưởng-ngoạn. Buổi xưa, hễ gặp những ngày Trưng-cửu (mùng 9 tháng 9), các văn nhân mặc khách thường lên Ngự-bình-sơn ngắm vịnh xứng họa, quả là một thú chơi thanh cao khiến hứng.

Có người đã ví Hồng-lĩnh, Hoàng-sơn và Ngũ-hành-sơn là những ông già kiêu-cãnh nam-hiêm, tự đại tự cao, mà Ngự-bình-sơn là một trang

thanh-liên anh-tuấn, mục tú my thanh, hiền-hòa phong-nhã, tướng cũng không quá đáng lắm.

Và lại Ngự-bình-sơn án-ngự về phía Nam kinh-thành Huế làm bức bình-phong muốn đời cho kinh-thành. Theo nhãn-quang của các nhà địa lý học ngày xưa thì Ngự-bình-sơn lại còn là cái án của nhà vua nữa.

Từ Ngọ-môn, chúng ta nhìn thẳng lên núi Ngự-bình đứng sừng sừng như một tấm bảng lớn đột khởi lên ở giữa bình nguyên, thật là ngoạn mục vô cùng.

Cổ-đô Huế đã có con sông Hương lại thêm có núi Ngự-Bình, thì cái đẹp của phong-cảnh Huế thật là toàn hảo, toàn mỹ, thật là kỳ công kiệt tác của Tạo-hóa.

Ngược lại, nếu không có núi Ngự-bình làm bình phong cho kinh thành Huế thì cái đẹp, cái xinh của Huế chắc-chắn không được mười phần vẹn mười như thế ấy.

*« Giang sơn ấy, cảnh sắc này.*

*Khen cho con Tạo khéo tay xây ».*

Con sông Hương của cổ-đô Huế tự nó đã xinh đẹp hơn tất cả các con sông khác trong nước Việt-nam chúng ta, lại có cầu Trường-tiền bắc ngang trên con sông ấy, làm cho sông Hương đã đẹp lại đẹp thêm, đã xinh lại xinh thêm chẳng khác nào một bức gấm thượng hảo hạng lại được thêu-dệt thêm những bông hoa thật rực-rỡ nữa.

Cầu Trường-tiền gồm có 6 vòm 12 nhịp, dài độ 800 thước, rộng độ 8 thước, không dài và không lớn bằng cầu Long-biên ở Hà-nội; còn cách kiến-trúc cầu Trường-tiền cũng không tài-tình bằng cầu Hàm-rông ở Thanh-hóa. Nhưng cầu Trường-tiền trông đẹp hơn cả cầu Long-biên và cầu Hàm-rông là nhờ có con sông Hương đẹp như đóa hoa khôi vậy.

Con sông Hương đã đẹp, lại nhờ có cầu Trường-tiền, cho nên con sông Hương lại đẹp thêm. Ngược lại, cầu Trường-tiền đã xinh, lại nhờ có con sông Hương, cho nên cầu Trường-tiền lại thêm xinh nữa.

Những lúc vui-vẻ, những lúc buồn-rầu, và những khi mệt-mỏi sau những giờ làm việc, người ta thường tới cầu Trường-tiền để thưởng thức, để tiêu khiển hay để giải trí, nhất là ban đêm. Đứng trên cầu Trường-tiền nhìn xuống giòng sông Hương, y như nhìn một bức tranh sơn thủy tuyệt mỹ mà họa-sĩ là hóa-công vậy.

Trước phong-cảnh tuyệt hảo tuyệt mỹ của cổ-đô Huế, có một nhà thơ ngày xưa đã vịnh bốn câu thơ tứ tuyệt sau đây :

*« Sông Hương một dải, một con thuyền.*

*Nửa cảnh nhân gian, nửa cảnh tiên.*

*Gợn sạch trần ai không chút bợn.*

*Tưởng mình lạc nẻo chôn đào nguyên ».*

Ngoài hai danh sơn và đại xuyên được miêu-tả ở trên ra, cổ-đô Huế còn có những danh-lam kiến-thiết từ nhiều thế-kỷ lại bây giờ như Điện Hòn-Chén (ở chân núi Ngọ-Trần, gần nền Vạn-niên cơ và gần đây Trường-sơn), chùa Thien-mụ được xây một cách đặc biệt (tại địa phận làng Xuân-hòa gần làng Kim-lương), chùa Từ-đàm (gần đàn Nam-giao), chùa Diệu-đế (ở về khu Gia-hội) v. v. . .

Những nơi thắng cảnh ở Huế thì có bến Thương-bạc (trước cửa Thương-tứ), lầu Phú-văn (trước cửa Ngọ-môn), Bến ngự (ở về sông và làng An-cựu gần Phú-cam), Bến Bao-vinh (gần đôn Mang-cá), Bến Nam-phố (gần Đập-đá), đàn Nam-giao (cách Huế 4, 5 cây số về phía Nam) v. v. . .

Còn cầu, thì ngoài cầu Trường-tiền ra, lại có cầu Thanh-long (gần Bao-vinh và Mang cá), cầu Bạch-hồ (gần ga Huế), cầu Đông-ba và cầu Gia-hội ở về khu Tả-ngạn).

*« Đông-ba, Gia-hội hai cầu.*

*Nhìn lên Diệu-đế bốn lầu ba chuông ».*

và :

*« Đông-ba, Gia-hội có hai cầu.*

*Đập-đâu kẻ văn-nhân tài tử ».*

Ở Tả-ngạn sông Hương, về phía Thành-nội, thời có Kinh thành ở ngoài, Hoàng-thành ở giữa và Cấm-thành ở trong. Trong Cấm-thành là nơi nhà vua ở ngày trước thì cung điện nguy-nga, lầu-đài xán-lạn không thể nào tả hết được.

Ra khỏi thành-phố Huế, về hướng Tây-Nam núi non trùng-trùng điệp-điệp, có những lăng-tâm trông rất tôn-nghiêm tráng-lệ như Thiên-thọ lăng của Gia-Long, Xương - lăng của Minh - Mạng, Hiếu - lăng của Thiệu-Trị, Khiêm-lăng của Tự-Đức và Ưng-lăng của Khải-Định v. v. .

Các Khiêm.lăng không xa mấy, có Âu-lăng là lăng vua Quang-Trung, nhưng lăng này bị san bằng không biết từ đời nào.

Tương truyền rằng: Ngày xưa, khi vua Gia-Long mới thắng được nhà Nguyễn Tây-son, Ngài đi tìm chỗ đất đai.địa để thiết-lập kinh-đô. Một hôm, từ đời Long-Thọ (hay Thọ-Xương) đi tới đời Thiên-mụ, Ngài cảm thấy mỏi-mệt, bèn trái nệm nằm tựa lưng trên đồi, không ngờ ngủ say-sưa, và trong giấc chiêm-bao, Ngài thấy một bà già đầu tóc bạc phơ, diện mạo khả kính, Ngài cho đó là vị thần-nhân, nên kính-cần thưa :

« Quà-nhân đương đi tìm qui địa để xây-dựng kinh-đô mà tìm chưa được, vậy xin Thiên - mụ (mụ già trời) chỉ cho chỗ đất nào khả dĩ thiết-lập được Đế-đô, quả-nhân xin ghi lòng tạc dạ công ơn của Thiên-mụ, và sẽ xin lập chùa thờ Thiên-mụ để đời đời khói hương phụng sự.

Mụ già đáp : « Ngài hãy theo tả ngạn Hương-giang đi về hướng đông, đi tới nơi nào mà tả có thanh-long, hữu có bạch - hổ, lại có Ngự-bình-sơn làm án, thì Ngài sẽ thiết-lập Đế-đô ở đây. . .

Chợt tỉnh, nhà vua không thấy bà già trong giấc mộng ở đâu nữa, nên cho đó là người nhà trời giáng xuống để chỉ đất làm Đế-đô ; và theo lời chỉ-báo của vị thần-nhân, Ngài đi từ-từ về hướng đông, vừa đi vừa quan sát, và đến chỗ đất hiện nay là Thành-nội Huế, Ngài dừng lại ngắm rọi quyết-định kiến-trúc kinh-đô ở đây.

Câu chuyện truyền thuyết trên này, không biết có đúng sự thực hay không, nhưng các nhà địa-lý cho chỗ kinh-đô Huế là đặc địa, là đặc địa, cho nên sau bao cuộc bề dẫu biến đổi, mà kinh thành Huế vẫn tồn-tại tự-nhiên, không bị tàn-phá như những cố-đô khác.

Khi tới Huế du-ngoạn, có người đã vịnh 4 bài thơ sau đây :

### 1. CỔ - ĐÔ PHONG - CẢNH

Trái mấy phong trần, dải nắng mưa,  
Ngõ-môn cao ngất một cây cờ.  
Từ-đâm hôm sớm chuông chùa gọi,  
Đệp-đá đêm ngày ngọn gió đưa.  
Núi Ngự thông reo vừng nhứt rọi.  
Bến Bao (1) thuyền gợn bóng trăng mờ.  
Bức tranh sơn thủy trông càng đẹp,  
Du-khách ai ơi chớ hững-hờ.

### 2. CỔ - ĐÔ HỮU - CẢM

Cố-đô trầm lặng cảnh nên thơ.  
Ngắm cảnh băng-khuông nhớ bấy giờ.  
Bạch-hồ lạnh-lùng câu hát cũ,  
Thanh-long lai-lãng nét trăng xưa.  
Kìa chùa Thiên mụ thần cho đất,  
Này chốn Trường - an để dựng cờ.  
Dân-chủ ngọn triều tràn ngập khắp,  
Riêng đây cung điện vẫn tro-tro.

### 3. CỔ-ĐÔ TRUY TƯ

Cố-đô ai vẽ nét tương tư.  
Cảnh ấy, tình này lưỡng ngân-ngo.  
Bình linh mây vàng bay lừng-thừng,  
Hương-giang nước biếc chảy lờ-ờ.  
Trông về Nam phố lòng man-mác,  
Quay lại Kim long bước thần-thờ.  
Ước hỏi những ai người ai người cố cựu.  
Trò đời hưng phế đã mau chưa ?

(1) Bến Bao là bến Bao-vinh về phía đông bắc cố-đô Huế. Nơi đây thuyền bè tập-nập, những thuyền ở ngoài vào đều đậu ở đây. .



## 4. THUYỀN ĐÊM TRÊN SÔNG HƯƠNG

Đèn điện giăng giăng bóng tỏ mờ,  
 Tư bề đô-thị lặng như tờ.  
 Trăng trong, gió mát, dòng lai-láng,  
 Sao sáng, trời xanh, nước lừng-lờ.  
 Nhìn tới Tòa-Khâm mừng cảnh mới,  
 Trông về Tả-ngạn gọi tình xưa.  
 Thân-tiên phong-cảnh là đây nhỉ ?  
 Bề ái mệnh - mộng chẳng có bờ.

Về phần tôi, ngày xưa tôi ngụ trong Thành - nội để đi học tại trường Quốc-tử-giám Huế mấy năm, nên tôi cũng có 2 bài thơ sau đây :

## 1. QUA TRƯỜNG QUỐC-TỬ-GIÁM CŨ CẢM TÁC

Vào khời Kinh-thành nghĩ văn-vơ,  
 Trùng lai nào biết có bấy giờ ?  
 Ngồi trường Quốc-tử rêu xanh mọc.  
 Bìa đá Di-luân (2) chữ tỏ mờ.  
 Người cũ vào ra hình ảnh vắng,  
 Vườn xưa qua lại cỏ cây thưa.  
 Tới đây lưỡng những lòng vương-vấn,  
 Thăm-thoát xa đây bốn giáp thừa.

## 2. DU-NGOẠN TẢ-NGẠN ĐÔ-THÀNH HUẾ CẢM TÁC

Bánh xe lịch-sử mãi vẫn xoay,  
 Cảnh cũ thành trì vẫn thấy đây.  
 Diệu-đế chuông ngân hồi sớm tối,  
 Đông-ba chợ họp khách đông tây.  
 Chín lầu Cung-cấm trang nghiêm nhĩ,  
 Tám cửa Hoàng-thành tráng lệ thay !  
 Càng ngắm, càng say, càng tự hỏi :  
 Trời Nam phong-cảnh có đâu tây !

(2) Tại trường Quốc-tử-giám, có ngôi nhà lớn gọi là « Di-luân » ; mỗi lầu bình văn ở đây có các quan đại thần tham-dự. Trước sân nhà « Di-luân » có bìa đá khác chữ Hán.

NGUYỄN - VĂN - LUẬN

việc tang ma và thờ cúng tổ - tiên  
của người chàm hồi-giáo ở saigon

Trong các sắc dân thiểu số ở Việt-nam, người Chàm được các nhà nhân chủng khảo cổ chú ý nhiều hơn cả. Được như vậy vì Vương-quốc Chiêm-thành từng có một lịch-sử oai-hùng, hơn nữa họ sớm hấp-thụ văn-minh Ấn-độ nên về các phương-diện mỹ-thuật, kiến-trúc, văn-học đã tiến-bộ rất nhiều. Hiện nay đa-số người Chàm theo đạo Bà-la-môn, chỉ chừng 1/3 tổng số người Chàm ở Trung-phần và những người ở miền Tây Nam-phần Việt-nam là theo Hồi-giáo. Nhưng người Chàm Bani (theo Hồi-giáo) ở Trung-phần không được chính-thống và những sự liên-lạc với thế-giới Hồi-giáo hay người đồng đạo ở bán đảo Ấn-Trung gần như không có gì. Chỉ những người Chàm ở Tây-ninh, Châu-đốc là còn theo được nhiều quy-luật của Hồi-giáo.

Từ thời Đệ-nhị thế-chiến và nhất là sau vụ lụt tai hại năm 1966, nhiều người Chàm ở miền Tây Nam-phần đã di-cư về Saigon. Theo một văn-thư ngày 14 4 1968 của Ông Tổng Thư-ký Hiệp-hội Chàm Hồi-giáo gửi lên Bộ Phát-triển Sắc-tộc và Viện Thống-kê thi hiện nay ở tỉnh Gia-định và vùng Saigon Chợ-lớn có đến 7.000 người Chàm cư-ngụ.

Sau khi rời bỏ quê-hương và phải sống chung đụng với người Việt, những người Chàm Hồi-giáo này còn giữ được những gì đúng theo tập-tục và tín-ngưỡng ?

Dưới đây chúng tôi xin trình bày riêng về một khía cạnh của văn-minh Hồi-giáo ảnh-hưởng đến xã-hội Chăm, đó là vấn-đề tang ma và thờ cúng tổ-tiên của người Chăm ở Saigon.

#### A/ VIỆC TANG MA.

Khác với người Chăm Bà-la-môn ở Trung-phần làm lễ hoả-táng rồi lấy một số mảnh sọ người quá-cổ để vào « kut » của gia-đình mẹ (1), người Chăm Hồi-giáo theo tục-lệ chôn người chết. Tuy nhiên có nhiều nghi-thức đáng chú ý trong vấn-đề tang ma này :

Trước tiên là tục tắm rửa tử-thi do người thân-thích hoặc những người thành-thạo đảm-nhiệm. Những người này cho biết họ đã dùng xà-phòng kỳ cọ tử-thi nhiều lần. Dùng bông gòn ngoáy lỗ tai, lỗ mũi, mắt và miệng cho sạch-sẽ. Ngoài ra còn phải bóp, vuốt từ bao-tử xuống bụng dưới để nặn phân trong ruột xác chết ra và rửa kỹ hậu-môn cho đến khi nào ngửi tay mình không còn mùi hôi thối nữa mới thôi !

Sở dĩ phải làm việc đáng sợ này vì người Hồi-giáo tin rằng khi chết sẽ có hai vị thần Munkar và Nakir tới phán xét vong-hồn kẻ bạc-mệnh. Vậy tử-thi phải được tắm rửa sạch-sẽ để sửa soạn cho cuộc tiếp-xúc thiêng-liêng đó, cũng như khi sống người ta phải tẩy-thề (2) bằng nước hay cát trước mỗi buổi cầu nguyện.

Tiếp theo đó người ta rắc bột long-não vào các khớp xương như khuỷu tay, đầu gối rồi dùng nhiều tấm vải trắng (Kaphanh) để bao kín tử-thi từ đầu xuống chân : 3 lớp cho đàn ông, 5 lớp cho đàn bà. Như vậy người chết sẽ được chôn với những lớp vải liệm này thôi, còn quần áo người ta giữ lại để mặc hay cho kẻ nghèo khó.

(1) Xin coi bài « Một tập-tục của chế-độ mẫu-hệ Chăm » trong Văn-hóa Nguyệt-san số 1 (tháng 9, 1938) từ trang 123 đến 130.

(2) Nghi thức gồm việc rửa kỹ mắt mũi, chân tay và súc miệng để tẩy-ù thể-xác cho sạch trước khi cầu nguyện.

Sau nữa là tục cấm mọi người kêu gào kẻ lẽ nổi lòng đau xót khi mắt người thân-thích. Theo thuyết định-mệnh của Hồi-giáo (Fatalisme islamique) người Chăm tin rằng những sự sống, chết, giàu nghèo cũng nghèo cũng như tất cả mọi việc xảy ra trong đời mình đều do Thượng-đế Allah quyết-định. Vậy người ta không nên than thở khi cha mẹ, ông bà được về với Thượng-đế. Có người dễ-dãi hơn cho rằng khóc cũng được, song cảm kẻ lẽ ! Tuy nhiên mỗi giọt nước mắt của thân-nhân sẽ là một ao nước lớn làm khổ người quá-cổ trên đường lên với Thượng-đế.

Ngoài ra tang lễ của người Chăm Hồi-giáo phải cử-hành ngay trong vòng 24 giờ kể từ khi người chết tắt thở và bắt buộc phải chôn tử-thi nằm nghiêng, mặt hướng về phía Tây là nơi Thánh-địa. Họ không có tục phúng điếu, không dùng nhang đèn lễ vật gì trong dịp tang ma. Con cháu không mặc đồ tang-phục và dĩ nhiên cũng không để trở.

Để có thể hình-dung một cách rõ-ràng, chúng ta hãy theo dõi đám tang của một người Chăm ở Saigon. Tang lễ ấy có thể chia làm 3 giai-đoạn như sau :

1. Từ khi phát tang đến lúc nhập quan.
2. Việc chuyển cữu và chôn cất.
3. Những buổi cầu nguyện sau tang lễ.

#### 1. Từ khi phát tang đến lúc nhập quan.

Ngày 9-3-1964 thân-sinh một ông cảnh-sát người Chăm vừa tắt thở lúc 10 giờ sáng Hiệp-hội Chăm Hồi-giáo được tin liền thu xếp mọi việc : một mặc cử người đến thăm và trình Sở Y-tế, một mặt cho người đi mua gỗ về đóng áo quan. Xác bà cụ được đặt trên giường, mặt phủ một chiếc khăn tay, bên cạnh có lư trầm nhỏ tỏa khói nghi ngút. Khắp nhà yên lặng, diu hlu nhưng không ai khóc lóc hoặc bận rộn chỉ hết vì mọi việc đã có Hiệp-hội lo đùm.

Ngay tối hôm đó, bà con xóm giềng đến viếng rất đông nhưng không ai đem đồ phúng điếu. Sáng hôm sau, một số hội-viên đến thật

sớm đem theo những tấm vải mỏng để đóng quan-tài. Gõ không cần tốt và áo quan chỉ đóng sơ sài miễn sao khi đưa đám hàng phố không đến đến nổi kinh khủng vì trông thấy xác chết là đủ. Nếu ở Châu-độc, người Chăm chỉ để xác chết cuốn trong những tấm vải liệm lên một tấm ván rồi khiêng ra nghĩa-địa.

Chừng 8 giờ sáng, bạn bè và nhiều nhân-viên trong Hiệp-hội tề tựu đông đủ. Nhà đám đơn chiếc vì bà con ở xa chưa về kịp. Trong khi mọi người lo thu xếp gian phòng ngoài để có chỗ cầu nguyện thì 4 người đàn bà khiêng thây ma vào gian nhà bếp tắm rửa và làm những thủ-tục khâm liệm như đã trình-bày ở trên. Chừng một giờ sau, xác chết được trở về phòng, cuốn vải trắng kỹ-lưỡng và buộc túm phía trên đầu cũng như dưới chân. Bốn bà tắm xác; quần áo chỉnh tề ngồi cạnh thây ma trên giường, đều có vẻ mặt tư lự.

Việc nhập quan được thi-hành mau lẹ Tuy người Chăm Hồi-giao tin-tưởng ở sự vinh-cửu của linh-hồn nhưng không hề có thầy phù-thủy thầy cúng tham dự vào tang lễ. Vả chỉ là những nhân-viên trong Hiệp-hội lo việc khiêng xác chết bỏ vào áo quan, đây nắp ván thiên rồi phủ ra ngoài một tấm vải hoa xanh. Không có bùa phép hoặc nhang đèn hay lễ vật gì ở trong và trên quan tài.

## 2. Việc chôn cất và chôn cất.

Người ta khiêng chiếc quan-tài ra phòng ngoài, để theo hướng Bắc Nam (đàn ông đầu hướng về phương Nam, đàn bà phương Bắc). Sau khi lấy nước tẩy-thề, nhiều người đàn ông đứng xếp hàng dọc theo quan-tài, mặt hướng về phương Tây để làm lễ cầu nguyện dưới sự hướng-dẫn của một vị Hadji (3). Không thấy đàn bà và thân-nhân người quá-cố dự lễ này.

(3) Tin-đó Hồi-giao khi đi hành-hương ở thành-địa La Mecque về được mang danh-hiệu Hadji, đàn bà Hadja.

Lễ cầu nguyện gồm 4 lần giờ hai bàn tay lên ngang tai, miệng đọc Allanh hu Akbar v.v.. Nhưng khi cầu nguyện không ai quỳ lạy trước quan-tài. Sau đó nhiều người khiêng quan-tài ra chiếc xe vận-tài nhỏ để đem xuống nghĩa-trang gần lò da Phú-thọ.

Đám tang rất đơn-giản: Không cờ quạt, không kèn trống, chiếc xe hơi chở quan-tài đi trước tiên cũng không trang-hoàng gì chứng tỏ đây là một xe tang. Người đưa ma, phần lớn là đàn ông, yên lặng bước theo linh-cửu bà cụ. Tang chủ vẫn đầu trần chân đất và chiếc sarong cổ hủu, lại đi xa xa chỗ không theo sát xe tang. Cuối cùng là những người dắt xe gắn máy và một chiếc xe vận-tài lớn nữa. Mới đi chừng 500 thước, đến ngã tư đầu tiên mọi người đã lên cả hai chiếc xe hơi để đến nghĩa-trang cho tiện.

Nghĩa-trang Phú-thọ vẫn có nhiều khu dành riêng cho mỗi tôn-giao: khu của phật-tử với những ngôi mộ xây nhiều kiểu, khu của người theo Thiên-Chúa luôn luôn có cây thánh-giá ở trên, lại có cả đàn hêra cho người theo đạo Bà-la-môn. Riêng khu của người Hồi-giao xem chừng khó tìm hơn cả vì mộ chỉ đắp bằng mặt đất và đánh dấu hai đầu với những tảng đá nhỏ hay những cây gỗ đóng sâu xuống đất chỉ để nhô lên chừng 4 tấc.

Tại đây Hiệp-hội đã cho đào sẵn 3, 4 cái huyệt để phòng khi phải chôn nhiều người trong một ngày. Huyệt không sâu lắm, chỉ chừng 1m, 50 là cùng và bao giờ cũng đào theo hướng Bắc Nam vì người chết phải được chôn đầu về hướng Bắc, chân hướng Nam.

Quan-tài được nhiều người khiêng đến gần huyệt để thực-hiện một nghi-thức đặc-biệt nữa: người ta căng vải phía trên ngả ánh mặt trời dội vào, rồi cây nắp ván thiên xoay xác chết nằm nghiêng qua bên phải. Như vậy người chết sẽ hướng mặt về phía Tây tức là hướng của thánh địa La Mecque, thuộc xứ Arabie Séoudite. Muốn giữ cho xác bà cụ khỏi lăn qua lại khi hạ huyệt, tang chủ đã không ngăn ngại dùng nhiều cục đất chèn xung quanh. Sau đó người ta mới đóng chặt nắp ván thiên

và dòng chiếc quan-tài mọc xuống, vì mảnh vải phủ trên cũng bị tháo bỏ rồi. Tang-chủ và một người bạn chịu khó nháy hẳn xuống huyết, đứng trên nắp áo quan đề cáo đất xuống cho kỹ.

Sau đó người ta san bằng đất phía trên và đóng hai chiếc cọc vuông ở phía đầu và cuối mộ. Cuối cùng thầy Tuôn (4) ở xóm Nancy và một người nữa, có lẽ thông thuộc nghi-lễ hơn cả, cùng ngồi trên chiếc chiếu điều-khiển cuộc cầu nguyện đầu tiên bên mộ. Đây là lúc người ta nhắc nhở vong hồn những lời sẽ phải đối đáp với hai vị thiên-thần tới phán xét công tội người quá-cổ.

Điều đáng chú ý là phụ-nữ và các bà lão có đi đưa ma cũng chỉ đứng xa xa chứ không tham-dự các nghi-lễ ở nghĩa-trang. Khi mọi người ra về, ngôi mộ đã có vẻ cũ kỹ vì bị lẫn vào khung-cảnh xung quanh. Không có một nén hương, một vòng hoa tang hoặc nằm đất mới nhô lên để gọi cho con cháu sự thương cảm trước cảnh tử biệt. Dường như người Chăm đã quen chịu đựng đau khổ, hơn nữa tín-ngưỡng Hồi-giáo còn làm cho họ thêm bình-thản trước cái chết, bình-thản đến độ người ngoài tưởng họ đã thờ-ơ không còn biết thương xót là gì!

### 3. Những budi cầu nguyện sau tang lễ.

Trái với người Chăm Bà-la-môn ở miền Trung, coi vong-hồn người chết gần như một thứ thù địch nên các thầy Chàng phải làm lễ gọi hồn, bắt ma kinh khủng trong đêm khuya, người Chăm Hồi-giáo chỉ tổ-chức những budi cầu nguyện cho vong-hồn được yên tĩnh ở bên kia thế-giới.

Ngay tối hôm cất đám, một số hội-viên và bạn bè tang-gia hội họp ở nhà đám từ 20 giờ 30 để cầu nguyện. Nhiều đoạn kinh Coran được người ta ngâm-nga bằng một giọng đều đều buồn bã. Tang-chủ không thiết-lập bàn thờ vong, cũng không lưu lại ở chỗ người quá-cổ vẫn nằm nghỉ một vật kỷ-niệm gì khả dĩ giúp con cháu tưởng nhớ đến người thân đã khuất. Việc đọc kinh kéo dài đến 22 giờ thì nhà đám mang cháo gà lên thiết đãi tỏ ý cảm ơn những người đã đến cầu nguyện.

(4) Danh-từ chung để chỉ thầy giáo dạy trẻ học kinh Coran bằng tiếng A-rập.

Thường thường việc cầu nguyện còn tiếp diễn 3 đêm liền sau khi chôn cất. Rồi tùy theo gia-cảnh và tình thương nhà đám sẽ tổ-chức những buổi cầu nguyện vào ngày thứ 7, thứ 10, 30, 40 và một năm cho người quá-cổ.

## B. VIỆC THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Hồi-giáo công-nhận Ông Adam, Bà Eve và 23 thiên-sứ trong đó có nhiều vị thánh của Thiên-Chúa-giáo (như thánh Noé). Ngày thánh-lễ của Hồi-giáo là ngày Thứ Sáu, đó cũng là hôm Thiên-Chúa băng trên giá thập-tự. Và cũng như người theo đạo Thiên-Chúa, tín-đồ Hồi-giáo chỉ công-nhận một Thượng-đế là Allah nên dồn hết lòng thành kính, tin-tưởng, sự hãi vào Thượng-đế và Giáo-chủ Mahomet.

Việc thờ cúng tổ-tiên đối với người Coam Hồi-giáo, vì thế nếu chưa đến nỗi bị lãng quên thì cũng chỉ giữ hàng thứ yếu mà thôi. Ngày nay họ có nói đến việc thờ cúng tổ-tiên thì cũng là do ảnh-hưởng của cuộc sống gần người Việt và Trung-hoa. Còn theo Hồi-giáo thì không có một hình-thức nào để gọi cho con cháu nhớ đến vong-linh tổ-tông.

Trước tiên vì giáo-luật cấm thờ các ngẫu-tượng hoặc tranh ảnh do tay người tạo ra. Bởi vậy trong nhà người Hồi-giáo không hề có bàn thờ tổ-tiên.

Trong các dịp tết nhất như lễ lớn giáp năm (Aid el Kébir), lễ xả chay (Aid el Cégbir) người Chăm chỉ đọc kinh Coran chứ không khấn vong-hồn tổ-tiên về phủ-hộ cho con cháu. Tuy budi chiều hôm làm lễ xả chay (5) người Chăm cũng đi thanh-minh nhưng không có việc thắp hương, quỳ lạy hay dâng hoa quả bánh trái bên phần mộ. Và chẳng mộ chỉ san bằng mặt đất với hai cọc gỗ hay đá ở hai đầu chứ không xây đắp cho cao thì việc tảo mộ cũng không cần thiết lắm. Ngoài ra họ không chú-trọng vấn-đề phong-thủy. Người chết tại xã nào thì chôn

(5) Theo giáo-luật, mỗi năm tín-đồ Hồi-giáo phải kiêng ăn uống lúc ban ngày suốt trong tháng Chín Hồi-lịch. Mãn hạn người ta tổ-chức một ngày lễ gọi là xả chay để trở lại ăn uống bình thường.

ngay tại đó và cũng không tin ở lý-tưởng huyết mạch tương hệ giữa tổ-tiên và con cháu nên không có tục cải táng. Dù người chết bất-đắc kỳ tử hay thuộc hàng giáo-sĩ, giàu nghèo chi nữa cũng chỉ được mai táng với những hình-thức và nghi-lễ giống nhau mà thôi.

Như trên đã trình-bày, dù trong nhà có người chết cũng không ai mặc đồ tang-phục và không có tục đề trở (người đàn ông có thể tục-huyền ngay vài tháng sau khi vợ cả chết). Việc cầu nguyện trong dịp tang lễ dù ở nhà, ở thánh-đường hay bên mộ cũng bị lẫn vào việc cầu nguyện Thượng-đế vì chỉ là đọc kinh Coran và giờ hai tay đọc kinh « Kunút » xin Thượng-đế ban phúc lành. Bởi vậy những ngày giỗ kỵ, họ cũng không cần biết đến nữa; bất kể khi nào có của ngon vật lạ muốn dâng cúng tổ-tiên, họ đều có thể tổ-chức như một ngày giỗ chung cho những người đã khuất. Lễ này có thể tổ-chức ở nhà mình và mời nhiều người đến đọc kinh cầu nguyện, hoặc đem lễ vật đến nhà thầy I mām (6) nhờ đọc kinh hộ. Trong trường-hợp thứ nhất, những người đến cầu nguyện sẽ ở lại ăn cơm, trong trường hợp thứ hai dĩ nhiên lễ vật phải để lại biếu thầy I mām một phần. Việc dâng cúng này không vì không có định kỳ nên tùy thuộc ở mức sinh-hoạt của mỗi gia-đình và gặp thời gạo châu củi quế thì cơ-hội giúp con cháu tưởng nhớ đến ông bà lại càng hiếm hoi!

Tóm lại, việc thờ cúng tổ-tiên của người Chăm Hồi-giáo rất sơ sài vì họ tin rằng Thượng-đế mới có quyền ban phúc giáng họa cho thế-nhân. Còn đối với người đã khuất, con cháu không thể cầu xin vong-lich ông cha che chở hay phù-hộ điều gì được. Những hình thức cỗ bàn hay cúng giỗ riêng biệt cho mỗi người quá-cổ đã bị giản-dị-hóa thành dịp hội họp để có tinh thần-mật với bạn bè hoặc tạ ơn thầy Imam. Còn việc cầu nguyện cho vong-hồn được bình yên, siêu-thoát thì đã được tổ-chức ngay sau tang lễ rồi.

Vì tin-tưởng như vậy nên mối liên-hệ giữa người sống và người chết đối với họ không được thâm-thiết như quan-niệm của người theo đạo Nho hay đạo Phật.

NGUYỄN - VĂN - LUẬN

(6) Thầy Cả phụ-trách việc điều-khiển các buổi lễ theo qui-luật của Hồi-giáo.

HÌNH CÁC BÀ TÂM XÁC VÀ THẦY MA  
CUỐN TRONG NHỮNG LỚP VẢI LIÊM (KAPHANH)





H<sub>2</sub>. TRÊN ĐƯỜNG ĐẾN HUỆT  
( TANG CHỦ ĐI SAU, TAY CÀM CUỘN THÙNG )



H<sub>3</sub>. NGƯỜI TA CẬY NÁP VẠN THIÊN  
XOAY XÁC CHẾT NÀM NGHIÊNG QUA BÊN PHẢI

H4. LỄ CẦU NGUYỄN ĐẦU TIÊN BÊN MỘ  
(NGƯỜI NGỒI PHÍA BÊN PHẢI LÀ TANG CHỦ)



B. S. NGUYỄN - VĂN - THỌ

## văn - hóa là gì ?

( xin đọc V. H. T. S., Số 2 & 3, 1969 )

### III. — TRIẾT-TỰ VĂN-HÓA, VÀ PHÂN-TÁCH CƠ-CAU VĂN-HOÀ.

Sau khi đã bình-luận về ít nhiều định-nghĩa văn-hóa, chúng ta có thể khơi sâu thêm vấn-đề bằng cách phân-tách từ-ngữ văn-hóa, và cơ-cấu văn-hóa.

1) - Trước tiên, chúng ta hãy phân-tách chữ Culture. Culture, theo nghĩa đen, có nghĩa là trồng-trọt, tức là bao-gồm tất cả những phương-pháp, những công-trình chăm-bẵm, vun trồng cho cây cối, ngũ-cốc được sinh hoa kết-quả. Đó là những phương-pháp, những kỹ-thuật bên ngoài, có mục-dịch làm nảy nở những khả-năng sẵn có của thảo-mộc, ngũ cốc.

Nếu vậy, thì theo nghĩa bóng, Culture hay văn-hóa cũng bao-gồm tất cả những phương-thức; những kỹ-thuật bên ngoài, có mục-dịch làm nảy-nở những khả-năng sẵn có bên trong của con người.

Nói cách khác, văn-hóa làm nảy-nở, làm phát-triển những tài-năng, những linh-tính con tiêm-ăn trong con người.

Minh-định như vậy, chúng ta mới thấy các triết-gia thuộc phái tiến-hóa như HERBERT SPENCER chẳng hạn đã sai lầm khi nhận định rằng không có gì là thiên-nhiên, thiên-bẩm, mà toàn là thủ-đặc, tập-thành;

nghĩa là con người trở nên thế này thế nọ, toàn là nhờ ảnh-hưởng của hoàn-cảnh, của xã-hội mà thôi. (x).

Trong Nam-Phong tạp chí, số 84, ông Phạm-Quỳnh cũng đã bình-luận về hai chữ văn-hóa theo nghĩa là trồng-trọt nói trên.

Ông viết :

« Văn-hóa là gì ? Văn-hóa là cách đào-luyện tinh-thần người ta thế nào cho được thập phần tốt-đẹp, để nảy-nở ra những công-trình to-tát, sự-nghiệp lớn-lao, mà đem tư-cách một quốc-gia đến tuyệt-phẩm. Vì người ta như cái cây, thời văn-hóa là cách trồng cây, bón cây, tưới cây cho cây nở ngạnh, xanh ngọn kết quả sinh hoa, để tô-diêm cho cái vườn hoa của thế-giới . . . »

Ông bình-luận tiếp :

« Nay mầm Hồng, chồi Lạc của ta không phải là giống cỏ hèn của tạo-vật, sao nở đê cho đến khô-héo mà úa-tan ? Bởi vì ta lúng-túng chưa biết cách vun-xới cho phải đường, cứ trồng theo lối cũ, thì chỉ gây được một giồng cây non-bộ, coi nó nhỏ-nhen li-tí, thâu-hẹp, bán cùn, đặt trong chậu sành, chậu sứ, bề cận tường hoa thì được, chứ đem ra nơi nắng cả gió to được mấy nà ? Muốn trồng theo lối mới, thời cũng chỉ mọc ra một loại tầm gửi, giầy leo, quấn vào chung-quanh cây lớn, thời sống được, chứ thưa ra, mềm oặt, đứng sao ?

(1) — Par suite Weismann fut conduit à étudier d'une façon critique les faits d'hérédité des caractères acquis, et en tout cas, les rejeta comme inexacts . . . Les philosophes évolutionnistes en particulier Herbert Spencer, avaient avancé que l'hérédité des caractères acquis était le principal facteur du développement des races, alors, que les philanthropistes, les éducateurs et les politiciens assumaient tacitement sa vérité comme la base du progrès social . . . Cependant, il est clair que l'acceptation de la non-hérédité des caractères acquis signifie que la « nature » est plus que « l'éducation » et ' l'hérédité plus que le milieu. Si l'amélioration des conditions de la vie peut et doit, bien entendu, profiter à l'individu, il ne peut rien faire, sauf par des méthodes indirectes de sélection naturelle ou artificielle, pour améliorer les qualités innées d'une race.

W. Dampier, Histoire de la Science, p. 344.

Nhân-tài nước ta cũng như cái cảnh tầm-gửi, cây non-bộ đó, mong sao có ngày chiếm địa-vị về-vang trên thế-giới ? (2)

Ông cũng còn viết : « Văn-hóa là gồm cách đào-luyện tinh-thần người ta. Văn-hóa là dịch tiếng tây « Culture » nghĩa đen là cách trồng-trọt. Người ta ví như cái cây, thì văn-hóa là cách làm cho nảy-nở được hết cái tinh-hoa. Cây có trồng mới tốt, người có hóa mới hay . . . » (3)

1) — Trờ về hai chữ văn-hóa trong tiếng Hán-Việt, chúng ta cũng có thể hiểu được ba cách khác nhau :

a) — Lấy sự đẹp-đẽ để cảm-hóa người.

b) — Có đẹp-đẽ mới cảm-hóa được người.

c) — Có biến-hóa mới có thể trở nên đẹp-đẽ, thanh-cao.

a) — Trước hết, nếu ta hiểu Văn-hóa là lấy sự đẹp-đẽ, mà cảm-hóa con người, ta sẽ thấy Văn-hóa bao-trùm hết tất cả những gì gọi là văn-chương, nghệ-thuật, tất cả những gì là tinh-hoa của con người, mà xưa nay con người đã thực-hiện được xưa nay, đời nay truyền lại cho đời kia, như là những kỷ-niệm đẹp-đẽ, những gia-tài quý-báu của mỗi thế-hệ. Ta cũng sẽ thấy, xưa và nay người ta thường dùng văn-nghệ để cảm-hóa tha-nhân.

b) — Văn-hoa cũng có thể hiểu là có đẹp-đẽ mới cảm-hóa nổi người khác.

Theo lối giải thích này, ta thấy nhân-loại có thể chia ra làm hai thành-phần. Một thành-phần thiểu-số đẹp-đẽ hơn, thanh-lịch hơn, tiến-bộ hơn, và một thành-phần thô-sơ hơn, chậm tiến hơn. Thành-phần trước có bản-phận dẫn-dắt cải-hóa thành-phần sau, thế tức là : « Tiên giác giải hậu giác ! »

Nói thế con có nghĩa là những người làm văn-hóa phải là những người đẹp-đẽ, thanh-cao, không những là thanh-cao, đẹp-đẽ về phong-

2) — Xem Bản phiêm về văn-hóa Đông-Tây của Thượng-Chi.

Nam-Phong số 84, tr. 447-453. Đoạn trên trích nơi tr. 419.

3) — Ib. 450.



thái, về văn-chương, nghệ-thuật, mà còn thanh-cao đẹp-đẽ cả trong tâm-thần. Người làm văn-hóa có thực đẹp-đẽ, thanh cao mới mong cảm-hóa nổi người khác.

c) — Hai chữ văn-hóa cũng có thể hiểu rằng có biến-hóa mới có thể trở nên đẹp-đẽ. Hiểu Văn-hóa như vậy, ta sẽ không ngại những chuyện đổi-thay, biến-cải. Nhưng chúng ta chỉ chấp-nhận những biến-cải khả dĩ có thể đem lại cho chúng ta một đời sống xứng-đáng hơn, đẹp-đẽ hơn, hạnh-phúc hơn, thanh-cao hơn, tự-do hơn, khoáng-đạt hơn . . .

Như vậy, Văn-hóa là tất cả những nỗ-lực của con người để cải-hóa ngoại-cảnh, cải-hóa tâm-thần để trở nên hạnh-phúc, thanh-cao, đẹp-đẽ về mọi phương-diện.

Nếu thế thì, biển sa-mạc hoang-vu thành đồng nội phì-nhiều, thành ruộng-vườn xanh-tốt đem thịnh-đạt phong-doanh về cho xứ-sở, đem thành-kỳ hoa-lệ về cho giang sơn cũng là một công-trình văn-hóa lớn-lao, vì nếu, một nhà họa-sĩ dùng bút màu làm hiện lên trên mặt vải mặt giấy những phong-cảnh thần-tiên, kỳ-diệu, là làm một công-trình văn-hóa, thì những người dùng tài-trí và mồ-hôi, nước mắt cải-tạo cho giang-sơn trở nên thần-kỳ, cho trần-gian trở nên tươi-đẹp cho đất-đai rực-rỡ muôn màu hoa-cỏ, chẳng phải là một nhà đại-văn-hóa hay sao ?

Hiểu rằng Văn-Hóa là biến-hóa để làm cho mọi sự trở nên đẹp-đẽ, thì một chính-trị-gia, một nhà xã-hội-học có công làm cho nhân-loại thực sự có được một đời sống an-bình, thái-thịnh hạnh-phúc, bình-đẳng, chính là một nhà đại-văn-học, vì nếu một nghệ-sĩ dùng thanh-âm, dùng tài-nghệ mĩ-hạ để giúp vui cho người trong chốc-lát mà đã được gọi là nhà văn-hóa, thì những người đem lại sự cười hồn-nhiên trên làn môi các thanh-thiếu-nữ, đem lại sắc-diện hơn-hở trên mọi khuôn mặt công-dân, làm khô-cạn mạch máu nhân-loại, khơi thông nguồn hạnh-phúc cho trần-hoàn, chẳng phải là những nhà đại-văn-hóa hay sao ?

Nếu biến-hóa mà trở nên đẹp-đẽ được, nếu ngoại-cảnh nhờ biến-hóa mà trở nên đẹp-đẽ được, thì tâm-hồn ta nhờ biến-hóa cũng sẽ trở nên đẹp-đẽ được.

Như vậy, chúng ta đã chờ-chờ sẵn trong lòng chúng ta những vẻ đẹp vô biên, vô tận, nhưng những vẻ đẹp ấy còn chờ chúng ta chau-đồi, biến-hóa, phát-huy, mới có thể triển-dương phóng-phát được.

Hiểu Văn-Hóa như vậy, sẽ khai-thông cho tâm-hồn chúng ta một tiến-trình vô hạn, một viễn-tượng đẹp-đẽ vô ngần, và chúng ta sẽ nhận thấy rằng mục-dịch tối hậu của Văn-hóa chẳng những là giúp ta hoàn-hảo ngoại-cảnh vật-chất, xã-hội, xác-thân, mà còn đem lại cho tâm-thần chúng ta những vẻ đẹp siêu-nhiên, phi-phàm thoát tục, những tâm-kích vũ-trụ, và dẫn-dã sẽ đưa chúng ta lên đến ngôi-vị thần-linh sang-cả . . .

Nhiệm-vụ cao-siêu nhất, sứ-mạng cao cả nhất của người làm văn-hóa tức là cố-gắng thực-hiện cho người mù-phiêu cao-cả, và trọng-đại ấy.

Thế mới hay :

Hoàn-cầu phục-vụ con người.

Con người nay trước, con Trời mai sau.

Nội tâm cố tiến vào sâu.

Cơ Trời dạn mở, cơ-màu dần hay.

Hết còn gông-quái Đông-Tây,

Ngoài tuy muốn nước trong nay một nhà.

Thiên sơn vạn thủy băng qua,

Muôn người như một, thái-hoa khắp nơi . . .

#### PHÂN-TÁCH CƠ-CẤU VĂN-HÓA

Triết-tự hai chữ Văn - Hóa như trên, tức là mở rộng phạm-vi Văn-hóa, để cho nó bao-quát hết mọi hoạt-động con người, miễn là ta coi những hoạt-động ấy như là những cố-gắng để vươn lên cho tới một đời sống ngày một thanh-nhã hơn, cao siêu hơn, hoàn-mỹ hơn.

Đồng thời chúng ta cũng làm cho hai chữ Văn-hóa trở nên linh-động, biến-hóa vô-cùng, và đem lại cho chúng ta một nguồn sống vô biên vô tận, cũng như một viễn-tượng vô cùng đẹp-đẽ về tương-lai, một viễn-tượng cao siêu, đẹp-đẽ, nhưng không phải là một giấc mơ suông, mà là cả một mục-phiêu cho mọi hoạt-động, tâm-tư hướng về.

Chúng ta mở rộng phạm-vi Văn-hóa như vậy cũng không sai, vì như trên ta đã thấy ngày nay các nhà ngôn-ngữ-học, xã-hội-học, nhân-chúng-học đều đã làm như vậy.

Sorokin chẳng hạn cho rằng Văn-hóa bao gồm :

- Ngôn-ngữ.
- Khoa-học.
- Đạo-giáo.
- Mỹ-nghệ.
- Luân-lý. (1)

Bách-Khoa tự-điền Anh (Encyclopedia Britannica) ấn-bản lần thứ chín cho rằng văn-hóa bao-gồm :

- Đạo-giáo.
- Chính-trị.
- Văn-chương.
- Học-thuật.
- Khoa-học.
- Triết-học.
- Doanh-nghiệp.
- Mỹ-thuật.
- Âm-nhạc.
- Và Linh-tinh . . . (2)

Lý-danh-Thinh trong quyển « Hiện-đại-dụng-ngữ từ-điền, đã phân-tách cơ-cấu Văn-hóa thành ba tầng lớp :

1) — Sorokin lists language, science, religion, fine arts, ethics as the main cultural systems of mankind.

History, civilisation and culture, 213.

. . . Each of these systems (except language) has many sub-systems to include f. ex. literature, music, theater, architecture, sculpture and painting under fine arts, and law and morals under ethics.

Over and above these purely cultural systems and these sub-systems stand the social systems, and the men and women composing them who act as bearers or agents through whom the cultural reality finds expression.

Ib. 23 - 214.

2) — Historical persons mentioned in Encyclopedia Britannica (9th ed. who have contributed to each of the following fields of culture over each period of 50 years : Religion, Statemanship, Literature, Scholarship (Humanistic, juridical and social, sciences), Science (including technology), Philosophy, Business, Fine arts, Miscellaneous Music . . .

Ib. p. 219

- Vật-chất
- Xã-hội
- Tinh-thần (1)

Folix Sartiaux và Đào-duy-Anh cũng chia Văn-hóa thành bộ-phận như sau :

- Sinh-hoạt kinh-tế
- Sinh-hoạt xã-hội
- Sinh-hoạt trí-thức (2)

Đào-duy-Anh cho rằng Văn-hóa chẳng qua là chi chung tất cả các phương-tiện sinh-hoạt của loài người, cho nên ta có thể nói rằng văn-hóa tức là sinh-hoạt (3).

1) — Lý-danh-Thinh viết :

Cơ-cấu văn-hóa phân thành ba tầng lớp : cơ-sở vật-chất, tổ-chức xã-hội, sinh-hoạt tinh-thần.

— Cơ-sở vật-chất bao quát hết mọi vật-dụng, công-cụ, phòng ốc, vũ-khí. Tất cả những cái đó là cơ-sở, đã cấu-thành văn-hóa.

— Nhân-loại chế ra vật dụng công-cụ để kiếm lương thực ; nhân-loại lập ra màn-trướng, xây-dựng nhà cửa để đối phó với thời tiết. Nhân-loại sử-dụng vũ-khí để đê-phong địch nhân.

b) — Tổ-chức xã-hội nằm ở giữa cơ-sở vật-chất và hoạt tinh-thần.

Nó gồm gia-đình luân-lý, chức-nghiệp, đoàn thể tổ-chức văn-hóa và chế độ quốc-gia.

c) — Sinh-hoạt tinh-thần là thượng-tầng tổ-chức, bao quát từ-ngữ, phong-tục, tập-quán, đạo đức, khoa-học, triết-học, nghệ-thuật, tôn giáo v. v. . .

Nói cách khác văn-hóa gồm ba tầng lớp :

— Vật - chất cơ - tầng gồm :

- Kỹ-thuật
- Kinh-tê

— Xã-hội tổ-chức gồm :

- Chính-trị
- Giáo-dục
- Phép-luật

— Sinh-hoạt tinh thần gồm :

- Tôn-giáo
- Trí-thức
- Nghệ-thuật
- Âm-nhạc

(Dịch từ Hán-văn) xin xem : Lý-danh-Thinh, Hiện-đại-dụng-ngữ từ-điền, trang 358.

2) — Đào-duy-Anh, Việt-Nam văn-hóa sử-cương, trang VIII ( tựa )

3) — Ibid. trang 13.

Thế là theo đà thời-gian, phạm-vi Văn-hóa càng ngày càng được mở rộng, càng ngày càng trở nên bao la, bất ngát cho đến mức độ là bao-quát cả mọi ngành hoạt-động của con người.

Cho nên ngày nay muốn giới-hạn văn-hóa, vào trong một phạm-vi nhất-định nào, sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn.

Suy cho cùng, thì rất khó mà giới-hạn văn-hóa trong một phạm-vi nào, vì nếu văn-hóa là tất cả những cố-gắng của con người để sống xứng-đáng với danh nghĩa con người thì những nỗ-lực để mưu sinh, ăn ở cho có tiện-nghi, tạo cho xã-hội một đời sống công-bằng bác-ái, tạo ra những cuộc du-hí lành-mạnh, những hội hè tuần tiết cho dân-chúng cùng hưởng cùng vui chẳng phải là những hoạt-động văn-hóa hay sao, có gì phải dạy dân tam cương, ngũ thường, mới nhất-định là hoạt-động văn-hóa.

Khi đã có một tầm nhìn bao quát về văn-hóa, ta mới hiểu tại sao có người cho văn-hóa là đạo giáo, văn-hóa là chính-trị văn-hóa là văn-minh nhưng cũng có người lại cho rằng văn-hóa khác đạo-giáo, văn-hóa khác văn-minh. Đó chẳng qua là do hai lập-trường khác nhau, một đảng muốn giới-hạn văn-hóa một đảng không muốn giới-hạn văn-hóa mà thôi.

Những cách phân-chia Văn-hóa sẽ thành từng cơ-cấu nói trên của Lý-danh-Thinh, của Félix Sartiaux, hay của Sorokin, tuy tiện cho việc nghiên-cứu Văn-hóa, nhưng không cho ta thấy được hệ-thống, mạch lạc giữa các tầng-lớp văn-hóa.

Vì thế, để cho thấy đâu là gốc, đâu là ngọn, đâu là nhân đâu là quả, chúng ta có thể phân chia văn-hóa ra làm 3 thành-phần như sau :

1) - Những quan-niệm chính yếu về vũ-trụ, nhân-sinh. Nói tắt là quan-niệm sống (Weltanschauung).

2) - Những phương-thức dùng để thực-thi, áp-dụng quan-niệm sống nói trên vào đời sống xã-hội.

3) - Lễ-lối sống của một cộng-đồng, của một xã-hội, theo quan-niệm sống nói trên.

Với lễ lối phân-tích trên, ta sẽ thấy rằng :

Văn-hóa là một lễ-lối sống riêng-biệt của từng phương, từng miền của từng dân-tộc hay xã-hội. Nó gồm :

1) - Một quan-niệm sống (une conception de la vie), với những tư-tưởng nóng cốt dẫn-đạo hoặc đạo-lý hoặc triết-lý.

2) - Những phương thức để diễn và phôi-biến những tư tưởng ấy quan - niệm sống ấy. Những phương thức này bao quát hết mọi đường-lối văn-chương, nghệ-thuật, âm-nhạc, kịch-ảnh, và mọi cách thế-đang để tuyên-truyền và thu hút quần-chúng. . .

3) - Những lễ lối sống dân-gian, những cách khời cư, cử-chỉ hàng ngày của quần-chúng từ trẻ đến già, những phong-tục, lễ-nghi chi-phối con người từ lúc mở miệng khóc chào đời cho đến lúc nhắm mắt tắt hơi, những lễ-lối sống đã được thấm-nhuần, đã được chi-phối bởi những tư-tưởng nóng-cốt nói trên, quan-niệm sống nói trên.

### SỰ THĂNG TRẦM CỦA MỘT NỀN VĂN HÓA

Nếu ta nhận-định rằng văn-hóa là một quan-niệm sống đã được thực-thi, áp-dụng vào cuộc đời để trở thành một lễ-lối sống cho một cộng-đồng nhân-loại, ta có thể theo dõi đà tiến triển của nền văn-hóa từ lúc phôi-thai đến lúc thái-thịnh, rồi lại từ lúc tàn-tạ, suy-vi.

Ta có thể chia đời sống của một nền văn-hóa thành 5 giai đoạn sau đây :

- Giai-đoạn thứ nhất tức là *giai-đoạn xuất-xinh* : Một nền văn-hóa bao giờ cũng phát-xuất từ một hệ-thống đạo-giáo triết-học hay nói cách khác từ một chủ-nghĩa, một viễn-tượng về cuộc đời.

Các nhà khai-sinh ra một nền văn-hóa bao giờ cũng có trong đầu óc một quan-niệm về đời sống, một viễn-tượng về cuộc đời, cho rằng phải sống như thế này thế nọ, phải cải-cách xã-hội thế này, thế kia, mới là lý tưởng.

- Giai-đoạn thứ hai tức là *giai-đoạn tăng-trưởng* : Chính cũng là giai-đoạn thực thi, áp-dụng, thể hiện nhưng quan-niệm mới mẻ đó vào cuộc đời, bằng đủ mọi hình-thức phương-diện văn-chương, nghệ-thuật, mặc dầu phải đấu-tranh mặc dầu bị bức-bách, hay bị đàn-áp.

Giai-đoạn thứ ba là *giai-đoạn toàn thịnh* :

Đó tức là khi mà mọi cơ-cấu từ tinh-thần đến vật-chất, từ cá nhân đến xã-hội đã được hình-thành, được tổ-chức theo những khuôn-mẫu đã được dự-liệu từ lúc ban sơ.

— Giai-đoạn thứ ba là *giai-đoạn đình-đôn* :

Đó cũng là giai-đoạn tấn dương các thành quả đã thu lượm được, bảo vệ các cơ-cấu đã gây dựng được, coi chúng như là cái gì tuyệt đối, bất kỳ bằng giá nào. Kể xưa kia bị người khác bách hại nay có thể thành kẻ bách hại người khác.

Giai-đoạn này cũng là giai-đoạn tập-quần. Tới giai-đoạn này, các sinh-lực sáng tạo đã trở nên yếu ớt.

— Giai-đoạn thứ năm là *giai-đoạn suy-vi, tàn tạ*.

Nền văn-hóa linh-động xưa kia, nay đã trở thành những khuôn-khò chật hẹp, cò-đỉnh, những ràng buộc, những xiềng-xích đối với con người, Nó không còn ăn khớp với đời sống thực sự của con người, không còn giải-quyết được những khó khăn, những băn khoăn, thắc mắc hiện tại của con người. Nhân-loại đầu hoài bất nghị, chán ngán, và bắt đầu muốn duyệt xét lại cái tổ lại hoặc từng phân-bộ, hoặc toàn-bộ nền văn-hóa cũ.

Trong khi nghiên-cứu về văn-hóa, có học-giả, vì chú-trọng đến viễn-tượng lý-tưởng lúc ban đầu, nên đã định-nghĩa văn-hóa là lý-tưởng.

Có học-giả, chú-trọng đến văn-hóa khi đã lóng vào trong đời sống con người với những nét đặc-thù của nó, nên đã coi văn-hóa như là tất cả những gì làm cho cuộc đời trở nên đáng sống, như những phong-tục, những hội hè, những trò chơi giải-trí bên ngoài v. v...

### BA NỀN VĂN-HÓA CHÍNH-YẾU TRONG HOÀN-VŨ

Nếu ta chỉ nhìn lịch sử và nhân quần bằng một cái nhìn phiến-diện thì ta tưởng như có đến muôn vàn thứ văn-hóa khác nhau từ trước tới nay và muốn nói như Henri de Man : « Có bao nhiêu cộng-đồng nhân-loại chấp-nhận một hệ-thống giá-trị riêng biệt, thì có bấy nhiêu nền văn-hóa » (1)

Nhưng nếu ta chịu so-sánh, chịu cân nhắc, thì ta thấy các nền văn-hóa trong thiên-hạ có thể qui về ít nhiều loại được.

Nỗ-lực để phân chia Văn-hóa thành những loại riêng biệt, không phải là chưa có ai đã làm.

1) — Il y a autant d'ordres culturels que de communautés où l'on croit à une hiérarchie de valeurs différentes. (Henri de Man, L'idée socialiste, p 35.)

Toynbee trước đây, đã dựa theo quan-niệm quốc-gia, chủng tộc để phân chia văn-hóa thành 21 hay 26 loại khác nhau (1).

Spengler và Sorkin thời dựa vào khuynh-hướng, vào năng-khifu của mỗi dân-tộc để phân-chia Văn-hóa thành ba loại chính : Văn-hóa Apollo hay thần-linh, văn-hóa ma-thuật, và văn hóa Faust hay kỹ-thuật (Spengler) (2). Đó là quan-điểm của Spengler; còn Sorokin thời chia

1) — J. Toynbee démembre en tout et pour tout 21 groupes historiques différents qui ont créé 21 civilisations différentes : l'occidentale, deux chrétiennes orthodoxes (en Russie et dans le Proche Orient, l'iranienne, l'Arabe, l'Hindoue, deux en Extrême-Orient, l'hellénique, la syriaque l'indienne, la chinoise, la minoenne, la sumérienne la civilisation hittite, la babylonienne, l'andine, la mexicaine, la yucatèque, la maya, l'égyptienne, plus cinq civilisations arrêtées (qui ne se sont pas développées en de vraies civilisations) : la polynésienne, l'esquimaude, la nomade, l'ottomane, et la spartiate. Voir son livre déjà cité : A Study of History ; Vol. I pp. 132 et ss et vol, IV p. I et ss. II est sans importance pour notre propre de choisir cette liste de civilisations qui ont pu développer de grands systèmes culturels nouveaux ou n'importe quelle autre. Ce qui importe, c'est, le fait que ce ne sont pas tous les groupes humains qui ont pu développer de grands systèmes socio-culturels « des civilisations » au sens de Toynbee) et que la plupart des tribus primitives sont demeurées à un niveau inférieur par rapport à cette position et ne sont trouvées être selon les termes de Toynbee, des civilisations soit « avortées », soit « arrêtées » dans leur développement.

Sorokin, Comment la civilisation se transforme, pp. 138, 139, Note 2.

2) — Like Spengler's « Apollonian, Magian, Faustian and so on !!! (P. A. Sorokin). — The Problems of civilisation, p. 54.

... C'était la première fois — tout au moins à notre connaissance qu'une tranche de l'histoire avait été expliquée en raison d'une idée générale dominant l'action sociale et politique. Nietzsche dans ses travaux de jeunesse avait lui aussi signalé que la civilisation des Grecs pouvait être déterminée par un seul caractère qui en résumait l'essence. C'était le génie « apollinien » Spengler reprit cette conception et en chercha de similaires dans d'autres civilisations. Il enseigna que la civilisation arabe était intimement liée à une particulière interprétation de la vie : « l'esprit magique ». Il baptisa de « Faustique » la civilisation moderne de l'homme blanc, laquelle comme le héros germanique, est obsédé par le besoin de connaître les secrets de la nature, soit pour en satisfaire son insatiable curiosité, soit pour en extraire des facultés d'existence.

(I. Olagué). — Les Problèmes des civilisations p. 88.

văn.hóa thành 3 loại là: Văn.hóa tinh-thần (Ideational culture), Văn.hóa trung - gian (Idealistic culture) và văn - hóa vật - chất (Sensate culture) (1).

Theo thiển-ý tôi, văn.hóa có thể chia thành ba loại, dựa trên những quan-niệm chính-yếu về vũ-trụ và về nhân-sinh, cũng trên những viễn-tượng, những mục-phiếu hoạt-động của từng thời-đại.

Ba loại văn.hóa ấy là:

1) — Văn.hóa thần-linh (Văn.Hóa thiên-bản, hay văn.hóa vụ-thần)

Đó là thứ Văn.hóa đặt trọng tâm chỉ về cho con người phương pháp để sống một đời sống siêu nhiên, hoàn-hảo ngay từ khi còn ở gian-trần này, tức là những phương-pháp dạy con người thành phật, thành tiên, thành thánh, thành chân - nhân, thần - nhân tùy theo từ ngữ từng địa-phương, hay thời-đại. Đó là THIÊN-ĐẠO.

II) — Văn.hóa nhân - bản (Văn - hóa nhân - văn, hay Văn - hóa vụ nhân).

Đó là thứ văn.hóa đặt trọng tâm vào công-cuộc cải-tạo tâm-hồn con người, để con người có thể biến-cải mình, sống một cuộc đời có nhân-cách thanh - lịch, cao-cả, bất-kỳ ở trong hoàn-cảnh nào. Đó là NHÂN - ĐẠO.

1) — An ideational culture may be described as that of an age of faith, and the sensate culture as that of an age of science and of the common man. The old theological-distinction between the word or Spirit and the Flesh also corresponds fairly closely to the two classes.

History, civilisation and culture, p. 12

... He (Sorokin) uses « idealistic » to describe a special form of culture which is a blend between the « ideational » and « the sensate » systems. An « idealistic » culture fore a mixed one ; it endeavours to achieve a synthesis of the other two. — Ib. 12.

... Danilewskij chia Văn - hóa thành chín loại. — (... Like Danilewskij's terminology, nine great types of historical cultures » (Sorokin). — Cf. The Problems of civilization, p. 54.

Northrop chia văn.hóa thành hai loại... — (F. C. Northrop, in his fundamental division of two types of civilisation, in his terminology : aesthetic and theoretic. (Ib. 55).

III) — Văn.hóa kỹ-thuật, vật.chất (hay văn.hóa địa bản, văn.hóa vụ cảnh).

Đó là thứ Văn.hóa đặt trọng-tâm vào công-cuộc cải-tiến xã-hội nhân-sinh, tổ-chức đời sống quốc-gia, kinh-tế, kỹ-thuật, đời sống vật-chất của quần chúng. Đó là VẬT - ĐẠO.

Chia VĂN-HÓA, thành ba loại như trên, có thể nói đã dựa trên những tiêu-chuẩn chắc-chắn.

Trước tiên là nó dựa trên quan-niệm TAM-TÀI về con người.

Nó tương - ứng với 3 ý-nghĩa của chữ CULTURA trong tiếng La - mã :

1) — Làm ruộng (agri cultura hay argi cultus)

2) — Làm người (Animi cultura hay animi cultus)

3) — Làm thân-minh (Dei cultura hay Dei cultus)

Nó tương-ứng với quan-niệm TAM-TÀI của DỊCH-KINH (Thiên, Địa, Nhân), và đồng thời tương-ứng, với quan-niệm TAM-TÀI về con người, với ba bình-diện trong con người :

1) — Thần (Esprit)

2) — Tâm (Âme)

3) — Xác (Corps) (1)

Nó cũng tương-ứng với ba thế-giới của Pascal :

— Thế-giới bác.ái

— Thế-giới tâm-tư

— Thế giới thân-xác

cũng như với lẽ-lối nhận-thức riêng biệt của từng thế-giới ấy, tức là :

1) — Quan-niệm TAM-TÀI về con người cũng là một quan-niệm thầy trong Thánh-kinh Công - giáo. (Xia xem : I Thessaloniens, 5, 23 ; lời bình của Bible de Jérusalem tr. 1562 ; Ia Cor. 2, 14-15, 15 ; Matthieu 16, 23 ; Matthieu 22, 37 ; Ecclésiastique 17, 30 ; Jean, Prologue 12 ; Galates, 4, 6-7 và 3, 26 ; I Cor. 2, 14 ; 15, 45 . 49 ; 2, 15 ; 15, 53 v. v. . .)

— Trực-giác.

— Tri-giác.

— Cảm-giác (1)

Nó cũng tương ứng với quan-niệm tâm-tài về con người của nhiều môn-phái triết học Âu-châu thời xưa.

Môn-phái Valentin chẳng hạn đã chủ-trương rằng con người có ba hạng :

— Những người có tiên-cách, thần-cách (spirituels)

— Những người có nhân-cách (Psychiques)

— Những người phạm-phu, xác-chất, vật hèn.

(Hylliques). (2).

Mỗi dân-tộc lại sở-trường về một nền văn-hóa.

1) — On aura reconnu dans cette méthode le schéma des trois ordres selon Pascal : le monde de la chair de l'esprit et de la charité. Chaque ordre transcende l'ordre intérieur ; le monde de l'illumination dépasse celui de la connaissance, comme celui-ci dépasse l'existence physique.

Critique, No 174, Octobre, 1961. De la mystique byzantine à la littérature d'aujourd'hui. A. J. Festugière O. P. Les moines d'Orient, T. I. Culture ou sainteté, (Édition du Cerf, 1961), p. 861 et ss. . .

2) — Môn-phái Valentin được thành lập khoảng năm 140 do Valentin thuộc thành Alexandria)

. . . Cette trinité est assez proche de celle établie par le valentinisme ; les hyliques sont enracinés dans la matière, les psychiques doués du libre-arbitre et les spirituels destinés à devenir anges, archanges etc. . . (Serge Hutin, Les Gnostiques, Ed. PUF, p. 79). Il est évident que les hyliques n'ont aucune idée de ce que sont les psychiques qui à leur tour, ne peuvent concevoir les spirituels qu'en se métamorphosant en eux. Au contraire, les spirituels voient clairement tout le système ; il n'y a pas de connaissance ascendante possible, mais il y a un regard descendant. (Critique, 173, Oct, 1961. — La mystique byzantine, p. 869). Cf. Dictionnaire des religions, par E. Royston Pike, p. 314.

. . . Papus trong quyển ABC illustré d'Occultisme nơi tr. 196 cũng đã làm một đồ-bản ghi-chú các môn-phái Đông-Tây thời xưa và nay đã chấp-nhận quan-niệm Tam-Tài về con người như Khoa-học huyền-bí cận-đại, các triết-gia huyền-học (philosophes hermétiques) ít nhiều môn-phái Rose Croix môn-phái thần-bí của Allen-Kardec, có Ai-Cập, môn-phái Kabbale Do.Thái, môn-phái Pythagore, Paracelse, Âu-Độ Trung-Hoa, thánh Paolo v. v . . .

Theo Jean Laloup, thì Ấn-Độ đã tìm hiểu sâu-xa về Trời, Trung-Hoa đã nghiên-cứu kỹ-lưỡng về nhân-luận, Âu-Châu đã tỏ ra xuất-sắc về sự tìm hiểu và chinh-phục thế-giới vật-chất. (1)

Tôi thiết-nghĩa rằng có lẽ Viễn-Đông đã tìm hiểu sâu-xa về Thiên-đạo, Cận-đông đã am-tường về nhân-đạo, Âu-Mỹ đã tỏ ra xuất-sắc về sự tìm hiểu và chinh-phục thế-giới vật-chất.

Tuy nhiên độ chi là những giả-thuyết, những phân-tách giả-tạo cho chúng ta nhìn cho tỏ hơn, học cho dễ hơn, chức thực-tế không bao giờ đơn-giản như vậy.

1) — Nền Văn-hóa thứ nhất, tức là nền Văn-hóa thần-linh (như ta đã thấy thực-thị ở Ấn-Độ, ở Trung-Hoa, ở Ai-cập thời cổ) chủ-trương rằng :

— Vũ-trụ và con người đều là biểu-tượng của Tuyệt-đối-thê,

— Và vì vậy, con người là đồng-dối thần-minh.

có bản-chất thần-minh.

có thể trở thần-minh, nếu biết phương-pháp tu-luyện, biết đường học-hỏi.

— Về phương-diện đạo-giáo, nền văn-hóa này chú trọng đến sự suy-tư, đến sự thu-thần, định-khí, đến sự giác-ngộ, và cho rằng người ta tự cứu-thoát mình bằng sự giác-ngộ.

— Về phương-diện chính-trị, chủ-trương Trời dùng các vị thánh-quân để thay trời trị-dân, đồng thời để làm gương nhân-dức cho dân. Vua như vậy, vừa là quốc-vương, vừa là giáo-chủ.

Khi nền Văn-hóa này được đem thực-thị, áp-dụng vào quần-chúng, ta thấy nó khoác hai sắc-thái :

1) — Si la Chine a cultivé spécialement l'art difficile des relations humaines, si l'Inde s'est s'est évadée vers l'approfondissement des mystères de l'homme et de Dieu, si l'Occident s'est spécialisé dans la connaissance et la domination du monde matériel, toutes ces acquisitions paraissent aujourd'hui distinctives et forment les lots distincts d'un patrimoine commun.

Jean Maloup et J. Nélis, Culture et Civilisation, p. 140.

a) — Một số ít người giác-ngộ, một số ít đệ-tử được chân-truyền đã thực sự tu-luyện để trở thành thần-minh, và đã thần-thánh-hóa được mình. Đó là nội-giáo, hay mật-giáo (ésotérisme hay hermétisme).

b) — Còn đa-số quần chúng thì tôn thờ thần-minh để cầu phúc, nhưng tại, làm lành lánh dữ để được thưởng công, khỏi bị phạt tội kiếp này hoặc kiếp sau. Đó là ngoại-giáo (exotérisme).

c) — Ngoài còn có những phương-diện đồng-bóng, bùa-chú ma-thuật, phù-thủy, pháp-môn v.v... với mục-đích là cảm thông với thần-minh, chi-phối hoàn-cảnh, hoặc là lợi-dụng quần-chúng...

Trên lý-thuyết, nền văn-hóa này hết sức cao-siêu, nhưng về phương-diện thực-hành, thì ít người hiểu thấu-đáo và thực-thi được.

Về phía quần chúng, thì vì đặt nặng, tin-tưởng vào sự an-bài của thần-minh, nên họ không tự-lực, tự-cường, tự-lực cảnh sinh, tự-lực giải-thoát, mà cứ ý-lại vào số mệnh.

Hơn nữa, nền văn-hóa này coi nhẹ cuộc sống vật-chất trần, cho là phù-du, hư-ảo, cũng vì vậy mà sự đối-khò làm-thau là một mối đe-dọa thường-xuyên đối với dân-chúng.

II) — Nền văn-hóa thứ hai, có thể nói là nền văn-hóa nhân-bản. Nền Văn-hóa này chủ-trương vũ-trụ cũng như con người là vật thụ-sinh, do Thượng-đế sáng tạo ra.

Về phương-diện đạo-giáo, nền văn-hóa này chủ-trương con người phải thờ-phụng thần-minh — du độc-thần hay đa-thần — ăn ngay ở lành, để lai-sinh khỏi bị sa-đọa. Và cũng không đặt nặng vấn-đề đời sống thế tục hiện tiền mà chỉ ước-mơ, chỉ chuẩn bị cho một lai-sinh tốt đẹp.

— Về phương-diện luân-lý, nó khuyến-khích nhân, nghĩa, nhân luận, dạy dân cô sao ăn ở cho xứng-đáng với danh-hiệu con người.

Về phương-diện chính-trị, nền Văn-hóa này phân-biệt hhi thứ thần-quyền, thế quyền. Các vị vương bá, và các nhà lãnh-đạo tôn giáo chia nhau hoặc dành nhau quyền thống-trị dân. Mục-phiếu của chính-trị là giữ gìn an-ninh, trật-tự bên ngoài.

Về phương-diện kinh-tế, thường-mãi, nhà nước thường là đề dân tự-do kinh-doanh, không có trực-tiếp chỉ-huy, can-thiệp.

Nền văn-hóa này chỉ đặt nặng vấn-đề giao-tế giữa người với thần-minh, giữa người với người, giữa người với giáo-hội với quốc-gia, chứ không đặt trọng-tâm tới vấn-đề kinh-tế vật-chất, cho nên cũng không giải-quyết được sự đối-khò vật-chất, cũng như không giải-quyết được các tệ-đoạn xã-hội.

III) — Nền văn-hóa thứ ba là nền văn-hóa vật-chất, kỹ-thuật. Nền văn-hóa này không còn đặt ra các vấn đề sáng-tạo, hay thần-quyền. Nó chủ-trương con người chỉ là con vật tiến-bộ. Nó không còn muốn đặt ra các vấn đề thần minh hay đạo giáo, hôn phác, mà chỉ có chú trọng đến các vấn đề xã - hội, nhân - sinh, kinh - tế, kỹ - nghệ v.v... Nó không thần-bí, cũng chẳng nhân-nghĩa, mà thực - tiễn, thực - tế. Nó không mơ-ước lai-sinh, mà chỉ ra công cải-tiến con người hiện-thực, cải-tiến tình-trạng xã-hội hiện-thực để tiến-tới một đời sống vật-chất, cộng-đồng khả-quan hơn.

Con người không có giá-trị gì nếu không nhờ xã-hội. Như vậy con người hoàn-toàn lệ-thuộc xã-hội.

Tất-cả các vấn-đề cần được cân-nhắc bàn-cãi, tất-cả các nỗ-lực đều cần được hướng-dẫn để đi đến một xã-hội hùng-mạnh công-bình...

Thế tức là gạt thần thánh, gạt đạo-giáo ra một bên, để đặt hết trọng-tâm vào công cuộc mưu-sinh và tiến-bộ kỹ-thuật.

Trong những xã-hội theo nền văn-hóa này chỉ có khoa-học là trọng, kỹ-thuật là trọng.

Về phương-diện kinh-tế, thương-mãi, cũng có xã-hội cho cá-nhân được tự-do cạnh-tranh kinh-tế, cũng có xã-hội chi-phối hướng-dẫn hết mọi hoạt-động kinh-tế, thương-mãi...

Ba nền Văn-hóa :

— Thần linh (culture spirituelle)

— Nhân-bản (culture humaniste)

— Vật-chất, kỹ-thuật (Culture matérialiste technique) có thể nói được đã xây-dựng trên ba quan-niệm khác nhau về con người.

Nền văn-hóa thần linh chủ-trương con người có đủ tam-tài « Trời đất, người » trong một thân, nghĩa là có đủ :

- Thần (Esprit)
- Tâm (Âme)
- Xác (Corps)

và Trời chẳng có xa người, Trời đã ở ngay trong tâm hồn con người nên, muốn tìm Trời khỏi phải tìm trong đền-đài miếu-mạo, khỏi phải tìm đâu ngoài lòng và như vậy con người trọng hơn đạo-giáo, trọng hơn xã-hội, một khi con người đã giác-ngộ (1).

( còn 1 kỳ )

1) — It spoke of an intense yearning for the divine which is in man and not in the temple . . .

(Cf. Rabindranath Tagore — « The Greatest of the Bauls of Bengal » by Edwarp C. Dimock, Jr. trong The Journal of Asian Studies, Vol. XIX, No I, Nov. 1959 từ tr. 33 đến tr. 51).

Câu trên ở tr. 35.

. . . The path is hidden by the temple and the mosque.  
And though I hear Your call, O God, I cannot find the way  
For against me stand my guru and murliid. Ib. trg 37

(Guru là sư-phụ theo Ấn-giáo, Murliid là sư-phụ theo Hồi-giáo).

. . . The vision of the Supreme One in our own soul is a direct and immediate intuition, not based on on any catiociation or demonstration at all . . . Ib. 42.

NGUYỄN - ĐÌNH - DIỆM

## lược khảo về nguồn gốc tuồng cổ

### 3) Cái nhu-yếu của hoàn cảnh Xã-hội

Nói về cái nhu yếu trong hoàn cảnh xã hội, ta có thể chia làm 2 phương diện : 1) Hoàn cảnh vật-chất ; 2) Hoàn-cảnh tinh thần.

Hoàn cảnh vật-chất : Thời bấy giờ, dân tộc Mông-Cổ, thế lực đương lúc bành trướng, tràn lan khắp cả châu Á châu Âu ! Sau khi chiếm lãnh được nền thông trị của nhà Kim ở phương bắc, lại diệt nhà Tống ở phương nam, đặt ách thông trị lên toàn lãnh thổ Trung-quốc, đóng đô ở tỉnh Bắc-Bình. Lúc ấy dẫu rằng Trung-Quốc chỉ là một bộ phận của đại-dê-quốc trong thế giới của dân tộc Mông-Cổ đã mở-mang ra đó thời. Nhưng vì trong ấy đã có một nền kinh-tế sâu rộng, hợp với cơ sở văn-hóa vững vàng, khiến cho xã hội lập tức chuyển hướng đến cảnh phồn vinh. Hơn nữa, về sau họ còn đem cả hai châu Âu Á ghép thành một mảnh, quốc tế giao thông rất là tiện lợi, tạo nên tư bản cho nghề buôn Trung quốc phát triển đến độ mà trước kia không bao giờ có ! Nhật là từ đây về sau, nhà buôn ngoại-quốc tới lui rầm rập, đời sống của bọn quí tộc quan lại trở nên xa hoa dâm dật vô cùng ! Khiến cho một nhà truyền giáo tên gọi Mã-Kha Ba-La tự bên châu Âu mới sang Trung-quốc cũng phải thất kinh ghi lại những câu trong tập Du-ký như sau :

Thành thị đã rộng lớn lại trù phú, buôn bán sầm uất, dân thương mại và công nghệ đại đa số làm nghề chế tạo hàng cơ, các vũ khí và



yên ngựa, cùng các thứ hóa phẩm khác v. v. ) ở trong cái đô thị mà ngành thương mại phát triển đến cao độ như thế, thì nó cũng có con số khổng lồ về nhân khẩu, và gồm đủ các hạng - người, như chủ tiệm, người chạy hàng xách, người làm công, đầu bếp, lao công và những dân cư ở trong thành thị đó. Đối với ngành văn nghệ từ đời nhà Tống xuống đến nhà Kim do nền kinh tế phát triển của đô thị đã sản xuất, như lời bình-phẩm, ca-khúc hí-kịch v.v., tự nhiên sẽ có cơ hội được bảo tồn và phát triển mạnh.

Tạp-kịch có thể nói là một hình thức văn nghệ cao-cấp của dân đô thị, vì nó mới thấu tóm đủ các lối như Tân bạch, ca-xướng, và biểu diễn hợp làm một thể. Nó có đủ năng lực làm rung động lòng người, và hấp dẫn quần chúng, lại còn cái ưu điểm khiến cho quần chúng phải hoan nghinh tiếp nhận. Về phần nội dung, nó lại nối tiếp được cái dây truyền thống văn học của dân gian, để thúc đẩy cho sự truyền bá. Đồng thời ông Mã-khả-ba-La lại còn ghi chép cái trạng huống của kinh-đô Bắc-Bình như sau :

Nơi đây, những thiếu nữ làm nghề ca kỹ, hạng có nhan sắc yêu điệu tới 2 vạn người, hàng ngày khách buôn và ngoại kiều lui tới không biết bao nhiêu mà kể, nên sự thù tiếp chẳng lúc nào ngơi. Còn những phẩm vật quý giá thì bất cứ một đô thị nào ở trong thế giới này cũng không sánh kịp.

Vậy trước tiên xin kể những thứ của Ấn-Độ đưa vào như bửu-ngọc trân-châu và những phẩm vật quý khác ; Lại còn những đồ tinh xảo quý giá của các địa phương trong nước đem dâng, để cung phụng nhà vua, các bà mạng-phụ, các phi tần vương, đại thần, tướng tá của triều đình Đại-Hãn (nước Hung-Nô). Nên tôi mới dám bảo cái giàu sang và những quý vật của đô thị này, kể cả các đô thị lớn trong hoàn cầu cũng không đâu có. Về phần buôn bán lại càng phồn thịnh : hãy nói riêng món hàng tơ, mỗi ngày chuyên chở đến mấy ngàn xe mới đủ cung cấp cho những nhà dệt các thứ kim-tuyến, gấm, nhung v.v...

Coi đó thì ta đủ biết thành phố Bắc-Bình ngày nay tức là đô-thị quốc tế phồn thịnh của cả thế giới họp lại ! Những xóm bích-khang, rạp diễn tuồng, mọc lên la liệt, để cho du khách bốn phương muốn tìm khoái lạc đem tiền của đến bồi đắp cho nền kinh tế được thịnh vượng thêm. Cả đến một thứ trước kia chưa được chính thức thành hình như ngành Hý-kịch, thì nay nó cũng áp đảo lên cái hình thức văn nghệ năm xưa để nhảy vọt tới địa vị thành công và hưng thịnh ! Nay ta thử coi bao nhiêu sách vở của những tác giả nhà Nguyên, địa phương của họ hoạt động hầu như tập trung cả ở 2 đô thị lớn Bắc-Kinh và Hàng-Châu. Đồng thời, những cuốn Tạp-kịch đã được xuất bản, chỗ ghi địa điểm nhà in thì cũng không ngoài 2 đô-thị đó.

Căn cứ vào những sự thực kể trên, cho ta thấy rõ : nguyên ủy của ngành Tạp-kịch là đặt căn bản vào 2 đô thị lớn thì nó mới được phát huy và bành trướng.

Hai là nói về phương diện tinh thần và hoàn cảnh thì đời Kim-Nguyên ngay từ ban đầu, Nữ-chân-nhân (1) rất ưa thích về âm nhạc, Vũ-văn mậu-chiều trong bộ Kim-sử đã từng nói : Vua Hy - Tôn nhà Kim có 3 sự kiện không cho bề tôi được phép can ngăn : 1) Tác nhạc (hòa nhạc) ; 2) phạn-tăng (nuôi sữ) ; 3) Vi-trường (săn bắn). Coi đó đủ biết về vương thời ấy say mê âm nhạc đến độ nào ? và khúc hát của vị Vũ-chân-nhân đã được ngành Tạp-kịch thời nhà Nguyên thái thái không phải là ít. Cũng như trong cuốn Trung-Nguyên-Âm-Vận đã nói : Những bản nhạc thuộc về thể phong-lưu của Nữ-chân, đều dùng âm nhạc của Nữ-chân để hát. (Thể phong-lưu tức là khúc song-diệu). Coi đó đủ biết nó là khúc Nữ-chân, không còn hồ nghi gì nữa.

(1) Nữ-Chân là tên một chủng tộc ở rải rác trên bờ sông Áp-Lục, nguyên thuộc về nước Liêu. Đền đời Nữ-Chân tài cường thịnh, tự lập thành nước Kim rồi diệt được cả nhà Bắc Tống. Người Mãn-Thanh ở Quan-Đông tự xưng là Châu-Thân tức là hai tiếng Nữ-Chân đã nói trại đi vậy. Về sau đổi tên ra Mãn-Châu, cho nên người Thanh với người Kim là cùng một dòng họ. Coi Từ-Nguyên bộ Nữ sẽ rõ.

Bởi vì, khúc Song-diệu bên trong còn có đoạn như A-nạp-hốt, Dã-bất-la, Cỗ-đồ-bạch và Đường-ngột-đãi v. v. . . đều là danh-từ tiếng Phiên (Mông-Cổ), thường được dùng lẫn với thể Phong-lưu, thì lẽ tự nhiên nó thuộc về khúc Nữ-Chân vậy.

Sau đó đến triều nhà Nguyên thì trên Văn đàn biến thành thời đại tự do phóng túng. Vì lẽ tư tưởng nhà nho đến thời suy yếu, tất cả văn-học lý-luận để truyền đạo thông, tự đời Đường Tống xây dựng cũng đều vắng bóng im hơi, văn-dàn sớm đã mất sự chỉ đạo về lý-luận cũng như giám-độc và phê-bình.

Hý-kịch vốn là một thứ mà các nhà đạo đức cho là đê hèn không bỏ nói tới, thì lại gặp lúc thời đại tự do xuất hiện. Gia di hoàn cảnh vật chất lúc ấy lại rất sáng sủa, nhân thế mà nó trở thành một cảnh đồng cỏ gặp lớp gió xuân, khí sắc xanh tươi bốc lên vùn vụt!

Và lại, dân tộc Mông-Cổ đầu có tiếng là dân tộc hung hăng hiếu chiến, nhưng đối với những sự khoáng lạc của thanh sắc, múa hát thì lòng ham say cũng giống hết Nữ-chân-nhân vậy.

Thờ coi cuốn « Mông Thất Bị-Lạc của Mạnh-Hồng ghi chép phong tục Mông-Công rằng: Quốc vương khi cầm quân đi đánh dẹp, cũng đem nữ nhạc đi theo, toàn hạng con gái vào khoảng 17-18 tuổi, có nhan sắc và linh lợi, đa số biết dùng thứ đàn 14 dây đạo khúc Đại-Cung và 4 tay cầm phách để điều hòa tiết tấu, tiếng rất nhẹ nhàng và múa nhiều kiểu rất lạ!

Quốc-vương đã như thế! Người trên ham muốn cái gì, thì kẻ dưới còn ham muốn hơn nữa. Rồi tự triều thần, tướng tá cho đến dân gian đua nhau bắt chước. Đồng thời dân tộc Mông-Cổ sau khi đã thôn tính cả miền nam, thì chúng coi rẻ ngũ-kính Tứ-thư. Trái lại, đối với ca nhi kỹ-nữ, diễn kịch hát bội, thì được đề cao và khuyến khích. Khác gì đã thúc đẩy cho khúc Hý-kịch được phát triển bằng cách trực-tiếp hay gián-tiếp vậy.

Lại như trong sử nhà Nguyên về truyện Hạ-Thắng vào khoảng năm cuối cùng của Thế-Tò, có chép một đoạn rằng:

Một hôm vua đi săn về, Thăng ngồi bên hữu, toàn phường bội trùm vài hoa múa sư-tử đề nghênh tiếp xa giá, khiến voi hoàng sợ (voi sợ sư-tử) lồng lên không thể kim hãm lại được, Thăng bèn lao mình xuống đứng chặn ngay trước đầu voi, vì thế quốc vương mới được an toàn.

Việc múa sư-tử kể trên đây không liên quan gì đối với Tạp-kịch, nhưng nó cũng cho ta thấy: bọn phường bội kia bất cứ lúc nào hay là chỗ nào chúng vẫn được theo bên cạnh nhà vua vậy.

Ngoài ra lại còn trong tập « Hà-Ngoại » của đạo-sĩ Mã-trần ở Hàng-Châu có ghi 1 đầu đề, tức là bài thơ Tứ-tuyệt cung vịnh lúc vào trong điện triều kiến vua tại Loan-đồ (là Thượng-đô của Mông-Cổ, tức là tỉnh Sát-Cấp-Nhĩ) vào ngày 16 tháng 5 năm Tân-sửu niên hiệu Đại-Đức như sau

*Thanh hiền truyền tuyên nhập điện môn,*

*Tiêu thiều cửu tẩu tiến kim tôn.*

*Giáo phường tề phần quân tiền hội*

*Tri thị thiên sư triều chí tôn.*

#### DỊCH

*Truyền vào cửa điện lúc tỉnh sương,*

*Chín khúc tấu lên chúc chén vàng.*

*Tấn kịch « quân-tiền » phường bội diễn,*

*Thầy trời yết kiến dâng quân vương.*

Trên nói niên hiệu Đại-Đức năm Tân-Sửu, tức là Đại-Đức thứ 5 đời Nguyên Thành-Tôn (cháu Thế-Tò). Năm ấy Mã-Trần từng theo Trương-Thiên-Sư ở núi Loang-hồ tỉnh Giang-Tây vào triều kiến vua Thành-Tôn ở hồ Đa-luân (1) thuộc Thượng-đô. Còn câu « Giáo-phường

(1) Hồ Đa-Luân thuộc tỉnh Trực Lệ, nhà Nguyên đặt Thượng-đô ở đây. Thiên-sư tức là Trương-Tam-Phong hay là Trương Thiên-sư. Sử nhà Minh có chép thành truyện, nói là người tỉnh Liêu-Đông, tổ sư môn quyền-thuật. Xem Từ-Nguyên bộ cung (5) 8 nét, mục chữ Trương sẽ rõ.

tê phẩu quân-tiền hội», là nói về tình hình lúc diễu kích trước tiệc yến ở trong cung. Bởi vì lúc ấy trong bọn văn nhân vì muốn giúp vua nên đã đem vở tuồng của mình ra hiến. Cũng giống như bài cung-từ của nhà thơ Dương-đay-Trinh trong thời cuối nhà Nguyễn vậy.

## BÀI TỪ :

*Khai quốc ái âm nhạc phủ truyền,  
Bạch linh phi thưởng thập tam huyền,  
Đại-Kim vu gián Quan Khanh tại,  
Y-Doãn phò-Thang tiến kịch biên*

## DỊCH :

*Khai quốc văn thơ nhạc-phủ truyền  
Mười ba dây nổi tiếng cầm huyền.  
Họ Quan khéo diễn trò can chúa ; (2)  
Y-Doãn phò Thang » kịch mới biên. (3)*

Lại như cháu Minh Thái-Tổ là Chu Định-Vương tên gọi là Châu-Túc cũng có bài Nguyễn-cung-Từ như sau :

*Sơ điều âm luật thị Quan - Khanh.  
Y - Doãn phò Thang tạp kịch trình,  
Truyền nhập cầm uyển cung lý duyệt  
Nhất thì hàm thỉnh xướng tân thanh.*

## DỊCH

*Quan-Khanh lựa tiếng cầm xoang,  
Vở tuồng Y - Doãn - Phò - Thang tiến trình.  
Hoan hô khắp chốn cung đình,  
Nhân gian nghe khúc tân-thanh dạo hoài.*

(2) Ưu-gián diễn trò bội để can vua. Sách Tả-Truyện chép : Ưu-Mạnh là người pha trò nổi tiếng ; Khi Tôn-Thúc-Ngao 3 lần làm thừa tướng nước Sở, vì thanh liêm nên nhà nghèo, lúc chết con không có tiền để mai táng. Ưu-Mạnh bèn giả trang làm Tôn-Thúc-Ngao, rồi ca lên những tiếng rất ảo não, khiến vua Trang-Vương động lòng, sai quan làm lễ an táng. Xem Từ-Nguyên bộ nhân 1 nét, danh từ Ưu-Mạnh sẽ rõ.

(3) Y-Doãn người đời nhà Thương bên Tàu, cây ruộng ở đất Hữu-sân vua Thành-Thang 3 lần đem lễ đến mời ông ra giúp, lấy được thiên hạ trong tay vua Kiệt. Nay Quan-Khanh soạn thành vở tuồng « Y-Doãn phò-Thang », để tiến lên vua.

Hai bài thơ trên đều ghi chép việc Quan-Khanh tiến hiến vở tuồng. Vậy Quan-Khanh có phải là Quan-Hán-Khanh đó chăng ? Vấn đề này đã được bàn tới rất nhiều, chúng ta không cần phải nói kỹ nữa. Nhưng cũng bởi đó mà ta được biết các vị đế vương của triều Mông-Cổ ưa thích tạp kịch đến mức nào, không còn nghi hoặc gì nữa.

Những tạp-kịch ấy sau khi đã tiến lên vua, đều được vua ban đặc ân, rồi ra lệnh phổ biến, chứng cứ hiển nhiên là bài « Nguyễn-Cung-Từ » của Chu Định-Vương như sau :

*Thi gián Linh-Công diễn truyền kỳ,  
Nhất triều truyền đảo cửu trùng tri,  
Phụng tuyên tề dữ Trung-thư tỉnh  
Chư lộ đồ giao xướng thử từ.*

## DỊCH

*Can bằng xác chết đó ai ?  
Một khi cũng thấu đến tai thượng hoàng.  
Đọc rồi Thư - sảnh trao sang,  
Truyền cho phổ biến hát vang tứ bề.*

Ngoài ra lại còn các đế vương cùng triều thừa nhà Nguyễn có liên quan đến sự ham mê tạp-kịch kể ra cũng nhiều. Tỷ như viên bác-sĩ của nước Nhật là Cát Xuyên-hạnh-thứ-lang với bần « Nghiên cứu Nguyễn tạp-kịch » Trịnh thanh-Mậu đã từng phiên dịch, thì ngay trong chương bàn về các thích-giả nói rất tường tận, ở đây cũng không cần phải thuật lại nữa :

( Còn 1 kỳ )

## tìm hiểu người việt gốc miên

Tổng số người Việt gốc Miên ở miền Nam có lối 600.000 người qui tụ nhiều nhất ở những tỉnh miền Tây và rải rác ở vài tỉnh khác miền biên giới. Theo các báo cáo của nhà cầm quyền năm 1965 thì những tỉnh có người Việt gốc Miên sắp theo số lượng nhiều ít như sau :

— Vinh-Binh	237.330 người
— Ba.Xuyên và Bạc-Liêu	156.951 —
— Châu-Độc và An-Giang	62.593 —
— Kiên-Giang	52.865 —
— Chương-Thiện	31.377 —
— Phong-Dinh	7.134 —
— Vinh-Long	4.500 —
— An-Xuyên	3.058 —
— Tây-Ninh	4.315 —
— Bình-Long	4.731 —
— Phước-Long	1.095 —
— Saigon	1.166 —

Tổng cộng : 567.115 người

Ngoài ra còn một số ít ở các tỉnh Long-An, Kiến-Tường, Kiến-Phong, Kiến-Hòa và Cao-Nguyên Trung-Phần. Phần đông người Việt gốc Miên sống với nghề nông nên số người ở tỉnh-lỵ không nhiều bằng người Việt. Ở Vinh-Binh, Ba-Xuyên, Bạc-Liêu có nhiều cửa hàng của người

Việt gốc Miên, còn mấy tỉnh-lỵ khác thì rất hiếm. Muốn tìm họ, phải vào xóm (sóc) gần các ngôi chùa. Riêng ở tỉnh Châu-Độc: tại người Việt gốc Miên ở tại quận Tri-Tôn nhiều nhất với tổng số 50.320 người trong số 62.593 người của toàn tỉnh, luôn cả tỉnh An-Giang. Ngoài ra ở quận Tịnh-Biên cũng có nhiều người hơn các quận khác.

Số người Việt gốc Miên ở các vùng biên giới cũng quan trọng, đáng cho ta lưu ý, như ở quận Hí-Tiền (Kiên-Giang) quận Tịnh-Biên, Châu-Phú, An-Phú, Tân-Châu (Châu-Độc), Hồng-Ngự (Kiến-Phong, Tỉnh Tây-Ninh, Bình-Long và Phước-Long. Ở Saigon số hơn ngàn người Việt gốc Miên đều là đồng bào ở các tỉnh lên ngụ làm ăn trong các giới.

Những người ở miền Cao-Nguyên Trung-Phần là người Miên chánh cống không thể sống nổi ở đất Miên phải di cư sang. Vì phần đông sống trên đồi núi quá xa thành phố nên việc tiếp xúc với chánh quyền địa phương không được thường xuyên.

Người Việt gốc Miên gốc ở phía Tây Bắc miền Nam Việt-Nam di cư đến lãnh thổ Phù-Nam vào đầu thế-kỷ thứ 1 Dương-lịch. Vương Quốc Phù-Nam choán cả miền Nam bán đảo Đông-Dương, từ vùng hạ lưu sông Cửu-Long, vùng Đổng Tháp Mười và các đất đai sát bờ biển Thái-Lan, do một vị Hoàng-thần Ấn-Độ tên KAUNDINYA sáng lập.

Đến năm 635 D.L., Phù-Nam bị nước Cao-Miên (bấy giờ gọi là Chân-Lạp) xâm chiếm.

Vào hồi đầu thế-kỷ thứ 17, người Việt từ phía Bắc di dân xuống miền Nam khai khẩn và từ năm Canh-Thân 1620 được các vị Quốc-Vương Cao-Miên nhượng đất để đến an che chở chống ngoại xâm. Những người Miên đang sinh sống trên mảnh đất ấy đã tình nguyện ở lại chung sống với người Việt và không muốn trở về quê hương cũ của họ nữa vì phần đất của họ bị tách ra khỏi Chân-Lạp và gọi là Thủy Chân-Lạp từ thế-kỷ thứ 8.

## I - ĐẶC-TÍNH

## I I - DIỆN MẠO

Người Việt gốc Miên thường cao hơn người Việt-Nam. Thân hình mạnh khoẻ, ngực nở nang, trán hơi bẹt, gò má nhô ra và cằm thì ngắn. Mũi to và thẳng, mắt nâu đen, mồm rộng, môi hơi dày, tóc đen và hơi quăn.

## 2 I - TÁNH TÍNH VÀ ĐỜI SỐNG

Sống chung đặng với người Việt hàng ba thế-kỷ, người Việt gốc Miên vẫn giữ phong tục, tập quán của họ, quay quẩn xung quanh những ngôi chùa đồ sộ, họp thành từng nhóm, gọi là «sóc» riêng biệt.

Vốn là một sắc dân sùng Phật pháp, họ cho rằng đem của cải cúng vào chùa, dâng các Sư Sãi một thì sẽ làm được gấp mười, nên khi có tiền, họ trích một số lớn cúng dường và nuôi quí vị Sư. Vì thế, khi có dịp viếng thăm vùng người Việt gốc Miên, ta sẽ ngạc nhiên thấy nhà cửa của họ phần nhiều cất bằng tre lá, trái lại ngôi chùa trong xóm thì nguy nga, đồ sộ vô cùng. Tiền bạc và công lao xây cất đều do đồng bào quanh xóm đóng góp mỗi người ít, nhiều tùy theo lòng tốt của mình. Họ không sợ nghèo đói, chỉ sợ khi chết không được hỏa thiêu để đem tro vào chùa ở cạnh đức Phật. Các vị Sư đối với họ là hiện thân của Phật, nên các lời của Sư Sãi nói ra, họ không cần suy nghĩ phải trái, răm rắp nghe theo, dẫu là về Đạo hay về Đời. Cha mẹ có con đi tu, phải lạy đứa con vì nó đã là Phật, không còn là con của mình nữa. Khi xưng hô với nó phải gọi bằng « Ông », ông Sư.

Du khách đến vùng người Việt gốc Miên có thể ngạc nhiên khi thấy họ tập trung ở từng xóm, từng ấp không chung đặng với người Việt, một bên là dãy nhà người Việt gốc Miên, một bên là dãy nhà người Việt, và đặc biệt rất ít có nhà ngói, nhà giàu như người Việt. Nguyên do:

1. - Người Việt gốc Miên không thích cạnh tranh, đua chen để làm giàu. Họ thích thanh thoi, an nhàn hơn người Việt, thường chịu nhún, chịu thua thiệt để tránh chuyện bất hòa. Công việc làm ăn của họ đều trông vào ở số phận. Họ tin rằng phải có phần, có phước mới làm giàu được, vì thế họ ít chịu tìm hiểu để làm thế nào cho tăng năng suất canh tác, thu hoạch được nhiều kết quả như người Việt.

2. - Quan niệm về cách sống của họ thiên về phần tinh thần hơn là vật chất. Cha mẹ lo cho con có gia đình rồi thì bao nhiêu tài sản đều đem cúng vào chùa làm phước, chỉ để lại một phần nhỏ đủ sống hằng ngày, không chịu tiếp tục khuyến khích trương nghề nghiệp dù có đủ phương tiện. Họ không màng đến tình trạng của con cháu vì phận sự của họ đã xong, họ lo ngày sau của họ được về Niết-Bàn mà thôi.

3. - Bao nhiêu tiền có dư, họ hùn vào việc xây cất chùa, làm phước, nuôi Sư Sãi, tuyệt đối không dùng tiền lo riêng cho xác thân mình. Điều chứng minh hùng hồn nhất là trong ấp, xã có nhiều người Việt gốc Miên thì ngôi chùa nguy nga đồ sộ, chi phí xây dựng hàng triệu bạc, mà đại đa số đồng bào thì ở nhà lá vừa đủ che nắng, che mưa cho cả gia đình.

Vì thế, nếu ta chỉ xét bề ngoài mà vội cho người Việt gốc Miên nghèo hơn người Việt là sai.

Tâm lý chung của người Việt gốc Miên là thích sống đơn giản, không muốn tranh giành, nghe và tin những gì thấy trước mắt, ghét ba hoa, trù tượng. Họ rất cần cù, mộc mạc, giỏi chịu đựng gian khổ. Khi họ thương mến và tin cậy người nào thì người đó nói gì họ cũng nghe. Họ có một tinh thần tự túc và tương trợ đáng khen, những vụ cắt nhà, cưới hỏi, tang chế thường được sự giúp đỡ của hàng xóm.

Ngày nay, tuy họ đã trở thành công dân Việt-Nam, nhưng họ vẫn còn giữ phong tục, tập quán và tiếng nói của họ.

## I I I - PHONG TỤC, TẬP QUÁN

Chịu ảnh hưởng sâu đậm của phong tục, tập quán Cao-Miên cũng như Cao-Miên đối với Ấn-Độ, người Việt gốc Miên hoàn toàn theo đạo

Phật nên bao tục lệ, thói quen ngoài đời đều chịu theo lời Phật dạy, căn cứ vào kinh, sách nhà Phật. Ngôi chùa trong ấp, trong xã, là trung tâm diêm của các cuộc hội họp, lễ bái, chơi đùa, học tập. Các vị Sư Sãi là người hướng dẫn tinh thần của họ từ việc đạo đến việc đời.

### 1/— CÁCH DÙNG LỊCH

Trước khi người Pháp phổ biến Tây lịch, người Việt gốc Miên dùng lịch theo kỷ nguyên nhà Phật gọi là Phật lịch. Tuy vậy, đối với ngành Đại-Thừa, Phật lịch lại khác hơn ngành Tiểu-Thừa. Người Việt gốc Miên dùng Phật lịch theo ngành Tiểu-Thừa và vẫn giữ đến ngày nay.

Phần đông người Việt gốc Miên ngày nay đều dùng Dương lịch, hoặc có người tính theo Kỷ nguyên cũ thì lấy Phật lịch cho hợp với ngành tôn giáo duy nhất để có thể đối chiếu với các quốc gia cùng tôn sùng đạo ấy.

Tuy nhiên, so với ngành Đại-Thừa của người Việt, Tàu, Nhật thì Phật lịch lại nhiều hơn một năm. Người Việt gốc Miên, Cao-Miên, Thái-Lan, AiLao, Miến-Điện, Tích-Lan tính đến năm 1966 là 2509, còn người Việt thì 2510.

Người Việt gốc Miên cũng tính tuổi theo 12 con giáp như người Việt: Tý, Sửu, Dần... có điều khác hơn là thay vì tuổi Mẹo là con Mèo, họ gọi là con Thỏ, tuổi Sửu là con Trâu, họ gọi là con Bò.

Hàng năm, các nhà Thiên-văn ở trong thành Vua Cao Miên lập thành một tập lịch ghi đủ ngày, tháng, lễ lộc, mưa nắng, điềm tốt xấu, gọi là MAHA SANGKRANG. Người Việt gốc Miên phải lên lút mưa dề coi ngày cử hành những buổi lễ cho đúng với cổ tục Lễ cổ nhiên, lịch này khác hẳn với Dương lịch và Âm lịch của người Trung Hoa mà người Việt quen dùng. Dù có bị ảnh hưởng của người Pháp và người Việt, người Việt gốc Miên vẫn không bỏ tập quán nghìn đời của họ.

### 2/— CÁC NGÀY LỄ TRONG NĂM

Mỗi năm, người Việt gốc Miên cử hành 8 lần lễ, trong ấy chỉ có lễ Vào năm mới (Tết) là theo sự tích của Bà la môn giáo, còn 7 lần khác đều là lễ Phật. Tất cả các cuộc lễ đều tổ chức tại chùa, chương trình do vị Sãi Cả soạn thảo. Đồng bào quy tựu tại ngôi chùa trong xóm dự lễ và vui đùa.

Đây là danh sách các buổi lễ :

1. — MÉAKABAUCHIA, lễ Đức Phật cho biết 3 tháng nữa sẽ nhập Niết-Bàn (tính theo Dương lịch thì vào lối đầu tháng 2).
2. — CHÔLCHNAM, lễ Vào năm mới (Tết) vào giữa tháng 4.
3. — VISAKABAUCHIA, lễ Phật-đản vào đầu tháng 5.
4. — CHÔL VÔ SA, lễ các Sư Sãi nhập hạ (ở trong chùa tu 3 tháng không ra ngoài) vào đầu tháng 7.
5. — PHCHUM BEN hay ĐÔNGTA, lễ xá tội vong nhân, vào giữa tháng 9.
6. — CHANH VÔ SA lễ các Sư Sãi ra hạ (mãn thời kỳ nhập hạ) vào đầu tháng 10.
7. — OK ANG BOK, lễ cúng trăng vào cuối tháng 10.
8. — KA THANH lễ dâng y cà sa cho Sư Sãi, không nhất định ngày, từ đầu tháng 10 đến giữa tháng 11.

Trong 8 lần lễ trên đây có 3 lần căn cứ theo 3 sự tích đặc biệt :

1. — Lễ Vào năm mới do một chuyện cổ tích của đạo Bà la môn du nhập từ Ấn-Độ sang Thái-Lan, Miến-Điện, AiLao, Cao-Miên và trong giới người Việt gốc Miên.
2. — Lễ Đôngta, xá tội vong nhân, do một điển tích của nhà Phật có phần khác hơn lễ Vu-Lan của người Việt.
3. — Lễ Ok ang bok do một điển tích của nhà Phật nói về mặt trăng. Ngoài ra, 5 cuộc lễ khác đều theo Phật-giáo không có gì lạ.

### 3/— CƯỚI, HỎI

Ngày xưa, người Việt gốc Miên áp dụng cổ tục của Cao-Miên nên lễ cưới, hỏi rất phiền phức. Bây giờ, sống cạnh người Việt, họ chịu ảnh

hương khá nhiều đã giản dị hóa một số thủ tục hợp với trào lưu tiến hóa.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn cở, thích theo sát phong tục nên bắt buộc suôi gia phải thực hành. Phần nhiều những người này đều ở thôn quê và có nhiều tiền bạc.

a). — Lễ cưới theo xưa

Trước hết, đàng trai nhờ ông Mai đi làm mối gọi là « SƯA ĐÒN ĐÀNG ». Khi chấp thuận rồi, đàng gái định ngày làm đám hỏi gọi là « TÀU ĐÒN ĐÀNG ». Trong buổi tiệc này, hai bên định ngày cưới gọi là « CHUL THNGAY KA » và định lễ cưới do bên nào gánh chịu, trai cũng được, gái cũng được, có khi hai bên hùn nhau. Đàng trai tặng đàng gái các món nữ trang : bông tai, giấy chuyển, vòng vàng, mũng, mền, gối v. v. . .

Trước ngày cưới, chú rể phải qua nhà vợ làm lụng cực nhọc, có khi 2, 3 năm mới được cưới. Có người vì một chút lỗi lầm mà bị mất vợ. Hễ có lỗi thì phải lạy cha mẹ vợ, lỗi nặng thì làm con heo quay tạ tội rồi cũng bị từ hôn !

Đến ngày cưới gọi là « PI THI À PIA PI PIA » hai bên nhờ 2 ông trưởng lão cao niên gọi là Achar thay mặt hai họ điều khiển buổi lễ. Có khi đàng gái bắt buộc bên trai gánh chịu hết số phí và nhờ 2 ông Achar luôn.

Trong lễ cưới có lễ CỘT TAY gọi là « CHON ĐAY » có nghĩa là cột để vợ chồng khấn khít suốt đời. Cột tay bằng sợi chỉ trắng do 2 ông Achar làm lễ Phật, đọc bùa chú, thoa dầu dừa có pha dầu thơm rồi giao cho cha mẹ bên trai cột trước một đôi, bên gái cột sau, hoặc ngược lại. Chú rể ngồi xếp chề he giữa nhà bên phía tay mặt của cô gái, mặc áo dài màu vàng. Thờ áo này giống như áo mưa, không có gài nút và không thắt lưng dùng riêng mỗi khi đám cưới. Khi cha mẹ bên gái cột tay chú rể thì cô dâu chấp tay lạy tay chồng rồi nâng lên bằng 2 tay. Khi cột tay cô dâu thì chú rể nâng tay vợ bằng bàn tay phải,

Lễ cột tay cứ hành từ sáng đến tối để thân nhân, bè bạn vừa dự tiệc cột tay, vừa giúp tiền hoặc tặng phẩm vật. Bên đàng gái phải tặng khách khứa một giỏ bánh ngọt.

Sáng hôm sau, trước khi mặt trời mọc, hai họ làm lễ « CHON THÌ GIỜ TỐT » gọi là « ĐỐT VỀ LIA ». Lễ này cứ hành trước sân nhà, dưới bàn thờ Trời gọi là « RIÊN » có đủ mặt cha mẹ, thân nhân và hai ông Achar. Cô dâu, chú rể ngồi trên chiếu, ngảnh mặt về hướng Đông chờ lúc mặt trời chiếu đủ ánh sáng thì bắt đầu thiết lễ. Nếu ngày ấy nhằm tháng mưa, mặt trời bị mây che thì phải chờ 1 con chim hay cả đoàn bay qua có tiếng hót rõ ràng mới lấy đó cứ hành lễ, gọi là lấy con vật thế mặt trời.

Cha mẹ đôi bên, hai ông Achar và thân nhân lần lượt chúc tụng tân nhân rồi bẻ mạp lễ cưới.

Buổi chiều, gia chủ dọn một tiệc nhỏ đầy đủ thức ăn mời hai ông Achar, những người nấu ăn và kẻ có công giúp đỡ ngõ lời cảm ơn và xin lỗi nếu có điều gì sơ xuất. Sau đó, gia chủ tặng tiền bạc cho những người ấy.

Tối đến, rể hay dâu nhờ những người lớn tuổi, vợ chồng hòa thuận còn cái đồng giăng mũng cho mình động phòng gọi là « CHON MUNG » Số người này từ 1 đến 4 vị.

Sau khi vợ chồng vô mũng rồi thì những người này nằm phía ngoài đề lên chừn mũng gọi là « ĐẾT SĂNG KÓT CHON MUNG » để dò xét coi hai người có vui vẻ hay rầy rà hầu báo tin cho cha mẹ hai bên biết để kịp thời chặn đứng sự đổ vỡ. Tục lệ ngủ ngoài mũng này kéo dài đến 3 đêm liền.

Trên đây là lễ cưới theo xưa của người Việt gốc Miền ở các tỉnh miền Tây, còn ở mấy tỉnh gần biên giới Cao - Miên như Bình Long, Phước-Long thì tục lệ có nhiều điểm khác biệt, vì chịu ảnh hưởng Cao-Miên nhiều hơn.

## b).— Lễ cưới ngày nay

Việc nhờ mai dong và làm lễ hỏi cũng giống như thời xưa. Đêm trước ngày cưới, bên trai hay bên gái làm lễ thì mời từ 4 đến vài chục vị Sư đến nhà tụng kinh. Cô dâu, chú rể ngồi đối diện với quý vị Sư, phía sau là 2 ông Achar và cha mẹ hai bên. Sau thời kinh, một vị Sư thuyết pháp nhắc sự tích và ngày cưới hỏi theo kinh Phật và những điều cần biết để gìn giữ hạnh phúc của vợ chồng.

Việc mời quý vị Sư là một điều cải cách mới đây vì xưa kia người Việt gốc Miên không dám thỉnh Chư Tăng đến dự lễ cưới cho rằng trái với Kinh giới nhà Phật ở luật tu bậc Tỷ-Khưu nên họ chỉ mời một vị Cư-sĩ hiểu nhiều về Đạo-giáo, có tài ăn nói gọi là Maha, nghĩa là người lớn, đến đại diện cho 2 bên suôi gia mỗi khi cần ngỏ lời với quan khách và dạy cô dâu, chú rể. Ngày nay, người Việt gốc Miên thích mời quý vị Sư đến dự hôn lễ tụng kinh cầu an, cầu phước và thuyết pháp về sự tích Đức Phật, nhắc chuyện nàng VISAKHA cho tân hôn nghe, trong ấy có một điều chánh là 10 điều khuyên dạy cô gái trước khi về nhà chồng.

Sáng lại, gia chủ thỉnh quý vị Sư đến nhà dùng cơm buổi sáng và buổi trưa. Thọ trai xong, quý vị Sư tụng kinh cầu an rồi về chùa.

Kể đó, gia chủ bắt đầu đãi khách tới chiều. Lễ cột tay được rút ngắn để cha mẹ hai bên, bà con và vị đại diện khách khứa thực hành. Đến tối là hết. Đòng phông không có người nằm phía ngoài mùng. Không có lễ « CHỌN THÌ GIỜ TỐT ». Không có vắn đề « làm rề » để cha mẹ vợ hành hạ chàng trai.

## 4/ - TANG MA

Người chết được thiêu xác. Nhà nghèo thì đốt ngay, giàu có thì để 3 hay 7 ngày mời quý vị Sư đến tụng kinh. Đốt xong, thân nhơn lựa một nắm xương lớn miếng chưa cháy hết bỏ vào hủ đem về chùa để trong một ngôi tháp.

Tháp này do nhà chùa xây để mọi người có thể gọi xương kẻ bất hạnh. Có người đem hủ xương để nguyên trong tháp, có người trút ra, bỏ lộn xộn với xương người chết trước.

Hoặc có người xây cái tháp riêng cho gia đình mình rồi để gần nhà mình. Hủ đựng xương làm bằng vàng, bằng bạc, bằng sành, bằng thủy tinh tùy theo gia thế của người chết. Gia đình nào không đủ phương tiện thiêu xác thân nhân thì liện vào một áo quan bằng ván mỏng đem chôn 3 năm mới đào lên đốt. Nếu đào trước ba năm thì xác chưa rữa hết thịt, còn hơi thúi.

Mỗi năm, hoặc hai, hoặc nhiều lần, thân nhân mời quý vị Sư đến nhà, hoặc tại chùa tụng kinh cầu siêu người quá cố. Ngày giờ không bắt buộc đúng theo ngày giờ trong kinh Phật có dạy: « chỉ do lòng thành thì làm lễ lúc nào cũng được ».

Nhân ngày lễ Vào năm mới (Tết) và lễ Đònta (xá tội vong nhân) họ rước cốt người chết từ chùa về nhà, mời quý vị Sư đến làm lễ, tụng kinh, xong, lại đem vào chùa. Người nào bỏ xương kẻ bất hạnh lộn xộn trong tháp thì khi cúng chỉ cần vãi tên họ cũng được.

Đối với quý vị Sư Sãi, nhất là quý vị Sãi Cả, ngày xưa có tục quan quan tài ba năn mới thiêu. Quan tài được để trong cào nhà riêng, cất trong một góc sân chùa, hằng ngày có Sư đến tụng kinh, cầu siêu và tín đồ đến phúng điếu.

Đối với những nhân vật cao quý, giàu có như Vua, Chúa, Hoàng thân, phú hộ, Sãi cả thì người ta làm cái quan tài hình ống, dưới nhỏ trên lớn, có nắp nhọn hình mũi, rồi thoa rượu khắp thân thể xác chết cho mềm dịu, gập chân, bó tay, cột cổ gục xuống để ngồi vào. Quan tài này phải là một thân cây nguyên vẹn do thợ khoét ruột, chừa vỏ dày lối 5 phân. Vì sợ tiền đặt cái quan tài như thế quá mắc nên người thường không ai dám sắm cho thân nhân. Người Pháp gọi đó là cái urne, ta dịch là cái đỉnh, xét ra không xác nghĩa vì cái đỉnh của ta có hình dáng khác xa.



## 51 - BÙA, NGẢI

Người Việt gốc Miên rất tin Bùa, Ngải. Người có thần lực huyền bí để cho Bùa là những vị pháp-sư dày công tu luyện. Trong giới người Việt gốc Miên hầu hết những vị này là những vị Sãi trong chùa, vì quý vị có thì giờ luyện phép hơn là người ngoài đời. Do đó, hễ nói đến Bùa, Ngải là người Việt gốc Miên nghĩ ngay đến quý vị Sư Sãi, Vị nào lớn tuổi, tu lâu chừng nào thì phép thuật cao thâm chừng ấy. Nhà Sư cho bùa để giúp đời, giúp người qua những hồi khốn khổ, nhưng cũng có người dùng bùa để hại người, làm lợi cho mình một cách bất lương.

Người nhờ bùa làm lợi phần nhiều là kẻ thất chí, làm ăn thua lỗ, không có hy vọng được người yêu. Nhà Sư cho họ một thứ sáp đựng trong cái hộp gỗ tròn bằng ngón chân cái, thoa lên môi để nói cho người ta nghe trong các dự tính kinh doanh, trong khi vay tiền, cả đến học sinh hạng đội sổ cũng nhờ thứ sáp bùa này để qua buổi hạch miêng mong được Giám-khảo cho điểm to. Kẻ yêu người không được yêu lại, dù trai hay gái, dùng sáp thoa vào môi thì nói gì kẻ ghét mình cũng nghe theo tuốt. Trước khi hầu kiện, có người thoa sáp để lời nói của mình được quan trên chú ý và có cảm tình!

Đi làm ăn xa hay định khước trương một công nghiệp gì, người ta nhờ bùa đeo trong mình để được thâu nhiều lợi. Gia đạo không yên, sinh hoạt bần chật, người ta cho rằng có ma, quỉ ẩn trong nhà hoặc oan hồn yêu từ theo khuấy rối, phải nhờ bùa trấn áp.

Kẻ có tà tâm dùng bùa đoạt vợ người, hại người đau ốm, diên cuồng hay bỏ mạng, ém đối cho người bị ăn cướp đánh, bị cháy nhà, «thư» bùa vào thân người như da trâu, bần, ghế!

Có người dùng bùa để cứu người bị nạn, ví dụ: con gái bị bỏ bùa theo trai, đàn bà có chồng, đàn ông mê vợ bé. Có người dùng bùa để trục người thân đi xa lâu về, hay không biết tin tức. Có người dùng bùa để Thần nhập vào mình, đánh không biết đau, chém không đứt. Có người dùng bùa để luyện Thiên-linh cái, v. v..

Người giữ bùa đeo một tượng Phật bằng ngà voi, nha voi, răng voi hoặc nanh heo rừng độc chiếc. Ai không đeo thì để trong túi áo phía trên ngực, không được để trong túi quần. Ngoài ra có một sợi giây niệt gọi là «cà tha» bằng vàng, bạc hay đồng, chỉ tùy theo số tiền của người xin.

Trong thời kỳ khói lửa, người ta nhờ bùa để tránh súng đạn. Vị Sư nào cho bùa thường biểu diễn cho người ta xem tài mình như cầm trái lựu đạn cho nổ trên tay mà không bị thương, hoặc đưa ngực cho người khác bắn mình mà không trúng.

Người đeo bùa loại này vào thì không sợ súng đạn, dù cho bị bắn cũng cháy quần áo mà thôi. Gặp trường hợp địch bao vây hoặc rượt gần kẻ, người có bùa đọc kinh lâm thâm, rồi thì, hoặc:

- nín hơi chạy một mạch,
- ngồi vịn cái ghế,
- ngồi nắm một bụi cỏ,
- đứng vịn một thân cây

thì đối phương sẽ không thấy mình!

Người ta đồn rằng trong giới Sư Sãi Việt gốc Miên có vài vị luyện bùa ngải rất giỏi đã từng giúp người Việt rất nhiều dịp có kết quả tốt, nhất là có một số quân nhân đến xin bùa hộ thân.

Người xin bùa cúng dường vị Sư một số tiền để thỉnh tượng Phật đeo trong mình, mua nước hoa và công đức cho Sư. Điều cần thiết trong khi giữ bùa là phải tuyệt đối tin tưởng ở bùa và phải kiêng cử theo lời Sư dặn.

Kẻ nào dùng bùa làm quấy, tuy có hưởng lợi một thời gian ngắn, rồi cũng bị quả báo của Trời trừng phạt, đúng theo luật Nhân, Quả của Đức Thích-Ca.

( còn nữa )

## danh lam thắng cảnh bình-thuận

Khái lược đất Bình-Thuận của Chiêm-Thành mà di tích là các chiếc tháp cực Nam hiện hãy còn « trơ gan cùng tuế nguyệt » trên đỉnh núi đất Ngọc-Lâm, đánh dấu ngày tàn của dân tộc Chiêm thuở trước.

Năm Quý Dậu (1693) Nữ-Vương cuối cùng của người Chăm là Bà Tranh (Po-Thot) khởi hấn. Con gái Nguyễn là Nguyễn-Phúc-Châu phải viên Chương Cơ Nguyễn-Hữu-Chung đem binh đánh dẹp, bắt được các yếu nhân Chăm gồm Bà Tranh, Bà Ân, Tả-Thần-Viên và Kế-Bá-Từ. Từ đây bờ cõi Việt-Nam mở rộng đến Bình-Thuận giáp với nước Chân Lạp (hiện nay là Nam-Phân Việt-Nam). Địa phận tỉnh Bình-Thuận lúc bấy giờ nằm từ phía Nam sông Phan-Rang trở vào giáp tỉnh Biên-Hòa, đặt tên là Thuận-Phủ, sau đổi Thuận-Thành-Trần. Năm Đinh-Sửu (1697), năm chính thức được sáp nhập vào lãnh thổ Việt-Nam thì Thuận-Thành-Trần đổi ra Bình-Thuận-Phủ. Năm 1786 bị quân Tây-Sơn chiếm giữ và được Con gái Nguyễn là Nguyễn-Phúc-Ánh đánh lấy lại vào năm 1790. Trải qua các cuộc biến thiên của lịch sử, từ niên hiệu Gia-long thứ 7 (1809), Đồng-Khánh thứ 3 (1888) đến Thành-Thái thứ 12 (1900), tỉnh Bình-Thuận đã phải dời đổi nhiều lần.

Về triều Gia-long, thành Bình-Thuận lập tại làng Thanh-Tu gần Phan-Rí; năm 1837 dời về làng Đông-An; năm 1859 dời về làng Xuân-Yên; năm 1893 dời đến làng Hòa-An (phủ Hòa-Đa); năm 1898 dời về làng Phú Tài (quận Hàm-Thuận). Tại đây thành Bình-Thuận được xây cất bằng gạch tương đối kiên cố với chu vi 300 thước, nhưng đến năm khời lửa (1945) thì bị Việt Minh tàn phá theo chính sách tiêu thổ, để lại đồng tro tàn gạch vụn.

Cho đến nay, Tòa Hành-Chánh Bình-Thuận đặt tại Tòa Công-Sứ Pháp cũ phía tả ngạn sông Mường-Mán và tỉnh-lỵ nằm trong Xã Châu-Thành PhanThiệt. Địa danh PhanThiệt do gốc chữ « ManThít » của người Chăm đọc trại ra. Phan-Thiệt trước là một Thị xã do 1 Thị-Trưởng điều khiển, từ năm 1957 bãi bỏ Thị xã và PhanThiệt chỉ là một xã thuộc Quận Hàm-Thuận bây giờ.

Đứng về phương diện địa lý thì Bình-Thuận là một Tỉnh ở cực Nam Trung-Nguyên Trung-Phần nước Cộng-Hòa Việt-Nam, vào khoảng giữa Đông kinh tuyến 119 50 — 118 và Bắc vĩ tuyến 11,50, — 12,70. Đông giáp biển Nam-Hải, Tây giáp núi Trường-Sơn và các tỉnh Lâm-Đông Tuyên-Đức, Bắc giáp tỉnh Ninh-Thuận và Nam giáp tỉnh Bình-Tuy thuộc Nam-Phân. Là một tỉnh duyên hải có bề dài ngót 140 cây số trên diện tích 4.400 cây số vuông, Bình-Thuận về phía Bắc có dãy Trường-Sơn gồm những chi núi cuối cùng của Cao-Nguyên Lang-Biang làm giới hạn.

### DANH LAM THẮNG CẢNH

Với khung cảnh thích nghi sẵn có, rất nhiều danh lam thắng cảnh hiện vẫn còn tiềm tàng trên toàn lãnh thổ Bình-Thuận.

Kể từ Bắc vào Nam, qua các địa-phương thuộc Tỉnh, trước tiên người ta phải kể đến thắng cảnh tuyệt trần lồng trong một cảnh chùa dựng lên bằng 2 tầng đá to thiên tạo bên cạnh những mỏ đá sít bờ biển với nước trong xanh quanh năm nhấp nhô sóng vỗ rạt rào, đó là Chùa Hang « Cỏ Thạch-Tự ». Ở vào vị trí Ấp Bình-Thạnh, Xã Bình-Long,

quận Tuy-Phong, Chùa Hang Cỏ-Thạch-Tự được bao quanh bởi những bóng mát cây gỗ đề như chào đón khách thập phương nhất là các cụ lão phải chôn chân bước nhẹ lên từng cấp đá, đầu đầy tỏa ngát mùi thơm của Diệp-Tàu.

Đứng chân tạm nghỉ ở các xã Vinh-Hòa hay Long-Phước thuộc Quận, du khách sẽ được đồng bào địa phương hướng dẫn đến Hòn Lao-Cầu (Poulo-Cécir de Terre), một hải đảo cách xa đất liền không ngoài 10 cây số. Trên hải đảo cao, dưới toàn biển cả, có một Giếng Tiên do Vua Gia-long đào hồi tàu quốc (thế kỷ 18) ngày nay là « Vú sữa » của ngư dân toàn quận. Hòn Lao Cầu tiếm tàng bao nhiêu cảnh đẹp lạ lùng như kho vàng 7 đầu lâu của Vua Chiêm, Giếng Tiên cung cấp nước ngọt trong lành, nhiều hang sâu thăm thẳm làm tăng vẻ huyền bí thêm cho Đảo. Mặt khác, Hòn Lao-Cầu còn có nhiều vị trí thuận lợi để câu bắt các loại hải hà sản địa: biệt là Mực (có tiếng mực Tuy-Phong) và Bã Yến với vô số chim yến và hải sâm dùng làm nhiều vị thuốc quý.

Tại Xã Vinh-Hào ngoài Phanhiết chừng 100 cây số, cách đường thiết lộ 500 thước và quốc-lộ số 1 đúng 1.400 thước thuộc phạm vi địa-phương quận này còn có một vùng thắng cảnh quan trọng khác, với nguồn lợi thiên nhiên được nhiều người ngoại quốc và trong nước đặc biệt chú ý là « Suối Nước Nóng Vinh-Hào ».

Suối Vinh-Hào tục truyền là « Suối Tiên », vào thế kỷ 14, Vua Chăm là Chế Mân và Hoàng-Hậu người Việt là Huyền-Trần Công-Chúa (con Vua nhà Trần) thường đến ngự du và tắm nước suối ở đây. Nước suối Vinh-Hào là loại nước « Bicarbonate Sodique », nước ấm 37°, có tánh chất đầy đủ như nước suối Vichy hay nước La Vals bên Pháp, rất thích hợp cho những người đau gan, dạ dày và thận. Công-Ty khai thác (51% của chính phủ), có mở những phòng tắm và hồ tắm dành cho du khách. Hiện nơi đây đang ở trong thời kỳ canh tân và khuếch trương, có nhiều máy móc sắt trùng đóng nút vô chai rất tân kỳ. Nhưng vì chiến tranh, các máy móc được tháo dỡ và mọi hoạt động đều bị tạm ngưng.

Lần vào đến Quận Hòa-Đa, ở về phía Đông Xã Thượng-Vân (tức Dường), ta sẽ thấy cảnh đẹp của « Ghềnh Sơn ». Với những mô đá có hình thù đẹp mắt nằm sát bờ biển và đặc biệt ở giữa các mô đá lúc nào cũng có nước trong lành.

Nói đến « Ba Động », người ta sẽ liên tưởng ngay tới một vùng thuộc khu Lê-Hồng-Phong (Việt-Cộng). Tại đây có bầu rộng lớn gồm Bầu Ông Bầu Bà dính liền nhau bằng một eo nhỏ. Bề dài của hai bầu độ một cây số và bề ngang chừng 300 thước, nước trong veo, có sen nở quanh năm. Xung quanh bầu có động cát trắng phau cao ngất và ngay thẳng. Ban đêm dưới ánh trăng trong, ngắm xem thật là cảnh tiên.

Xã Thạch-Long cách Thị-trấn Múiné (quận Hải-Long) 3 cây số về phía Đông Bắc, có một cũ lao nhỏ gọi là « Hòn Lao ». Nơi đây có nhiều mỏ đá dựng, hình thù kỳ dị, quanh năm sóng vỗ chao hòa. Thường từ tháng 2 đến tháng 8, rất nhiều du khách đến đây ở lại vài ngày để « đổi gió » và câu cá sau những giờ mệt nhọc trên đất liền. Du khách tha hồ thưởng thức các món hải vị mà thiên nhiên dành sẵn như: hàu, cua, ốc, rau mực... và nhất là có nhiều loại cá đủ màu được các nhà khảo cứu về hải - dương - học rất chú ý. Phía trong « Hòn Lao », sát chân động cát có xóm dân chài sống yên vui no ấm bên cạnh những cụm phi lao nhô lên gềnh đá án ngữ phía ngoài, trông ra về thần tiên mà có người ví như « Côte d'Azur » bên Pháp.

Trên đường liên-tỉnh Múiné - Phanhiết, du khách không khỏi ngạc nhiên khi phải dành nhiều thì giờ dừng chân để thưởng ngoạn qua những bốn thắng cảnh danh lam, suốt lộ trình: Bãi Yến-Hương, Rừng Đừa « Rạng », Đá Ông Địa và Núi Đất Ngọc-Lâm có Lầu Ông Hoàng, nơi lưu niệm đau buồn muốn thốt của thi-sĩ Hàn-Mặc-Từ.

Bãi Yến-Hương thuộc xã Thiệu-Khánh là nơi nghỉ mát thích thú nhất. Về hướng Tây có núi đối cao ngất đối diện bãi biển đầy cát trắng phau, với mặt nước phẳng lặng như tờ rất thích hợp cho các du thuyền lướt gió,

Cạnh Bãi Yến-Hương là Rừng Dừa « Rạng », một rừng dừa xanh tươi nằm thành hình vòng cung chạy dài suốt 5 cây số, bao phủ bởi xóm dân chài sung túc, quanh năm cho trái ngọt đều đều. Dưới bóng mát ngập tràn từ bên trong những mô đá lúc nào cũng có nước trong lạnh nhiều giọt thấm vào cát biển, giữ mãi màu xanh tốt của rừng dừa và làm tăng phần mát dịu cho khí hậu nơi đây.

« Rạng » đã được rất nhiều du khách ca ngợi không tiếc lời là một thắng cảnh ở Đảo Hạ-Uy-Di. Các hãng phim « Thăng-Long Điện ảnh » đã chọn làm ngoại cảnh cho cuốn phim « Vụ án tình » và hãng « Tân - Việt Điện ảnh » cũng đã chọn cảnh này để quay phim « Cô gái Bạch đồng ».

Rời khỏi « Rạng », du khách đến Mũi-Đá với những mô đá nằm sát bờ biển mà thiên nhiên đã tạo thành những hình thù đẹp mắt. Đặc biệt có hòn đá giống hình Ông Địa nên mới có tên là Đá Ông Địa. Có thể nói suốt bờ biển Bình-Thuận, Đá Ông Địa là một trong những thắng cảnh nên thơ hơn cả, cảnh trí đã đẹp mắt mà cát biển lại trắng mịn, sát những mô đá mà không có đá lồi chồm. Từ bãi ra khơi không có chỗ « sụp » nên du khách đến tắm nơi đây dù bơi lội không thạo cũng không ngại bị tai nạn xảy ra. Nước biển trong xanh, sóng biển lướt rất êm hòa lẫn với tiếng vi vu của những cụm phi lao tạo thành những tiếng nhạc lạ. Các cặp nhân tình chớm nở thường mượn cơ ra đây thể non hẹn biển, sông chết bên nhau...

Tục truyền Đá Ông Địa rất linh ứng nên đồng bào địa phương cứ mỗi lần có dịp ghé ngang đều không quên thắp vài nén hương tưởng niệm. Người ta kể lại rằng đã có một số anh « Tài », xe Lam phi băng phá phách nên bị lật xe, gặp tai nạn. Hiện nay Đá Ông Địa đã được xây thành Tượng để thờ rất chu đáo.

Đến địa phận Phú-Hải, Xã An-Hải, du khách được hài lòng với những thắng cảnh rất ngoạn mục, với cây cỏ xanh tươi tựa hồ như một tấm thảm xanh bên kia bờ Địa-trung-hải, trông xa xa là những gò đồng ngồn

ngang chạy thẳng ra tận biển khơi, chập chờn vô số ghe thuyền vờ ra tấp nập. Ở đây, khí trời trong sạch, gió mát quanh năm. Đối với những người không chịu nổi khí hậu Đalat, Phú Hải là nơi dưỡng bệnh hữu hiệu nhất.

Núi đất Ngọc-Lâm, nơi có 5 ngọn đồi sát bờ biển, ngọn cao nhất là Núi Cỏ, Khách-sạn Ngọc-Lâm cùng nhiều tòa nhà nguy nga đồ sộ đã từng thu hút trong thời tiền chiến rất nhiều du khách ngoại quốc thuộc hàng quý tộc đến thưởng ngoạn trong dịp nghỉ hè.

Riêng Lầu Ông Hoàng một biệt thự tráng lệ ( Villa du Duc De Montpens'er) là của một người Pháp tên De Montpens'er xây cất vào khoảng 1920.21 trên một ngọn đồi nhia ra Thái-Bình-Dương để hưởng tuần trăng mật. Sau khi ông từ trần, Tòa Lầu này đã được chính-phủ Pháp bán lại cho Bảo-Đại. Đến năm 1947, tất cả các cơ sở này đều bị Việt Minh phá hủy. Hiện nay khách-sạn chỉ còn là những đồng gạch đổ nát điêu tàn và Lầu Ông Hoàng thuở trước thì được xây cất lên bằng những tháp canh kiên cố. Mặc dầu các kiến trúc thanh lịch này đã bị phá hoại, phong cảnh Phú-Hải vẫn còn giữ mãi vẻ đẹp thiên nhiên của nó, bên cạnh, vài cái tháp Chàm cổ kính càng làm cho cảnh vật nơi đây thêm ly kỳ huyền ảo.

Trở về đi vắng, tại cơ sở Lầu Ông Hoàng, nơi đây đã từng chôn chặt biết bao mảnh tình tan vỡ, bao nhiêu kỷ niệm êm đềm... trong số có thi sĩ Hàn-Mặc-Tử thường được nhắc nhở nhiều hơn cả.

Hàn-Mặc-Tử tên thật là Nguyễn-Trọng-Trí, sinh ngày 22-9-1912 tại Lệ - Mỹ, Tam - Tòa Đông - Hải. Năm 15 tuổi, thi - sĩ lấy biệt hiệu là Minh-Duyệt-Thị. Lần thứ nhất đổi biệt hiệu lấy bút danh là Phong-Trần; lần thứ hai đổi bút hiệu ký là Lệ-Thanh, một lần nữa và cũng là lần cuối cùng Nguyễn-Trọng-Trí đổi bút hiệu là Hàn-Mặc-Tử (ở chữ Hàn-Mặc-Tử còn có nghĩa là « chết trong sự cô quạnh và cùng khổ »).

Người ta nhớ lại có lần nhà thơ lỗi lạc này đã yêu một thiếu nữ tại Phan-thiết tên Mộng-Cầm, nhưng với mối tình thanh khiết ấy không giúp ích gì được cho thi-sĩ vì Mộng-Cầm đã lên xe hoa ngay sau khi biết rõ Hàn-

Mặc-Tử mắc chứng nan y. Với những câu sau đây, trong lúc sống âm thầm tại Lầu Ông Hoàng trước khi trở thành người thiên cò, Hàn-Mặc-Tử đã ghi lại đề hồi tưởng những phút êm đềm cạnh người yêu ở Phanthiết:

«Rồi ngày đại nhờ thất tinh chỉ hướng,  
Ta lang thang tìm tới chốn lầu trăng,  
Lầu Ông Hoàng, người thiên hạ đờ vang:  
Nơi đã khóc đã yêu thương tha thiết.  
Ôi! trời đi! là Phanthiết, Phanthiết:  
Mà tang thương còn lại mảnh sao rơi,  
Ta đến nơi: nàng ấy vắng lâu rồi:  
Nghĩa là chết từ muôn trăng thế kỷ.

Có dịp ra Trung, dù với bất cứ phương tiện di chuyển nào, khi vừa đặt chân đến ngưỡng cửa của Bình-Thuận-Phan Thiệt đề đi lần vào xứ nước-mắm cò truyền, du khách sẽ cảm thấy một cảm giác nhẹ xâm chiếm lòng mình. Thật thế, trong những danh lam thắng cảnh ở Bình-Thuận, từ trước đến nay, người ta đã phải nhìn nhận rằng Bãi biển Phanthiết quả là một trong những nơi tương đối đẹp nhất mà không một du khách trong nước hay ngoại quốc nào bỏ qua.

Bãi biển Phanthiết có một chiều dài hơn 6 cây số, là nơi nghỉ mát lý tưởng của du khách bốn phương. Đẹp nhất là khu vực Thương-Chánh (hay Bãi Thương-Chánh) nằm về phía tả ngạn sông Mương-Mán Trồi nước bao la, cảnh vật hữu tình, nhìn về phía Bắc là núi Phú-Hải, phía Nam cách chừng 30 cây số là mũi Kê-Gà. Khi ánh tà dương vừa gác núi, bóng chiều tha thướt trên muôn ngàn cánh thuyền buồm lướt gió phất phới ngoài khơi cũng như lúc trở về cửa biển, du khách sẽ được dịp ngắm một cảnh hoàng hôn xinh đẹp, mơ màng, chứa chan thi vị của biển cả trùng dương. Gió lành, nước trong xanh lại thêm hải vị tươi ngon, cùng với khung cảnh nên thơ ấy, du khách sẽ hài lòng trong những ngày nghỉ mát nơi đây.

Trong những cảm nghĩ khác, người ta nhớ lại rằng Bãi biển Phanthiết trước kia còn có hàng dương liễu uyển chuyển tựa mái tóc thề, với những tiện nghi xây cất giúp cho khách nhàn du nơi nghỉ mát rê tiển và giải trí lành mạnh. Ngày nay, trong khuôn khổ chương trình di dân lập Ấp, hàng trăm gốc gia đã mọc lên san sát tại dãy hàng dương không còn nữa, làm tăng vẻ sầm uất trong những ngày mùa của ngư dân đánh cá.

Bãi biển Phanthiết với những «lồng chảo» gây tai nạn «sụp» người khủng khiếp trước kia theo thời gian nay không còn nghe nhắc đến. Một đập đá dài 400 thước được đắp thẳng ra bờ trong năm 1962; nhiều quán cốc dựng lên đồng thời, làm nổi bật cho bãi biển vừa đẹp mắt lại vừa là nơi tắm biển, nghỉ mát lý tưởng của mọi giới đồng bào.

Hàng năm cứ vào những ngày đầu của mùa hè nắng gắt, Bãi biển Phanthiết lại bắt đầu tiếp nhận một số du khách đáng kể và cũng là dịp để các nam thanh nữ tú đua nhau khoe khoang màu sắc thời trang.

Từ bãi biển ngán nhìn về hướng Tây của tỉnh lỵ, du khách còn được ngắm kích thắng cảnh cuối cùng trên ngọn đồi cao sát biển cách trung-tâm Xã Châu-Thành 3 cây số đó là: Phi trường Phanthiết. Nơi đây trước kia là Trung-Tâm Huân-Luyện Thanh-Niên (E. S. E. P. I C.) nay là phi trường dành cho hầu hết các loại phi cơ lên xuống. Thật là một khung cảnh hùng tráng thuận lợi ở đồi cao với gió mát quanh năm.

#### DI TÍCH HÙNG VĨ

Trong những thắng cảnh nên thơ của tỉnh Bình-Thuận hiện còn lưu được nhiều di tích lịch sử hùng vĩ đáng kể như:

— Tháp Phú-Hải, nơi có 2 ngôi Tháp Châm cuối cùng và 1 nhà phụ có kính dựng trên một đồi núi sát biển tại xã An-Hải, quận Hải-Long, lấy tên là Đền Thánh-Mẫu.

— Vùng Yan-Yin, cách Tây-Bắc thị-trấn Sông-Mao quận Hải-Ninh 17 cây số. Đi sâu vào rừng thêm 6 cây số, du khách sẽ thấy ngay các di tích

lịch sử của người Chăm. Nơi đây có một bực đá tron tru, đồ sộ, ngấm xuống một thác nước thiên nhiên, có nhiều ao vũng lấm cá, có những tảng đá tạo hình bầu rượu, yên ngựa và nhiều hình thù kỳ lạ. Có những cây hoa phong lan thơm ngát dịu hiền Gắn đó một ngọn núi dựng vách đá hùng vĩ và ngoạn mục là nơi ngự tọa của Vị Thần Yan-Yin. Tục truyền vị Yan-Yin ấy đã đắp suối tại vùng này để làm phương tiện đánh cá và tiêu khiển. Nơi đây có lấm cá ngon vật lạ, phong cảnh rất nên thơ, lại có nhiều thú chim muông dễ săn bắn. Vùng Yan-Yin nhất định sẽ trở thành một vùng trù mật, phong phú mà du khách sẽ không bỏ lỡ cơ hội đến thưởng ngoạn, săn bắn, tắm suối, quay phim..

— Miếu Ngài Podam: Miếu Chăm ở Xã Ma-Lâm quận Thiện-Giáo.

— Tháp Chăm Ông Gú, Ông Găm, ở Ấp Phú.Điền và núi Ông Vinh-Hảo quận Tuy-Phong.

— Miếu Ngài Ponaugar: Miếu Chăm ở Xã Lạc-Trị quận Phan-lý

— Miếu Ngài Po-Klong-Ka-Vek và Po-Paak: Miếu Chăm ở xã Hậu-Quách, quận Phan-lý-Chàm.

— Miếu Ngài Po-Nion và Paa-K'lar: Miếu Chăm ở Xã Hựu-An, quận Phan-lý.

— Miếu Ngài Poklaung-Panal và Poklaung-Khul: Miếu Chăm ở dốc Bà-Trá và tại Động Ngọc-Sơn (Phan-lý).

— Tháp Chăm Po-Ong, ở Xã Nhơn-Thiện Hòa-Đa.

— Miếu Chiêm-Thành tại xã Xuân-Hội, tại nơi đây hồi thời Vua Gia-long và Nam Triều cũ, các quan Tỉnh và Huyện sở tại thường đến chiêm bái vào ngày đầu năm.

Tỉnh Bình-Thuận cũng vừa khám phá ra kho tàng Chiêm-Thành tại các làng Thượng và các báu vật đều được di chuyển về cất tại Kalon. một địa điểm cách xa Quận lỵ Phan-lý-Chàm 48 cây số về phía Bắc, và xa quốc lộ 1 (Châu Hanh) 40 cây số về phía Đông. Hiện nay cũng có một số báu vật của các Vua Chứa Chăm được cất giữ tại nhà Bà Chứa Nguyễn-thị-Thêm (Xã Tịnh-Mỹ, Phan-lý-Chàm).

Tại quận Hòa-Đa có Văn miếu ở xã Phan-rí.Thành, ấp Liêm-Bình (Liêm-Công). Nơi đây hàng năm vào ngày lễ kỷ niệm Đức Khổng-Tử thì quan Kiềm-Học và các Giáo-chức học sinh các Trường Bắc Bình-Thuận đến chiêm bái.

Với bao cảnh đẹp thiên nhiên hiếm có bên cạnh các di tích lịch sử hùng vĩ cũng những ngôi Tháp Chăm cổ kính bất di dịch, tất cả đều nói lên được sự mơ ước của con người muốn thuở khi muốn biết những gì của dân tộc Chiêm-Thành để lại trải qua trên 20 năm bị chiến tranh tàn phá. Những di sản này của dân tộc đang cần bảo vệ sẽ được sửa sang ngay sau khi đất nước trở lại cảnh thanh-bình thật sự. Được vậy sẽ có rất nhiều cảnh ngoạn mục hơn nữa, chắc chắn lời cuốn du khách thập phương, có thể góp phần không nhỏ trong công cuộc phát triển ngành du lịch nước nhà.

PHAN - DU

## giác mộng « kinh sư » dưới mái chùa « linh mục »

(xin đọc V. H. N. S. từ Số 3 & 4, Tháng 11 & 12, 1967)

Cồn Dã-viên ! Câu nói cuối cùng hàm chứa cả một đề-nghị cực kỳ táo-bạo, làm cho Thế-tôn cũng như số thượng-quan, quốc-thần, không có ác-cảm nhiều đối với Thiên-chúa-giáo phải giết mình, sùng-sốt. Đề-nghị này gọi lại trong ký-ức mọi người cảnh-tượng ghê rợn từng xảy ra tại cồn Dã-viên dưới thời Minh-vương. Về thời đó, bãi cồn mát-mẻ, chốn thừa-lương khá thơ mộng, này thường được chọn làm địa-diềm gia-hình khờ nhục cho bọn thần-dân chạy theo ngoại-đạo. Tại đây, si thứ ở Đò-thành thỉnh-thoảng lại được chứng-kiến cái cảnh một số giáo-sĩ hoặc giáo-dân thọ nhận một thứ cực hình dai-dẳng, trong một túp lều dựng lên giữa cồn. Cả bọn bị trói vào cọc, bị đánh đập tàn nhẫn và phải chịu đói, chịu khát, quần-quại, giẫy dụa ngày này qua ngày khác cho đến khi kiệt sức. Từng loạt oan hồn kẻ tiếp nhau, thắm lạng, nương gió sông, srong bến mà về cõi âm-ty (202). Cồn Dã-viên đối với dân chúng thời đó, là một vùng âm phong, lãnh-khí, đêm đêm xa vọng những tiếng gào rú, khóc than thê-thảm, chấp-chờn dưới ánh trăng sao những hồn ma, bóng quế, và khách hành-nhân thường phải tránh né việc qua lại nơi này vào buổi chính-ngọ hay lúc canh khuya thanh vắng. Nhưng rồi từ khi Phú-xuân được phục-hối cương-vị thượng-đô, Võ-vương chính-trang Đò-ấp, cảnh-sắc của cồn Dã-viên cũng được đường theo vận-hội mới mà thay đổi khác xưa. Không những bóng

dáng ác-tà, hơi hướng sâu lạnh của âm-phong, lãnh-khí bị tan biến vì những tiếng sùng của trường bản được Võ-vương cho thiết-lập gần phủ Dương-xuân (203), mà chính tại đây dân chúng, thay vì phải chứng kiến những cảnh gia-hình tàn-khốc như xưa, lại thường được vui xem những cuộc tranh-hùng giữa voi và cọp trong cái không-khí hội hè tưng bừng rộn rịp như đã nói trên.

Võ-vương vốn chẳng ưa gì ngoại-đạo, nhưng những tặng phẩm và các nguồn lợi do người Tây-dương mang lại, đã khiến cho chúa, vốn nặng óc lý tài, vụ lợi, phải cân nhắc thiệt hơn trong mọi quyết-định đối với bọn người này. Hơn nữa được nối nghiệp lớn giữa cảnh thanh-trị và trước cái bề-thể phong-quang, hoa lệ của Đò-thành vừa tạo dựng cũng như trong cái không-khí ưu-nhào, dật lạc, Võ-vương không muốn gây ra những gì có thể làm giảm vẻ mỹ-tú, thanh-lương của nơi Thủ-phủ.

Giữa lúc Thế-tôn đang dần-đo suy nghĩ, thì Lê bộ kiêm Lại bộ Chuyết-trai Nguyễn-đăng-Thạnh đã tâu :

— Theo chỗ hạ-thần chiêm nghiệm thì tất cả những gì vừa xảy ra chỉ là những hiện-tượng tự-nhiên của trời đất mà thôi không nên gán cho chúng những ý-nghĩa chẳng lành. Về việc đối phó ngoại-đạo, giữa lúc ân đức đang cần ban ra, tướng cũng nên tránh những biện-pháp quá ư tàn khốc đối với bách-tính, như lối gia-hình ở cồn Dã-viên thuở trước.

Ngoại-tả Trương-Phúc-Loan từng được số thượng-gia Tây-dương ve-vãn, thù-phụng, tán đồng ngay ý-kiến của Chuyết-trai. Và, từ đây, chuyện những diềm lạ không còn được Võ-vương quan-tâm đến nữa. Tin tưởng ở các kế-hoạch của mình trong chủ-đích cải đổi mạng trời, tin tưởng ở sự bền vững của đại-nghiệp, Võ-vương càng đắm mình trong thú cung dưỡng bằng thanh sắc, yến tiệc linh-đỉnh suốt tháng, quanh năm.

Tuy vậy, nhờ có sự phò tá tận tâm của nhiều trang lương-dũng, đáng kể trong số là Chuyết-trai Nguyễn-Đăng-Thạnh từng thi đậu hương-tiến, làm Tri-huyện Hương-trà, sung chức Thanh-cung thi-giảng, chức Đò-tri, làm Ký-lục Quảng-nam, sau được triệu về thăng Lê bộ kiêm Lại

bộ; Lưu thủ Long-hồ Tống-Phước-Hiệp, đồng-dối Luân-quận-công, nổi tiếng là người có huệ-chính được lòng dân cảm-mến; Nguyễn-cửu-Thông, học-văn uyên bác, từng được sung chức *Thị học*, dạy Thế-tử Chương; Nguyễn-quang-Tiến, học rộng, thơ hay, rất thông-thạo về mặt văn thư thà ứng lân bang; Trương-Phước-Du và Nguyễn-cư-Trình là những tướng giỏi, nên không những công việc nội trị ngoại-an vẫn được vững-vàng, chu-đáo, mà về mặt mở mang bờ cõi cũng thu đạt thêm nhiều thành-tích về-vang. Năm 1753, nhân vụ Nặc-Nguyên hà hiếp rợ Côn-man, thông sứ với chúa Trịnh đề mưu đánh lại chúa Nguyễn, tướng Nguyễn-cư-Trình được lệnh đưa quân sang đánh dẹp. Năm sau, Nặc-Nguyên bại trận, bỏ thành Nam-vang, chạy sang Hà-tiên, nhờ Mạc-thiên-Tứ tâu xin nộp dâng hai phủ Tầm-bôn, Lôi-lập đề chuộc tội và xin về nước. Nghe theo kế-hoạch « *tâm thực* » của tướng Nguyễn-cư-Trình, Võ-vương chịu nhận lấy hai phủ. Qua năm 1759, Tổng-trấn Trương-Hư-Phước-Du, nhân vụ Nặc-Hình giết nhạc-phụ là Nặc-Nhuận - chú của Nặc-Nguyên vừa thay thế Nặc-Nguyên mới chết - đưa quân sang đánh. Nặc-Hình bại trận rồi bỏ mình. Con là Nặc-Tôn, nhân được Võ-vương nghe theo lời tâu của Mạc-thiên-Tứ, lập làm vua Chân-lạp, xin dâng đất Tầm-phong-long để tỏ lòng tri-ân. Đinh Long-hồ liền được chúa đưa về xứ Tầm-bào, nơi đóng tỉnh-lỵ tỉnh Vĩnh-long hiện nay, và cho đặt thêm ba đạo là Đông-khâu-đạo ở Sadec, Tân-châu-đạo ở Tiền-giang và Châu-đốc-đạo ở Hậu-giang. Thêm vào đó, còn phải kể đến phần đất Chân-lạp gồm năm phủ: Hương-úc, Cẩn-bột, Trục-sâm, Sài-mạt, Linh-quỳnh mà Nặc-Tôn đã cắt để tạ ơn họ Mạc và Mạc-thiên-Tứ lại đem dâng cho Nguyễn-phủ, được chúa cho thuộc về trấn Hà-tiên cai-quản (204).

Nhưng rồi cái thế suy-vong vẫn không vì đó mà thiếu hẳn cơ-duyên phát-hiện, khi cái ưu-thế trong chốn triều-đường đã bắt đầu lọt dần vào tay một nhân-vật giao-hoạt, giàu tham-dục như Ngoại-tả họ Trương.

Thực vậy, lợi-dụng tình đăm mê tưu-sắc, yên-ca của Võ-vương ngày càng trầm trọng đến độ xao nhãng, bỏ bê công việc triều-chính, Ngoại-tả Trương-Phước-Loan tạo dần thế chuyên quyền, tác oai, tác phúc.

Ngoại-tả vốn là dòng-dối thế-phiệt, Tò bốn đời của ông là Gia-son, Trương-công-Điều - cũng có tên là Ca - , từng giữ chức *Điện-tiền Đô kiểm điểm Lương quân-công* tại triều nhà Lê, nhưng sau lại đưa cả gia-đình vào Nam theo chúa Nguyễn. Lúc mới vào, Điều giữ chức Trấn-thủ Quảng-bình, làm nhà ngay ở giữa lũy Trần-ninh (205). Vì có nhiều công-trạng, được chúa cho đổi chữ lót từ *Công* ra *Phúc*, bèn xưng là họ Trương-Phúc từ đây. Con Trương-Phúc-Điều là Trương-Phúc-Phấn, có võ-lực hơn người, dưới thời Hy-tôn từng làm *Cai-cơ* và *Trấn-thủ Bố-chính-dinh*, dưới thời Thần-tôn đã cùng con cả là Trương-Phúc-Hùng giữ vững lũy Trường-dục, khiến quân Trịnh phải khiếp-phục mà rút lui (206). Người con thứ của Phấn là Trương-Phúc-Cương sinh ra Trương-Phúc-Phan, thân-phụ của Loan. Phan cũng là một tướng lãnh tài-ba, từng lập được nhiều võ-công oanh-liệt, nhất là trong cuộc tiêu-trừ bọn hải-phỉ ở đảo Côn-lôn. Phan lại có con gái gả cho chúa *Túc-tôn* Nguyễn-Phước-Trứ. Trương-thị sinh ra Võ-vương Nguyễn-Phước-Khoát, do đó, Ngoại-tả Trương-Phước-Loan là cậu của Võ-vương (207).

Tuy thuộc dòng dõi thế-phiệt, cha ông đều là hàng công-thần trung-ngĩa, nhưng Loan lại là người tham-lam, tàn nhẫn, coi trọng sự-nghiệp riêng tây hơn đại-nghiệp của nhà chúa.

Theo sự nhận xét của một thương-gia người Tây-dương thuở đó, Loan là người: « *có tính hay khoe khoang, ưa lòng, phách lối, ít thể-thống và ít cao-thượng* » (208). Nhưng nếu Ngoại-tả họ Trương có ưa lòng là ưa lòng về cái trách-vụ nặng-nề của một hạng trọng-thần trung-ngĩa, tận-tụy, chứ về mặt củng-cố địa-vị, phát-triển thế-lực, tạo vây cánh để chuẩn-bị cái thế nắm dần quyền binh, lần át trong triều ngoài quận, vơ vét tài hóa quốc-gia, bóc lột máu mỡ bách-tính để bước lên tới đỉnh vinh-hoa, phú quý, thì Ngoại-tả lại tỏ ra rất tích-cực và có thủ-đoạn gian-hùng, biết lợi-dụng đúng mức những công-trạng lớn-lao của cha ông và lòng tín-nhiệm của cháu là Võ-vương Nguyễn-Phước-Khoát.

Dưới thời Võ-vương, sự chuyên quyền của họ Trương tuy còn dè-dặt, nhưng một con người giao-hoạt như Ngoại-tả, thì cái lợi-thế có



giới hạn trong hiện tại phải được khai-thác triệt-đề nhằm mở đường cho cơ-hội thao-tri quyền binh về sau.

Trong vương-phủ, Loan tìm đủ cách để khích-lệ Võ-vương về mặt hưởng lạc. Biết rõ cái bệnh hiếu-sắc của cháu, Ngoại-tả đã khéo gài cái bẫy « *dâm loạn* » để dễ bề lung-lạc. Thuở đó có công-nữ Ngọc-Cầu — con gái của Dân-quốc-công Nguyễn - Phước - Điền — là một trang quốc-sắc, thiên hương. Dân-quốc-công vốn là con của quốc-chúa Nguyễn-Phước-Châu em của Túc-tôn Nguyễn-Phước-Trú và là chú của Võ-vương. Ngọc-Cầu và Võ-vương chính là anh em đồng đường. Người em gái chú bác có cái nhan-sắc nào-nùng, diễm-lệ như một giáng-tiên này thường ra vào Vương-phủ và năng tìm cách gán gủi Võ-vương.

Một bên là trai đa-tình, lịch-sắc, một bên là gái ngọc, đã thanh-tâm, yêu kiều, duyên dáng, lại bay bướm, lãng-lơ và đang độ xuân tình phơi phới, hàng tối khao khát hơi dương, thì cái thể « lửa gần rơm » chẳng mấy chốc đã đốt nóng tấm yêu và thiêu rụi cả khuôn khổ của luân-thường đạo lý. Và tình ý trao đổi giữa đôi bên, qua hương trà, meo rượu, tiếng nói, giọng cười, hẳn khó mà thoát lọt được cặp mắt tinh đời của Ngoại-tả họ Trương. Nhưng ông cậu này đồng thời là một trong tứ-trụ của triều-đình họ Nguyễn vốn có cái trọng trách phải đóng vai « *tránh thân* » để ngăn chặn kịp thời những lỗi lầm nguy hại của người cầm đầu giềng mối, đã cò tình làm ngờ già điếc vì một chủ-ý thâm độc, bất lương.

Và chuyện đáng tiếc phải xảy ra đã xảy ra trong Vương-phủ. Ngọc-Cầu, sau nhiều phen lẩn lóc ái-ân vụng trộm với người anh đồng đường, đã mang thai và sinh được một công-tử. Loạn-luân! Cái tội đáng phải ném đá đối với chúng-dân, lại là một chuyện có thể coi thường ở chốn vương cung, trong vòng hoàng-thất. Ngọc-Cầu không những nghiêm-nhiệm trở thành một cung phi được sủng-ái vào bậc nhất trong các hàng tả, hữu hành-lang, mà cả đến anh em nàng cũng được Võ-vương trọng dụng, ban cho quyền cao, lộc hậu. Người anh cả của Ngọc-Cầu là Nguyễn-Phước-Viên được làm *Chưởng-thủy-cơ*, và em của Viên là Nguyễn-Phước-Nghiêm được giữ chức *Nội-hữu Chưởng-dinh quân bộ Lại* và bộ

Binh, lãnh *Tả-phủ Chưởng phủ sự* dinh Quảng-nam, tuy Viên là một người rất *tâm thường*, lười biếng chỉ thích rượu chè, còn Nghiêm thì càng *bê bối* hơn với cái phong thái xa hoa và bệnh hiếu sắc — hậu phụng thường có tới trên trăm người — quanh năm suốt tháng chỉ triền-miền trong cái thú la-đà say tỉnh với bạn rượu và gái đẹp, lơ là bỏ bê công-vụ, phó mặc cho bọn thuộc-hạ muốn làm trời làm đất gì đấy thì làm. (209)

Nhưng dù sao Võ vương cũng không khỏi có ít nhiều mặc - cảm tội lỗi về sự dâm loạn của mình, nên công-tử được đặt tên là Nguyễn-Phước-Thuần — chỉ được nuôi dưỡng khuất lấp ở chốn hậu-cung và không được lập làm kế-tử (210) như ý mong muốn của người đẹp được sủng-ái.

Và lại việc kế-vị hầu như đã được định-đoạt ngay sau khi Thế-tử Nguyễn - Phước - Chương — công-tử cả — bị thất-lộc vì bệnh nặng. Con trai của Thế-tử hãy còn thơ ấu. Võ-vương nhấm nháp thấy công-tử thứ hai là Nguyễn-Phước-Luân — tức là Hoàng - khảo của vua Gia-long sau này — thông-minh, diễm-ngộ lại có nhiều đức-tính tỏ ra xứng đáng để nối nghiệp lớn sau này, bèn mạng cho *Nội-hữu Cai cơ Trương-văn-Hạnh* — được phong làm Thái-phó — và *Thị-giảng Lê-Cao-Kỳ* lo việc dạy dỗ. Để công-tử sớm có kinh-nghiệm trị-quốc, Võ-vương thường cho tham dự các cuộc họp bàn quân-cơ, chính-sự của các vị đại-thần.

Thái-phó họ Trương vốn là một người khí-khái, cương-trực, phò tá chúa Nguyễn rất mực trung-thành. Trong nhà Thái-phó có nhiều môn-khách và trong số môn-khách này, có Giáo Hiến, một xử-sĩ phóng đạt, võ-giỏi văn hay từng được Thái-phó quý trọng và thường tỏ bày tâm-sự mỗi khi có những điều bất-ý, băn-khoăn về tình-hình triều-chính.

Vốn đã hiểu rõ nỗi ưu-phần của Thái-phó trước những tệ-trạng của triều-đường và tình-hình nội-trị không mấy tốt đẹp do sự lạm dụng quyền-hành của Ngoại-tả Trương-Phúc-Loan và tình ham vui chơi, đắm nữ-sắc của Võ-vương, nên khi được biết chúa giao-phó công việc dạy dỗ đệ-nhi công-tử cho Thái-phó, Giáo Hiến cho đó là một điều may-mắn :

— Tình-hình triều-chính hiện nay tuy có nhiều chuyện đáng buồn, nhưng việc nước nên hư sau này lại là do người kế-vị có xứng đáng hay không. Qua việc ủy-thác này, chúng ta cũng đã đoán biết được cái ý-chí của chúa-thượng và vấn-đề chọn người kế-vị. Như vậy, với trọng-trách dạy dỗ đệ-nhị công-tử, ít ra tướng-công cũng đã có một phương-thế may-mắn để có ngày gây lại được một nền thiện-chính.

Thái-phổ cũng tỏ vẻ lạc-quan :

Ta cũng mong như vậy. Đệ-nhị công-tử không những thông tuệ mà còn có khí-độ cùng nhiều đức-tính có thể đáp-ứng kỳ-vọng của ta. Cùng Lê-quần ta sẽ dốc lòng trong việc giáo-đạo để giúp công-tử trở thành một vị châu-chủ đứng-ngiht, anh-minh.

Nhưng chính trong lúc Thái-phổ họ Trương và Thị-giảng họ Lê tỏ ra hết lòng với nhiệm-vụ được ủy-thác, thì một khởi-nhiệm chẳng lành đã bắt đầu manh-nha trong tư-tưởng của Ngoại-tả Trương-Phúc-Loan vốn đã có nhiều cảm-tình đối với Ngọc-Cầu, một phụ-nhân thông-minh, khôn ngoan, sớm biết mua chuộc thiện-cảm của người mình có thể trông cậy nhằm thực hiện cái mộng lớn mà hạng phi-tần được sùng-ái thường hay ú-áp hơn nữa, dưới cái nhìn của Ngoại-tả, đệ-nhị công-tử Nguyễn-Phước-Luân với bảm-tính thông-tuệ và sự rèn cật-tận tâm của hai vị phụ-đạo thuộc hạng khôi-nho, trung nghĩa như vậy, sẽ là một chướng ngại lớn-lao cho ông trong sự dụng-tâm lung-lạc, tiếm quyền về sau. Trên con đường thăng tiến của hạng người giáo hoạt, mọi thứ chướng ngại cần phải san bằng, bất chấp luân thường, đạo nghĩa. Cho nên những lúc ra vào Vương-phủ, với những dự-phóng âm-thầm về tương-lai, cái nhìn đầy toan tính của Ngoại-cả lại thường hướng về đứn trẻ thơ ấu được nuôi dưỡng kín đáo trong chốn hậu-cung.

Tuy đó chỉ mới là cái tiềm-ý còn ần-tàng bên trong nhưng vẫn không thoát lọt được cái nhìn thấu suốt của hạng người có một nhãn-quan mẫn-ngộ.

Công-tử thứ tư của Quốc-chúa Nguyễn-Phước-Châu là Nguyễn-Phước-Tử — tức là *Thiếu-sư Luân-quốc-công Tôn-thất-Tứ* — từng được sung chức Cai-đội dưới thời *Hiền-tôn*, là người có khí-độ, học rộng, văn hay, rất sỏ-trưởng về thơ quốc-âm (211), đã tự ý xin rút lui về vui hưởng thú điền-viên, sau khi Võ-vương lên kế-vị ít lâu. Có người bạn tâm-giao, nhân một dịp cùng đàm-đạo về thời cuộc trên chiếu rượu, đã gạn hỏi :

— Người ta thường cho rằng nhân-huynh sỏ-dĩ xin rút lui khỏi chốn triều-đường, tìm nơi vắng-vẻ, là vì muốn tránh trước cái chuyện chẳng lành thế tất phải xảy ra do sự gièm siểm của bọn tiểu-nhân vì ghen ghét đức tài. Nhưng trộm nghĩ đã có cái vốn kinh-luân vững chắc như nhân-huynh, thì lẽ nào chỉ vì sự tị-hiểm mà quên nghĩ đến cái phần trách-nhiệm của mình đối với đại-nghiệp của cả dòng họ, để dành lòng chạy theo cái thú yên hà, tâng cức mà không chút băn-khoan vì trình-trạng pháp-lệnh, giềng mối có bề loi lòng hiện nay ?

Luân-quốc-công ngậm-ngùi bảo bạn :

— Khi lòng trời đã không tựa nữa thì dù hạng người có tài cốt vạc, nhờ nứi cũng đành khoanh tay hưởng nữa là một kẻ tầm thường như ngu-đệ này. Đâu có phải là chẳng nghĩ đến điều nhân-huynh vừa nói. Chuyện hiền-sách của Siêu-quần tiên-sinh là do ngu-đệ thỉnh-cầu, hối thúc. Nhưng một khi ở Vương-phủ bước ra, vừa gặp nhau, tiên-sinh đã tỏ bày nỗi thất-vọng và khuyên đệ nên hiểu rõ cơ Trời để sớm lánh mình ra khỏi vòng cương-tỏa. Theo Siêu-quần tiên-sinh cái thế suy-vong, khuynh-đảo tuy còn tiếm tàng nhưng đã súc tích như bát nước đầy. Việc trọng-dụng Ngoại-tả Trương-Phúc-Loan là thêm một cơ-duyên đưa tới cái thế tràn giạt vào một ngày không xa.

Điều tiên-tri của Siêu-quần tiên-sinh được *Luân-quốc-công Nguyễn-Phước-Tử* nhắc tới trong chiếu rượu là chuyện về sau. Trở lại với những điều lạ xảy ra trong cõi, thì sau cuộc hội họp triều-thần, Võ-vương tỏ ra càng vững tâm, yên trí để lại triều-miền, đắm đuối trong thú yến-âm, tấu-sắc giữa khung-cảnh hoa-lệ của *Trường-lạc-diện*.

Nhưng sau đó ít lâu, tại Đô-thành lại xảy ra một chuyện lạ, gây cả một luồng dư-luận chấn-động, xôn-xao trong triều, ngoài quận.

Một đạo-sĩ, chẳng biết từ đâu xuất-hiện, mặc áo thụng gai, chân mang giày cỏ, chống gậy trúc, dung-mạo phong-độ có vẻ tuấn-dật, oai vệ khác thường khiến dân chúng mỗi khi vừa thoáng trông thấy bóng đã đổ xô lại, vây quanh vòng trong, vòng ngoài để chiêm mộ và nghe lời khuyến-giáo. Chính những điều đạo-sĩ nói ra càng đánh động óc hiếu-kỳ và lòng cảm-phục của quần chúng nhiều hơn, vì toàn là những chuyện lạ-lùng, huyền-bí, dữ-dội mà chỉ có hạng người dám coi thường uy-quyền của Vương-phủ, dám xem nhẹ tù tội và tính-mệnh của mình mới có can-đảm lớn tiếng loan truyền ngay bên cửa Khuyết.

Theo lời đạo-sĩ thì chẳng còn bao lâu nữa, tai họa sẽ giáng xuống khắp nơi trong toàn cõi phương Nam. Nạn đói laa tràn, ôn-dịch thao-túng, binh hỏa dấy khởi, đại-nghiệp của họ Nguyễn sẽ sụp đổ trong cảnh rùng tranh hồ chọi, chính vì mưu toan cải đổi mạng Trời. Vì thiện ý muốn giúp lương-dân thoát khỏi thảm-họa, đạo-sĩ bắt chấp những nguy-hiểm xảy đến cho bản-thân mình, xa lìa lều tranh, quán cỏ, lặn lội khắp nơi, khuyến-cáo chúng dân phải sớm lo tu tâm, lánh dữ làm lành, nghiêm nhặt giữ mình trai giới, noi theo con đường chính-giáo mà đi.

Những lời huyền-truyền, đồn đãi về chuyện lạ này chẳng mấy chốc đã lọt qua vòng tường lũy thâm nghiêm của Vương-phủ. Vừa nghe qua, Võ-vương đã nổi cơn thịnh-nộ. Lại vì những lời sấm bóng xôn-xao của một số mỹ-nhân được nich-ái trong giới tử, hữu hành-lang, Võ-vương liền ra uy sấm sét, cho lệnh bắt đạo-sĩ, khép vào tội khi-quân, đưa ra pháp-trường, nhổ răng, cắt lưỡi, rồi chém đầu, bêu ngay giữa chợ để cảnh-giới chúng-dân hầu ngăn chặn việc bàn tán xôn-xao về những lời tiên-tri huyền-hoặc, cũng như về câu sấm-văn từng được truyền-tụng trước đây. (212)

Ngay sau ngày hành-quyết đạo-sĩ, vào buổi sớm tinh-sương, tại Thiên-mụ-tự, một vị lão-tăng — từ phương xa đến viếng thăm — trong lúc ngồi dùng thuyền-trà với Hòa-thượng trụ-trì, bắt giác như sự nhớ ra điều gì, nhìn ra phía trước chùa rồi chép miệng ngó lời :

— Khuya nay lóng nghe âm-thanh của Đại-hồng-chung có gì lạ lắm. Sức ngân-nga du-viễn có thể là khác hẳn ngày thường. Chuông này là của Quốc-chúa Nguyễn-Phước-Châu cho đúc phải chăng ?

— Đúng như vậy.

— Đáng tiếc ! đáng tiếc ! Âm-thanh của tiếng chuông đã báo hiệu cái vận-số chẳng may của đại-nghiệp rồi đó.

Một thư sinh nghèo, nương náu cửa chùa, nhân có mặt trong tiệc trà, nghe thế tỏ vẻ kinh-ngạc :

— Bạch thầy, có chuyện lạ-lùng như vậy hay sao ?

Vị lão-tăng mỉm cười :

— Có gì đâu mà phải ngạc-nhiên. Nhân kia tích lũy, quả nọ chín mùi, mầm ác đã cao dài thì dương-phúc tự-nhiên tiêu-tán. Nghiệp vương, nghiệp bá xưa nay vốn khó thể xây dựng trên cơ-sở thành, tín, nhân nghĩa, bác-ái, từ-bi, khó tránh được những thủ-đoạn, cơ mưu tồn-nhân, thất đức, hại tín, hại thành. Đại-nghiệp họ Nguyễn cũng vậy.

Chuyện thêm thuyền-trà vào chén, lão-tăng nói tiếp :

— Lấy chuyện nhỏ mà luận, Nguyễn-Hoàng xưa tuy được tiếng là *chính-trị khoan-hòa, rộng ban ân-huệ*, nhưng trong lối xử kỷ, tiếp vật vẫn không thoát được cái tệ loạn-đức, phi-nghĩa của bọn tiểu-nhân. Để tránh khỏi tình-trạng *« hồ bị cầm giữ xa rìng »*, Thiên-chúa đã mật-sứ bọn thủy-tướng Ngạn, Nga, Khuê nổi lên làm phản ở cửa bể Đại-an, đẩy bọn người này — vốn xứng hàng con cháu — vào đường lâm-lạc và vào chỗ chết, chỉ vì cái lợi riêng cho bản-thân mình mà chẳng chút xót-xa, hối-hận. (213) Quốc-chúa Nguyễn-Phước-Châu tuy được tiếng là sùng mộ giáo-lý Phật-đà, dày công trong việc che chở vườn Thiên-xương-minh Đạo-pháp, nhưng đến như chính-sách trưng-binh, chế-độ sưu-dịch thì quả

là một lời hà-chính của bọn người bá-đạo. Đó là chỉ đơn cử một vài thí-dụ điển-hình trong muôn vàn chuyện khác. Còn lấy việc đại-sự mà nói, thì cái thế phân-tranh vì quyền lợi giữa hai họ Trịnh Nguyễn đã gây ra bao cảnh khốn-đốn, điêu-linh cho đám lê-dân, đã khiến biết bao người vì nạn đói khổ liên-miễn, vì cảnh chết chóc như rơm rạ phải dạt-dầu nhau xa lìa nhà cửa, phần mộ, làng mạc, quê hương, đi cầu thực tha phương, chịu cảnh bơ-yợ, luân-lạc hoặc bỏ mình giữa vùng hoang-địa lạ-lùng (214).

Thư-sinh như muốn nói gì, nhưng lại ngồi im lặng lắng nghe :

— Nguyễn-Hoàng vào trấn Thuận-Quảng, chú-trọng chính-sách thân-nhân, chẳng qua là vì cái thế bất buộc lúc đầu. Nhưng khi cơ-đồ đã có bề vững chãi, kể từ Nhân-lực-hậu Nguyễn-Phước-Lan trở đi thì cái đại-nghiệp triển-khai ngày càng trở nên một thứ gánh nặng trên vai trăm họ. Nền đắp càng rộng, thành xây càng cao thì cái thế gián cách giữa hạng thống-trị với khối lê-dân bị-trị lại càng sâu rộng. Mỗi liên-hệ giữa rặng với lợi lẫn hồi trở thành mỗi tương-quan giữa chủ-nhân-ông với nô bộc, nô tì, giữa người trâu cày, ngựa cưỡi. Kho lắm khắp nơi trong cõi trần đây không còn là huyết mạch của nhân-dân để phá, giáo nhân-dân, mà là máu mỡ của bách-tính để xây đài hạnh-phúc, bảo-đảm đời sống vương-giả, xa hoa cho cá-nhân hoặc dòng họ.

Thư-sinh nhủ mảy, tỏ vẻ hoài-nghi và ngắt lời lão-tăng :

— Bạch Thầy ! Luận-định như vậy e có quá đáng chăng. Sự-quan, đời này qua đời khác, há đã chẳng ca-tụng về lời vũ-trị, thiện-chính cùng những ân-đức của các chúa đó sao ?

Lão-tăng đề nở một nụ cười hiền-hòa và nhìn thư-sinh với cái nhìn đầy thương hại :

— Nên tránh cái bệnh tận tín u thư. Sự-quan thường chỉ ghi nhận về mặt nổi, về cái lớp vàng thanh-bình, thịnh-trị tạo nên bởi cái thế được ưu-đãi của một tầng lớp nào đó mà thôi. Chứ dưới cái bề mặt vàng son, hoa gấm ấy, chất chứa biết bao là uất-hận, phần oán của đám thương-

sinh đông-đảo khốn-đốn, lầm than. Dưới thời Nhân-lực-hậu chẳng hạn, ngoài cái khổ sưu cao, thuế nặng, nhân-dân còn phải điêu-đứng vì cái họa bóc lột của một nàng Tống-thị cấu kết cùng bọn ác-bá, cường hào và cái bệnh hoang-phi, hiếu sát của Thượng-vương trong cơn say đắm. Qua thời Dũng-lễ-hậu, cái họa chinh-chiến dài ngày đã nhiều phen khiến lòng dân chán-nản, quân-sĩ nhụt chí, và cuộc bại trận năm Vĩnh-thọ thứ ba, bảy huyện ở Nghệ-an lọt vào tay Họ Trịnh là vì cái sĩ-thứ bắt mẫn hơn là vì các tướng bất hòa. Rồi đến thời Nghĩa-vương, nhất là thời Minh-vương thì hơi ỏi tình-trạng sa hằm, sây hang, lầm than, khốn-khở của bách-tính lại đạt tới cái mức độ « bắt khả thắng ngôn ». Dân nghèo thuộc đó « kiếm đủ cơm ăn không phải chuyện dễ. Lúa thóc làm ra phải đóng vào công-khố đến bảy tám phần. Hằng năm mỗi người dân phải nộp đến những hai quan tiền thuế thân cùng các thứ tre, gỗ, muối, gạo tùy theo thổ sản (215). Ngay đến hạng bần cùng, vô-sản, tay làm hàm nhai, khi đánh được cá, hái được củi cũng phải nộp cho bọn Cai, Trướng bọn chúng hoàn lại cho bao nhiêu thì được nhờ bấy nhiêu, (216) đầu dấm hé mỗi kêu ca, than thở. Vì đó là hạng già nua, ốm yếu. Đến như hạng cường tráng thì phải lìa bỏ vợ con, cha mẹ, già-biệt nhà cửa, xóm làng để xung vào quân ngũ, làm phu, làm thợ lúc thường, xông pha trận địa khi có chiến-tranh, phục-dịch như trâu ngựa cho đến lúc đầu bạc, răng long mới được hoàn-hương, coi như gần trọn đời chẳng được biết đến cái lạc-thứ sinh-hoạt nơi gia-viên, cố-quận là gì. Hà-chính của khốc đến độ, Đại-Sán Hán-ông một vị thượng-khách của Quốc-chúa đã vì xúc động mà có những vần thơ cực kỳ bi-thiết. . .

Nhắm một ngụm trà thơm, Lão-tăng ngâm lớn :

Dân làng toàn lão nhược,  
Trai tráng ra tòng quân.  
Nuôi trẻ đành nhờ vợ,  
Thờ vua phải hiến thân.  
Nhà hư sợ mưa dột,  
Cây héo mặc sương nhuần.  
Nổi khổ trong làng mạc,  
Ai tâu lên chín tầng ?!

Những thực-trạng như thế sử-quan đã có ghi chép. Và chính cái hà chính ấy còn làm hại lây đến chốn Thiên-quan. « Cha mẹ sợ con phải đi lính vừa lớn lên đã cho vào chùa làm sãi, hầu mong trốn tránh việc quan » (217). Dưới thời Minh-vương, cứ năm bề ngoài, Phật-giáo quả có vẻ sum-sê, thịnh đạt, nhưng đi sâu vào bề trong thì đó là thời-kỳ « Phật-pháp trở nên hỗn loạn, chẳng những tôn-phái không ai hỏi đến mà các việc Luật, Luận cũng đều xếp xó, bỏ qua » (218). Ác-nghiệp cứ thế mà gia-tăng, tích lũy và cái « xâu ác » do sự hưng-nghiệp tạo ra đã đầy, cán cân « công » và « tội » đã nghiêng lệch quá nhiều thì cái đảo - vận của đại - nghiệp cũng nương theo mà phát hiện. Lòng dân đã ly-gián thì lòng trời đâu còn tựa nữa. Quả sắp đến độ chín mùi...

Rồi nhân cùng thư-sinh ra trước sân chùa ngắm xem cảnh-trí, lão-tăng hướng nhìn xuống dòng sông rồi nhìn về phía Đò-thành, trầm ngâm lặng-lẽ giây lâu, quay lại đưa tay bề một cành trúc, tiến tới phía trước vách chùa phía đông, vận dụng cành trúc như vận-dụng một cán bút lớn, hoa tay theo cái thế phượng múa, rồng bay, viết vào khoảng không ở gần mặt vách hai dòng chữ vô-bình.

Viết xong, nhân thấy vẻ ngạc-nhiên của thư-sinh, lão-tăng ném cành trúc ngỏ lời với giọng trầm buồn :

— Long-mạch ở Hà-khê đứt nhưng chưa tuyệt. Chín năm trời một khoảnh-khắc, mọi sự rồi sẽ tỏ tường.

Đứt lời, quay vào chùa cáo biệt, cùng một chú tiểu quây bầu, gánh níp ung-dung lên đường. Thư-sinh đứng lặng nhìn theo, và, chỉ trong thoáng chốc, đã thấy bóng lão tăng cùng chú tiểu biến tan mất hút giữa khoảng khói cuốn, mây vần.

Trương truyền chuyện này xảy ra vào tiết cuối xuân năm Cảnh-hưng thứ hai-mươi-sáu, tức năm Ất-dậu (1765).

Ấu-chúa Nguyễn-Phước-Thuần và quyền-thần Trương-Phúc-Loan

Cũng chính vào năm này, Võ-vương băng-hà, sau hai-mươi bảy năm ở ngôi chân-chủ. Có thể vào lúc quay đầu về núi, Thế-tôn Hiếu-võ Hoàng-đế vẫn còn mang theo niềm tin ở sự thành-công trong cơ-mưu cải đổi mạng Trời.

Và cả hai vị phụ-đạo trung-chính, Thái-phó, Ý đức-hầu Trương-văn-Hạnh cùng Thị-giảng Lê-Cao Kỳ, khi cung kính phủ-phục trước từ-cung của Thế-tôn sau lễ đại-liệm, cũng yên trí và định-ninh rằng đệ-nhi công-tử Nguyễn-Phước-Luân phải được kế-thừa đại-nghiệp. Riêng Thái-phó càng vững tin một kỳ-nguyên sáng-sủa, thịnh-trị sắp được mở màn với một nền thiện-chính.

Cả hai bậc trung-thần đâu có nghĩ tới những gì đang xảy ra trong đầu óc của Ngoại-tả họ Trương và đang ngầm ngầm xảy ra tại biệt-thự của Ngoại-tả và cũng không thể ngờ rằng cái cơ suy-vong, đồ nát đã nảy sinh và âm-thầm khai-triển từ lâu ở chốn hậu-cung.

Vì ngay sau khi Thế-tôn vừa nhắm mắt, buông tay, Ngoại-tả Trương-Phúc-Loan đã cùng Thái-giám Chử-Đức và Chương-dinh Nguyễn-cửu-Thống một bàn chuyện giành ngôi cho công-tử thứ mười-sáu tức Nguyễn-Phước-Thuần (cũng có tên là Nguyễn-Phước-Hân) — cái mộng từng được Ngọc-Cầu ú-ấp từ lâu — (219). Đúng ra thì chẳng phải là để thỏa-mãn sở nguyện của một người từng tin cậy mình và từng lợi-dụng cái thế được sủng-ái để giúp mình trong việc củng-cố địa-vị mà Ngoại-tả sốt-sắng nhúng tay vào tội ác, nhưng chính là vì cái tham-vọng chuyên-quyền. Một đứa trẻ cho mới mười hai tuổi đầu — chúa Nguyễn-Phước-Thuần sinh năm Giáp-Tuất hay năm Cảnh-hưng thứ mười lăm (1754) — được đặt vào ngôi chân-chủ quả là một thượng-sách để nắm trọn quyền-hành vào tay.

Chương-dinh họ Nguyễn, vì tính thận-trọng, đã bàn cùng Ngoại-tả :

— Chuyện này rất dễ vì triều-thần khó phân được thực hư về tờ di-chiếu sắp được Ngoại-tả cho tuyên đọc, chỉ duy có hai vị phụ-đạo vốn đã biết rõ ý-chỉ của Tiên-vương, liệu có phản-ứng gì chăng ?

Ngoại-tả họ Trương, sắc diện đàng-đàng sát-khí, nhìn Chương-dinh Nguyễn-cửu-Thống bằng cặp mắt long-lanh, sáng quắc :

— Ta nghĩ đến chuyện đó. Dù bọn ấy có phản-ứng hay không cũng phải cho chúng nối gót Tiên - vương để khỏi lộ bí-mật về sau.

— Thái-Giám Chữ-Đức vừa nghe xong, tỏ vẻ tán-đồng và góp ý :  
Thế tất là phải như vậy. Xét ra, Thị-giáng họ Lê ta muốn trừ khử  
lúc nào cũng được, nhưng trái lại, Ý-đức-hầu thì không phải là dễ. Hầu  
đã là hạng người có dũng-lực, lại có nhiều môn-khách, đông-sĩ túc trực  
thường xuyên trong nhà, nên tôi xin hiến kế này..

Nghe Thái-giám Chữ-Đức trình bày xong, Ngoại-tả họ Trương gạt  
gù khen là diệu-kế và ngay chiều hôm ấy, vào lúc sẩm tối, Ngoại-tả cho  
mời Ý-Đức-hầu Trương-văn-Hạnh vào Vương-phủ bàn việc cơ-mật. Được  
vào vào triều bàn việc như vậy là chuyện rất thường nên Ý-đức-hầu  
không chút nghi-ngờ. Nhân có Giáo Hiến cùng ngồi đàm-đạo, hầu bảo riêng :

— Chắc là về việc chuẩn-bị lễ Đãng-quang cho đệ-nhi công-tử.

Hiếu cũng nghĩ như vậy. Nhưng lúc Ý-đức-hầu đã lên kiệu, tự dưng  
Giáo Hiến bỗng cảm thấy áy náy không yên như vừa được linh-cảm một  
chuyện chẳng lành. Tuy không nghĩ đến một tai họa có thể xảy ra, Giáo  
Hiến vẫn nghe hồi-hộp trong lòng, không thể ngồi yên, bèn dời khỏi dinh  
Thái-phó, dạo chơi trên con đường chính của Đô-thành để nghe ngóng  
tình-hình.

Nơi họp là Di-nhiên đường. Thái phó đến nơi đã thấy bên trong đèn  
đuốc sáng trưng, Ngoại-tả ngồi sau án giữa, hai bên có tới trên trăm đông-  
sĩ đứng hầu. Số đông-sĩ hộ-vệ đông-đảo khác thường đã khiến Ý-đức-hầu  
ngạc-nhiên. Thi lễ xong vừa được mời ngồi, Ý-đức-hầu đã nghe Ngoại-tả  
cười lớn :

— Hình như khi Tiên-vương sắp sửa băng-hà, ngài đã có ý định  
nói gương người xưa, xin chết thay bằng cách nạp sách vào hòm kim-  
đăng phải chăng ?

Nghe câu hỏi lạ lùng và bất ngờ như vậy, Ý-đức-hầu càng thêm  
sửng-sốt, nhưng chưa kịp nói gì thì Ngoại-tả Trương-Phúc-Loan đã vớ  
lấy cây đèn nhỏ trên án, ném mạnh xuống đất, quát lớn một tiếng. Tức  
thì, một số đông-sĩ trong đám bắt thần nhảy số lại, ghì chặt người hầu  
đứng thường trời kỹ, rồi lôi ra khỏi điện, hạ sát ngay trong chỗ lát. (220)

( còn nữa )

202 Dựa theo « Le Quartier des Arènes » (Souvenirs des Nguyễn)  
par L. Cadère B. A. V. H. 1925, page 129.

203 Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine. Revue de l'Extrême  
Orient. Vol. III. P. 422.

204 Việt-nam sử-lược Lê-thần Trần-trọng-Kim (Mở đất Việt-nam  
và sự giao-thiệp với Chân-lạp). Tr. 332, 333.

205 Đ. N. N. T. C. Tỉnh Thanh-hóa (tập hạ), mục Nhân-vật : Trương-  
Phúc-Phấn. Tr. 129. Đ. N. N. T. C. — Thừa-thiên-phủ (tập trung), mục  
Nhân-vật bản-triều : Trương-Phúc-Phấn Tr. 35. — Những bước đầu của anh  
em Tây-sơn của Gs Nguyễn-Phương (Triều Chúa thời nát) Tạp-chí Đại-học  
số 26, tháng 4, 1962. Tr. 321.

206 Đ. N. N. T. C. — Thừa-thiên-phủ (tập trung) mục Nhân-vật bản-triều :  
Trương-Phúc-Phấn. Tr. 35.

207 Những bước đầu của anh em Tây-sơn của Gs Nguyễn-Phương.  
Tạp-chí Đại-học số 26. Tr. 322.

208 Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine. Voyage du vaisseau de  
la Compagnie le « Marchault » à la Cochinchine en 1749 et 1750. Journal  
d'un voyage à la Cochinchine depuis le 29 Aout 1749. jour de notre arrivée  
jusqu'au 11 Février 1750 — Revue de l'Extrême Orient, vol. III (Trích-  
dẫn trong « Những bước đầu của anh em Tây-sơn » của Gs Nguyễn-Phương.

209 Vũ-biên tạp-lục của Lê-Quý Đôn (trích dẫn trong Việt-sử : xứ Đàng  
Trong (Duệ-tôn Nguyễn-Phước-Thuần).

210 — nt — — nt —

211 Đ. N. N. T. C. — Thừa-thiên-phủ (tập trung), mục Nhân vật tôn-thất  
bản-triều : Tôn-thất-Tứ, tr. 18, 19.

212 Dựa theo « Võ-vương et la prophétie d'un ermite » par L. Cadière  
B. A. V. H. 1915.

213 Xem chú-thích số 39.

214 Việt-nam sử-lược Lê-thần Trần-trọng-Kim (Mở đất Việt-nam và sự giao-thiếp với Chân-lạp) Tr. 329.

215 Hải-ngoại kỹ-sự của Thích-Đại-Sán, Tr. 113.

216 — nt — — nt —

217 Hải-ngoại kỹ-sự của Thích-Đại-Sán, trang 261 có chép: «... Vì việc bắt sung quân, dân còn lại đều ốm yếu tàn tật, ít có người tráng-khien. Cha mẹ sợ con bị bắt lính, con lớn tuổi liền cho đi ở chùa làm sai may ra được khỏi. Vì có ấy tăng đồ rất đông, nhưng Phật-pháp cũng do đó sinh ra hỗn-loạn ».

218 — nt — — nt —

219 Việt-sử: xứ Đàng Trong của Gs Phan-Khoang (Duệ-tôn Nguyễn-Phước-Thuần, 1765-1776).

220 Vũ-biên tập lục của Lê-Quy-Đôn (trích dẫn trong « Việt-sử: xứ Đàng Trong »: Duệ-tôn Nguyễn-Phước-Thuần.

TRẦN - CỬU - CHẤN

Tiến - sĩ văn - chương

Đại-Học-Đường Paris

cung oán ngâm khúc  
bình chú

( xin đọc V. H. T. S. 55 2 - 3, 1969 )

- 241 Tay Nguyệt lão chẳng xe thì chớ,  
242 Xe thế này có dờ dang không ?  
243 Dang tay muốn dứt tơ hồng,  
244 Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra.

Bình chú

- 241 Nguyệt lão : (Xem chú thích chữ này trong câu thơ số 133)  
241 Xe. Xe là rút tơ rồi cuốn vện lại làm thành sợi.  
241 Có bản chép :

Tay nguyệt lão xe tơ chẳng chớ chữ chẳng chớ là không ngay suông, không thẳng rằng, nghĩa không hay bằng chẳng xe thì chớ là không có xe thì thôi, mà có xe thì sợi cho bền chắc.

241 Trong hai câu thơ số 240-241 chữ chưa ở cuối câu bát (240) phải hòa vện với chữ xe trong câu thất nhất (241) nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như cuống vện.

242 Dờ dang :

(Xem chú thích chữ này trong câu thơ số 7)

242 Hai câu thơ số 241-242 ý nói cung phi lên tiếng trách Nguyệt-lão sao xe tơ hồng rất sơ sai làm cho dây phải đứt rã mà gây ra số phận long đong nằng chịu xót xa bây giờ, như trong truyện Kiều cũng có câu thơ số 2599-2600 nói :

Ong tơ thực nhé đã đoan

Xe tơ sao khéo vơ quàng vơ xiên

242 Trong hai câu thơ số 241-242 chữ xe lặp lại hai lần đem thêm một thú vị riêng cho lời trách của nàng cung phi đây bao nhiêu mỉa mai.

243 *Đang tay*

Đang là nữ, đành lòng

Đang tay là cố ý làm một việc gì cũng như nói ra tay làm, quyết định.

Truyện Kiều có câu thơ số 1135-1136 nói:

*Hung hăng chẳng hỏi chẳng trả*

*Đang tay vùi liễu gập hoa toi bời*

243 *Tơ hồng*

(Xem chú thích chữ xích thừng trong câu thơ số 46)

244 *Bực mình*

Bực là tức

Bực mình là khó chịu và cảm giận vì gặp trở ngại.

244 *Đạp*

Đạp là lấy chân đá vào một vật gì cho nó ngã xuống.

244 *Tiêu phòng*

(Xem chú thích chữ này trong câu thơ số 3)

244 Hai câu thơ số 243-244 ý nói nàng cung phi vì sợ phận bị đở dang nên toan dứt duyên nợ trăm năm và cấm hờn nổi giận định phá khuê-phòng mà thoát khỏi vòng nô lệ chữ tình.

224 Từ câu thơ số 193 đến 244 tức là 52 câu, nàng cung phi oán đời tử phận vì sau một cuộc mây mưa nào nùng bị vua ghét bỏ rơi, vậy có lời phàn nàn, có rồi hờn oán, trách vua ăn ở như cá no mỗi, như bướm thờ ơ, trong vườn đầy hoa muốn hồng nghìn tỉa, nước mùi thơm mà chỉ hái một hai bông, trách luôn Nguyễn-lão không biết chọn lựa đôi lứa cho kỹ càng để rẽ rời dây thắm mong manh, để suốt đời chịu làm một đàn bà góa mà chồng vẫn sống.

Trách vua trách trời rồi cũng trách mình mang cái thân cầu chỗ quạnh hiu như cái hang sâu không được một ánh sáng soi vào, một mình trong khuê-phòng đứng ngó không yên, thức ngủ hồi hộp ngày tin vắng, đêm lạnh đèn lờ, khổ thay cái kiếp tở nữ lấy tài hoa mà mua sầu, một bầu độc hiểm giết không guơn, chỉ còn có một đường thoát khỏi là phải xé nát mối duyên nợ mà thâu hồi tự do lúc xuân thời.

V II

Xưa và nay

245 Vào lối dạo vườn hoa năm ngoái,

246 Đoá hồng đào hái buổi còn xanh.

247 Trên gác phượng dưới lầu oanh,

248 Gối du tiên hây rành rành song song.

Bình chú

245 *Vườn hoa*: Vườn do chữa viên, là chỗ lập ra để trồng cây cối bông hoa.

*Vườn hoa ở đây nhắc lại vườn Tây-Uyển (169), mà nàng cung phi đi dạo cùng vua trong đêm thanh tịnh ngày xưa lúc còn sung thời.*

245 *Năm ngoái*. *Năm ngoái* tức là thời gian mà cung phi bị hất hủi trở thành cô đơn nhưng cái thời gian một năm này có thể kéo dài thêm gần mười năm nếu tính theo con số *cái én ba nghìn*, trong sự tin tưởng lòng vua sẽ thay đổi, rồi sẽ trở lại tình cũ nghĩa xưa, nhưng ở đời đó ai thấu lòng người được, như có câu ca dao nội rõ:

*Dò sông dò biển thì dò,*

*Dò gì được bụng thế gian mà dò.*

246 *Đoá*. (Xem chú thích chữ này trong câu thơ số 10)

246 *Hồng đào*

*Hồng* là màu đỏ

*Đào* là hoa đào (xem thêm chú thích chữ *đào* trong câu thơ số 4).

*Hồng đào* là cây đào trở hoa đỏ, nghĩa bóng để tỏ người con gái đẹp

246 *Xanh*. *Xanh* do chữ *thanh*; ở đây không có nghĩa màu xanh biếc, vì hoa đào không có sắc xanh riêng cho lá cây mà thôi, chỉ nói còn non nớt, còn thơ tươi, theo nghĩa câu-văn.



246 Hai câu thơ số 245-246 ý nói cung phi nhớ đến ngày xưa khi mới được chọn vào cung cấm, hằng ngày đi dạo vườn hoa ngắm cảnh, tay môn trốn cành đào hái hoa sắc hồng bay hương bát ngát trong khi lòng xuân hớn hở của một tần cung nữ còn đầy phước lạc.

246 Trong hai câu thơ số 245 246 chữ *ngoài* ở cuối câu thứ nhất (245) phải hòa vận với chữ *bưởi* trong câu thứ nhì (246), nhưng hai chữ này không được đồng âm cho mấy, vậy có thể coi như là chuyết vận.

#### 247 Góc phượng

Hai chữ này do chữ *phượng* các

*Gác* do chữ *các* là từng lầu

*Phượng* (phụng) là một linh điều (xem thêm chú thích chữ này trong câu thơ số 221)

Ở đây *gác phượng* chỉ có nghĩa bóng dùng chữ *phượng* để trò nhà vua

247 Trong bài « Tần cung nữ oán Bái công » có câu : « Góc phượng tiếng reo tợ sấm »

#### 247 Lầu oanh

Hai chữ này do chữ *oanh lầu*

*Lầu* do chữ *lầu* là tầng nhà cao

*Oanh* tức hoàng oanh là một thứ chim mình nhỏ, lông vàng rất đẹp, tiếng thanh, hót rất hay nhằm ngày xuân, tiếng Pháp gọi là loriot.

Không nên lộn với chim *anh* cũng gọi là chim vẹt (két) tiếng Pháp gọi là perroquet, thường học nói tiếng người rất tinh.

Ở đây *lầu oanh* chỉ có nghĩa bóng dùng chữ *oanh* để trò nàng cung phi.

#### 247 Góc phượng .. lầu oanh

Bốn chữ này dùng theo cách nói bóng bẩy, tiếng Pháp gọi là métaphore (phép ẩn dụ) để tả nhà cửa sang trọng của bậc vua chúa hoặc hạng quý phái.

Cũng dùng nói chỗ vợ chồng, hoặc đôi tình nhân chung chẵn chạ gối cùng nhau.

Cũng có thể coi như biệt-tự của *lầu gác nhà cửa* trong cung cấm như

gác Lâm-Xuân (170)

gác Trưa-Lương (214)

đình Trầm-Hương (148)

lầu Đái-Nguyệt (213)

247 Câu thơ số 247 chia ra làm hai vế đối nhau từng chữ rất xứng :

trên = dưới

gác = lầu

phượng = oanh

#### 248 Gối du tiên

Gối có chú-thích trong câu thơ trước số 224

Du là đi chơi.

Tiên là thần tiên trên trời.

*Gối du tiên* mượn nghĩa trong sách « Khai thiên di sự » có chép : Trong lúc niên hiệu Khai Thiên đời nhà Đường có nước Qui. Tư dâng cho vua Minh-Hoàng một cái gối đỏ như mã não mà trong như ngọc ; khi nằm ngủ trên gối ấy thì thấy chín châu, tám đảo, bốn biển, năm hồ, toàn là cảnh đẹp của thần tiên, vì thế Vua đặt tên là *du tiên chẩm*.

Truyện « Hoa Tiên » có câu thơ số 597-598 nói :

Buồng màn nhẹ bước vào trong

*Gối tiên* trần trọc luống dong canh dài

#### 248 Rành rành. Rành là rõ rệt, minh bạch

*Rành rành* là tiếng đối để nói rành rành không chối cãi được.

Truyện Kiều có câu thơ số 1997-1998 nói :

*Rành rành* kẻ tóc chân tơ

Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường

#### 248 Song song

(Xem chú thích chữ này trong câu thơ số 154)

248 Hai câu thơ số 247-248 ý nói cung phi còn nhớ ngày vui vầy, lên xuống những nơi lầu gác trong cung cấm để xum hiệp cùng vua trong cuộc chung chẵn chạ gối như còn hiện ra trước mặt vậy.

( Còn nữa )

## ánh hào - quang

Ngày xưa, ở làng Cờ-Ra thuộc huyện Nam-Chân, tỉnh Nam-Định, có ông phú-hộ tên là Nguyễn-bình-Cả, người to béo mập mạp, dài tai dài và dài, đầu hói râu dài, ai trông thấy ông cũng biết ngay ông là người hiền-lành phúc-hậu.

Ông có cửa. Ông mua chức Bá-hộ trong làng nên người ta gọi ông là ông Bá Cả.

Gia-sản của ông là do công-lao mồ-hôi nước mắt mà tạo thành. Những người tá-điền làm công cho ông ai nấy đều một lòng một dạ, làm ăn vun quén cho chủ, cố tránh những sự mất mát hư hao, khi có việc làm nhiều, khi không việc ngồi ngồi.

Trong số tá-điền ấy có hai người là Phạm-văn-Khanh và Nguyễn-văn-Cọi ở thường trực trong nhà ông, Anh Khanh cần cù chăm-chỉ, còn anh Cọi chăm-lười biếng-nhác.

Một hôm về ngày mùa, khi gà mới gáy, anh Khanh vội-vàng đánh thức anh Cọi dậy đề sửa soạn ra đồng. Anh Cọi còn ngái ngủ, liền cãi lại :

- Làm gì mà lung lay tao và gọi om sòm lên như vậy !
- Gà gáy rồi, dậy sửa soạn ra đồng rồi chứ !
- Mỏi gà gáy đã dậy làm gì. Khi nào xóc bàn tay trông rõ thì tao hằng dậy.

- Mày không biết hôm nay là ngày mùa ư ? Về tháng ba ngày tám, công việc ít ỏi, chúng mình muốn ngủ đến bao giờ thì ngủ, chứ ông Bá ông ấy có nói gì đâu ! Còn nay là ngày mùa kia mà !

- Ngày mùa cũng mặc kệ, chúng mình có chịu khó làm lụng nhiều thì chi béo ông Bá, chứ chúng mình có ăn thua gì !

- Mày nói thế mà nghe được à ! Chúng ta làm công cho ông Bá, tao nhận thầy tiền lương chúng mình lĩnh cũng xứng đáng với công việc của chúng mình làm rồi. Khi có làm được việc gì đặc biệt, ông Bá đều thưởng thêm cho kia mà. Ví như về mỗi vụ mùa, như gặt hái xong, ông đều thưởng cho chúng mình mỗi đứa mấy gánh lúa. Còn như ông được giàu có là nhờ đức tính cần mẫn và tiết kiệm của ông. Vậy chúng ta chỉ nên theo gương ông Bá, làm ăn chăm-chỉ, chứ không nên xuy-bì tự nạnh với chủ. Ta chỉ nếu cầu mong chủ làm ăn phát đạt thì mình cũng sẽ khá, còn nếu chủ thất bại thì đương nhiên mình cũng sẽ khổ theo. Thời muộn rồi dậy rồi !

Anh Cọi nghe một hồi, xuy xét kỹ càng và anh cũng là người biết phục thiện nên từ đấy trở đi, anh cũng làm lụng chăm-chỉ như anh Khanh.

Thấm thoát, chàng cu Lạn, con ông Bá, đã lớn. Vợ chồng ông muốn tìm vợ cho con đề có thêm người trông nom hộ việc trong gia đình.

Ông Bá Cả thấy ông Tri phủ Tào-đức-Thọ, người làng Hòa-chàng là làng bên, có cô con gái xinh xắn, ngoan ngoãn, ông tìm người mạnh mẽ đề hỏi cô gái ấy cho con trai ông.

Ông Bá làm việc này, người ta cho rằng ông chơi trò. Một bên là nhà quyền-quý, còn một bên chỉ là nhà thường dân nên ai cũng tưởng rằng việc hôn-nhân này khó thành-tựu được. Nhưng nhờ được ông Phủ Thọ là vị quan nhân từ bình-dân. Ông chỉ thích giao du với những người thật thà, chất phác, không kể chi sự phân biệt giai-cấp. Ông thấy ông Bá Cả là người hiền lành nên ông ưng thuận gả con gái ông cho con trai ông Bá Cả.

Đám cưới được tổ chức rất linh đình trọng thể: nào cờ, nào lọng, phường trống cà-rùng, phường kèn bát âm. Những người đi dự đám cưới chia ra từng tốp người cỡi ngựa, người cầm cồng (võng), còn người đi bộ thì đông vô kể. Trong những người đi dự đám cưới này, nhiều người thấy có bạn bè đứng chơi trên đường hoặc làm dưới ruộng liền bảo họ về nhà, thay gập quần áo rồi nhập bọn đám cưới cũng được, cõ ăn tốn kém hết bao nhiêu mâm mà chẳng có.

Ngày tết, vợ chồng cụ Lạn dẫn nhau đến mừng tuổi cụ chánh Đoàn-văn. Các là ông cậu họ ngoại.

Sau khi chào hỏi, ngồi chơi uống nước ăn bánh, cụ chánh Các có khuyên rằng:

— Các cháu ạ! Nhà các cháu là nhà giàu có thì về thừa với bố mẹ nữa cho cháu giai đi học, để kiếm giùm ba chữ, chứ dốt đặc thì buồn lắm. Việc học là việc trọng.

Lại một hôm, chị Lạn đang làm cỏ ngoài đồng, chị thấy một đám rước đi trên đường cái. Đám rước có cờ quạt, tiền hồ hậu hết và có hai cái cồng (võng). Cồng trước là cồng trần, trong có một người đàn ông ngồi. Người này mặc: áo cầm-bào, đội mũ cánh chuồn. Cồng sau là cồng có mui, trong có người đàn bà nằm. Mỗi cồng đều có một lọng đi bên đề che.

Chị Lạn lấy làm thắc mắc, không hiểu đám rước gì mà lại kỳ quái như vậy. Chị gọi:

— Anh Thơ ơi! Anh có biết đám rước gì trên đường cái kia không? Sao lại có hai cái võng, một của người đàn ông và một của người đàn bà như thế nhỉ?

Anh Thơ, người cũng làm ngoài đồng với chị, liền kể chuyện rành mạch như sau.

Đây là đám rước ông Nghè Chu-văn-Rọi, người làng Giao-Cũ cùng huyện ta.

Ông Rọi này đỗ được Tiến-Sĩ thì mới biết học đỗ được cũng khó khăn thật, cần có nhiều yếu-tố quan-trọng! Chăm chỉ, thông-minh, tiền-tài, gia-đình yên ổn, vân vân.

Nhà ông Rọi nghèo lắm. Lẽ ra ông phải đi làm thuê vác mướn, chứ sao lại được đi học.

May nhờ được bà vợ là người đảm đang chịu khó, quần-quật làm lụng vất vả suốt ngày. Có nhiều chỗ ruộng bùn lầy bần thlu, bà cũng lội xuống làm, chứ không nề hà gì cả. Bà còn buôn bán thêm, nào gạo, nào hàng xén, nào tre mía. Như thế, nền tái-chính mới tạm đủ để chi dụng trong gia-đình.

Bà lại được cái tính nết rất tốt hiền lành thủy mĩ, trên kính dưới nhường. Gặp người nào cũng đều niềm nở, chào hỏi vui vẻ. Đối với họ hàng bè bạn, mọi việc đều nín nhịn, chứ không hề cãi cọ to tiếng với một ai. Gia-đình lúc nào cũng êm-dềm hòa-thuận. Nhờ vậy, ông Rọi mới yên chí học-hành được chứ!

Năm xưa, nước sông lên to, quan huyện có sức về các xã lấy dân phu để đắp đê mà lúc ấy, ông Rọi đang mải học gấp kéo kỳ thi sắp đến. Giả như nhà khác thì đã mướn người làm thay nhưng nhà nghèo, bà Rọi đành nói với chồng ở nhà mà học để bà đi làm thay.

Khi thầy Lý-trưởng dẫn phu ra trình diện quan huyện, quan huyện thấy trong đám dân phu đàn ông, sao lại có một người đàn bà đi lẫn vào.

Trông người đàn bà này, vóc người hơi gầy còm khuôn mặt trái soan, nước da trắng mịn, sống mũi dọc dừa, đôi mắt bồ câu. Mái tóc xanh mượt nhưng tiếc nỗi không chải chuốt để nó rối bu-xù. Quần áo thì rách rưới xơ xếch, cúc trên cái xuống khuy dưới.

Quan Huyện cho gọi Lý-trưởng đến để quở-mắng về việc thuê nhận người đàn bà này làm phu đắp đê. Ông Lý bèn trình tình cảnh nhà

Ông Rọi như trên và nói thêm rằng: « Bầm quan lớn, con thấy tình cảnh như vậy cũng ái ngại, không biết xử trí ra sao, đành phải cứ dẫn bà ấy lên đây để quan phán xét ».

Ông Huyện là nhà khoa-cử xuất thân nên cũng thương tình và cho gọi người đàn bà vào đây rằng:

« Ta thấy Lý trưởng trình rằng: Chồng mụ là người học trò nghèo thì ta thương tình. Ta ra một vế câu đối, mụ mang về cho chồng mụ đối. Nếu chồng mụ đối được thì ta cho miễn, không phải đi phu nữa nhé! »

Nói xong, liền sai cậu nhỏ đem bút mực ra, viết vế câu đối như sau:

« Phu là chồng, phụ là vợ, vợ vì chồng nên đi phu. »

Viết xong gấp lại, trao cho người đàn bà mang về. Người đàn bà tuân theo và khi ra đến cổng, tò mò mở ra xem quan huyện ra câu đối như thế nào. Xem xong, bà lại trở vào kêu với quan huyện rằng:

« Bầm quan lớn, câu đối này, con cũng có thể đối hộ cho nhà con được, chứ không cần phải đưa về nhà, vì từ đây về nhà con, xa lắm, đi lại vất vả. »

Quan Huyện nghe thấy vậy, lấy làm lạ, sai đưa bút mực ra cho người đàn bà ấy viết thử xem như thế nào.

Bà ta liền ngồi xuống bàn bên, viết như sau!

« Mẫu là mẹ, tử là con, con với mẹ lại còn nói mẫu. »

Viết xong gấp lại, đem đệ trình quan huyện.

Giả như gặp người khác, xem lời đối lại như thế thì chắc bà này phải ăn một trận đòn rừ tử, nhưng ông Huyện này là người hiền đức, nên không những không đánh đòn mà lại còn sai người đem tiền ra thưởng cho bà ấy năm quan và truyền cho nha lại viết ngay một tờ sức rằng: Từ nay, ông Rọi được miễn, không phải đi phục dịch một việc gì.

(Đây là tính nết tốt của nhiều nhà Nho uyên-thâm. Thường thường, chỉ một lời nói hoặc một câu văn của người đối thoại với mình, nhà Nho cũng biết được người đó hơn mình, liền đem lòng kính phục và trọng vọng, không câu-nệ về địa-vị hơn kém hiện thời của đối bên).

Ông Huyện cư-xử như vậy làm cho hai chú lính lệ cái vãi, tý nữa xảy ra cuộc ấu đã.

Chú lính Giáp hỏi chú lính Ất:

— Quái nhỉ, sao hôm nay có việc lạ như thế nhỉ? Chồng con mụ đàn bà kia đã không đi phu, mà quan huyện lại còn bày vế lời thôi, chẳng biết ra câu đối như thế nào. Đến khi nó viết trả lời thì lại thưởng tiền cho nó, Tao lấy làm lạ quá!

— Có gì lạ! Chắc là bà ấy đối lại hay thì quan thưởng tiền cho chứ gì!

— Không phải, Tao xem con mụ ấy tuy nghèo túng nhưng trông dáng người cũng là một hoa-khôi ở vùng này, quan ngó thấy thì cũng muốn tòm tem tý tình, nhưng nói ra không tiện nên viết giấy nói ý tế xa xôi với chồng nó, nếu chồng nó bằng lòng thì chắc quan còn cho nhiều tiền hơn nữa?

— Nói láo nào! Mày không thấy từ ngày quan Huyện này về đây, ngoài giờ làm việc ở công đường, ngài chỉ thích ngâm vịnh thơ phú hoặc chăm nom vườn cảnh, chứ ngài có thích hoa-nguyệt bao giờ.

— Mày thật thà, ngu quá, con ơi! Ai biết đâu chỗ ma ăn cỏ!

Lời qua tiếng lại, hai chú lính cái vãi nhau, xuýt nữa đánh nhau, may được thầy đội-lệ ở phòng bên nghe thấy, sang bắt im đi, kéo nhỡ quan biết thì chết cả nút.

Đến kỳ thi, ông Rọi sắm sửa lều chông lên trường. Thi liền tiếp Hương, Hội rồi Đình và ông đồ Tiến-Sĩ nên được rước rình quy bái thờ, vống ông đi trước, vống bà đi sau đấy!

Nghe xong câu chuyện, chị Lan bối rối suy nghĩ: Người ta nhà nghèo mà còn biết lo cho chồng ăn học để đỗ được Tiến-Sĩ, nhà mình giàu có mà không đốn được lương cho chồng ăn học hay sao. Ta phải cố khuyên chồng, giục anh ấy đi học mới được.

Nghĩ vậy, rồi hôm sau đem ý kiến bàn với chồng, chồng bằng lòng đi học. Vợ sửa soạn, nào gà nào gạo, gánh sang nhà cụ Nguyễn-đình. Đan ở làng Hạ vũ, thuộc tổng bên, để xin nhập môn.

Cụ Nguyễn-đình-Đan đỗ có Tú Tài thời, thường gọi là Cụ Tú Tư. Đỗ kém nhưng cụ dạy học có phương pháp khoa học nên trường của cụ đông học trò lắm.

Cụ Tú Tư chấp thuận cho anh Nguyễn-bình-Lạn vào học và cho ăn ở ngay trong nhà thầy để tiện việc học-hành. Mỗi tháng đôi lần, chị Lạn gánh gà, gạo sang cho chồng và thêm mấy quan tiền để biếu thầy đồ.

Nhưng tiếc thay, anh Lạn quá dốt, học luôn sáu tháng giờ, học ngày học đêm, mùa hè nắng bức cũng cứ ngồi học mà có tám chữ: « Thiên tích thông minh, Thánh phù công dụng » cũng vẫn không thuộc.

Lần ấy, chị Lạn gánh gạo sang nhà thầy đồ như thường lệ nhưng thầy đồ dạy rằng:

« Chồng chị dốt quá, không học được đâu! Thôi chị gánh gà, gạo đem về để anh ấy cứ theo nghề cây cày, chứ tôi không thể dạy được nữa! »

Vợ chồng đành phải diu dắt nhau về. Khi đi qua làng Gia-Hòa, anh Lạn thầy có cây đa to, cây cao bóng mát, anh liền bảo vợ hãy đặt gánh gạo xuống để nghỉ chân chốc lát. Vợ nghe lời chồng, nét mặt buồn thiu.

Nơi đây, có ngôi chùa nguy nga lộng lẫy. Bốn góc mái uốn cong, trên đỉnh nóc có đắp lưỡng long chiểu nguyệt. Trước chùa có sân rộng để những ngày tết hay ngày hội dùng làm nơi bày bàn cờ người hoặc dựng rạp hát chèo. Hai góc trước sân chùa có hai cây đa to. Qua sân là đường

đi rồi đến một cái hồ. Trên bờ hồ có đặt những phiến đá to để khách qua đường có thể ngồi chơi nghỉ mát. Hai bên, dáng theo gốc cây đa, có xây bậc thang bằng đá đi sâu xuống đáy hồ. Hồ ăn thông ra sông nên có một cái cầu bằng đá chạm trổ rất đẹp. Trong hồ giống loại sen trắng (bạch liên) quý lắm.

Khu chùa được kiến-trúc mỹ-lệ như thế này là nhờ công-đức của một ông Cai-tổng sùng đạo trong làng.

Thấy có bến sen, hoa thơm ngào ngạt, nước trong mát mẻ, anh Lạn bảo với vợ:

— Mẹ mày hãy ngồi chờ đây tý nhé, để tao xuống tắm cái, kéo sáu tháng say tao bận học, chẳng tắm rửa được gì cả, nay ghét bắm đây người hôi hám quá!

Vợ vẫn buồn rầu đáp:

— Ừ, bố mày muốn tắm thì xuống mà tắm, tôi ngồi chờ cùng được, chứ vội gì!

Chồng cởi quần áo xuống tắm, kỳ cọ khắp mình mày, đàn cá xuống được đớp bữa ghết no-nê. Hụp lặn xuống nước rồi lại ngoi lên mấy lần, anh lấy làm thích thú lắm.

Trong khi đó, trời đang nắng bỗng râm tối sầm lại và một vùng ánh sáng từ trên chùa tỏa ra bốn phương, soi sáng xuống tận chỗ cầu đá. Việc xảy ra trong khoảnh khắc, ai trông thấy cũng lấy làm lạ, không hiểu là điềm gì!

Tắm xong, sắp lên bờ, anh Lạn trông thấy cái cột đá chân cầu mòn gần hết, ngẩng lên nói với vợ:

— Này, mẹ nó ẹ! Sao cái chân cầu này bằng đá mà cũng mòn được nhỉ?

Vợ hơi có vẻ bực tức, trả lời:

— Ấy đây, nước chảy đá cũng mòn. Thế mà anh học có tâm chí trong sáu tháng trời cũng không thuộc, thực khổ chưa?

Tám xong, thấy trong mình khoan khoái, lên bờ mặc quần áo, đầu vào đây, anh Lạn tần ngần nói với vợ:

— Nay, mẹ mày hãy dẫn tao trở lại nhà thầy đồ, năn nỉ kêu với thầy, thử cho tao học thêm vài tháng nữa, xem sao!

Vợ chiều ý, gánh gà, gạo trở lại nhà thầy đồ đề xin nài cho chồng học thêm mấy tháng nữa. Thầy cho phép và anh Lạn lại trở vào học.

Từ đây, anh Lạn học sáng lạ thường! Tam tự kinh không nói làm gì, đến Tứ thư, Ngũ kinh, sách nào cũng vậy, anh học đến đâu, nhớ đến đó.

Đến gần kỳ thi, thầy đồ sát hạch để xem sức học của các học trò ra sao. Mỗi người thầy ra cho một bài để làm thử.

Về phần anh Lạn, thầy ra cho về câu đối như sau:

« Lác đác mưa sa làng Hạ Vũ »

Anh Lạn đối lại rằng:

« Âm âm sớm động đất Xuân-Lôi. »

(Xuân-Lôi là tên rông của anh Lạn.)

Thầy xem xong, tấm tắc khen thắm, chắc rằng này thế nào nó cũng đỗ đạt to-tát đây.

Quả nhiên, sau ông Nguyễn-bình-Lạn đỗ Trạng-Nguyên.

NGÔ - NGỌC - ĐỒNG

## huỳnh-mẫn-đạt và huỳnh-thúc-mại \*

Ông HUỲNH-MẮN-ĐẠT, cũng thường được gọi là Tuấn-phủ ĐẠT, sanh trưởng tại làng Tân-Hội, huyện Tân-Long, phủ Tân-Bình, tỉnh GIA-ĐÌNH năm 1807, từ trần năm 1883 (Thân) ở Vĩnh-Thanh-Vân (Rạch-Giá).

Thuở nhỏ có học với ông VÕ TRƯỜNG-TOÀN (1) và năm 1831, ông 24 tuổi đã đậu cử-nhơn, khoa Tân-Mão (Minh-Mạng thứ 12). Ông ra làm quan đến chức Tuấn-phủ, có trấn ở Định-Tường (Mỹ-tho) và Hà-Tiên.

Ông sống đồng thời với ông PHAN-THANH-GIẢN, Phan-văn-Trí (Cử Trĩ), Tôn-Thọ-Tường, Bùi-Hữu-Nghĩa v.v.. và có viết nhiều bài thi, song phần nhiều bị thất lạc, nên rất tiếc, vì những bài còn lại đều được các nhà văn ta nói là hay nhiều trong thi văn nước nhà.

Thi của ông có giọng tru-thế, mãn thời. Ai đọc cũng đều thán phục lời văn có khí-phách anh-hùng.

Khi Thiếu-tướng DE LA GRANDIÈRE buộc cụ Kinh-lược PHAN-THANH-GIẢN phải giao ba tỉnh miền Tây do cụ trấn nhậm (19-5-1867)

\* LTS - Ông Ngô ngọc-Đồng soạn quyển HUỲNH-MẮN-ĐẠT và HUỲNH-THỨC-MẠI do nhà xuất bản Công Quỳnh ấn hành có nêu một nghi vấn văn chương: « Ai là tác giả tướng bát KIM THẠCH KỶ DUYÊN, mà theo lời thần nhân cụ Huỳnh-mẫn-Đạt thì đó là tác phẩm của cụ. »

Chúng tôi trích đăng để quý độc giả rộng đường suy nghiệm.

(1) Theo Nhật-Tám.

thì ông Huỳnh-Mẫn-Đạt đang làm Tuần-phủ ở Hà-Tiên. Khi đó ông đã 161 sáu mươi tuổi rồi. Và sau khi giao quyền lại cho thầy binh Pháp (24.6-1867) chánh-quyền Pháp có dịp hỏi ông (theo lời trong gia-đình truyền lại) và muốn ông hợp tác. Song ông có trả lời: « Tôi làm tới một triều, chớ khó mà làm tới hai triều ». Thế rồi, sau khi giao quyền thì cụ Huỳnh và gia-quyển sang qua Rạch-Giá cư-ngụ ở xóm Vĩnh-Hòa hay là Vinh-Huê và đến lúc cụ ly-trần (1883) đầu khi trước từ chối không hợp-tác với Pháp, nhưng viên Tham-Biện tỉnh Rạch-Giá có gọi lính đến dụ lễ an-táng, và khi hạ linh-cữu, thì họ có chào một loạt tiểu, bác (salve d'honneur). Vì là trái phong-tục của ta (nhứt là đầu tiên Pháp mới qua xứ ta), hai là vì cái tục cũ là « tru di tam-tộc » đặng phạt tội nhơn đời vua chúa ngày xưa, nên trong gia-đình ngại ngùng vì tưởng là tở-tông đã bị thuy tử-hình.

Song không ngờ đó là một cách thức danh-dự đề sùng-bái một nhơn-vật chí-khí. Bởi vậy RUYARD KIPLING mới viết: « Phương Đông là phương Đông, phương Tây là phương Tây, khó mà gặp nhau ».

Bên kia họ, hiểu danh-dự, bên này mình nói đó là nhục-nhã.

Khi tôi sang Pháp du học năm 1920, ông Ngoại tôi là con trai của cụ Huỳnh có dặn: Máy răn hỏi cho biết coi ông Cố mầy có bị xử-tử sau khi chết như phong-tục của mình không: tru di tam-tộc, vì là ông Cố của mầy hồi Pháp lại chiếm Hà-Tiên, từ khước ra giúp việc họ. Năm 1927 tôi trở về xứ tôi có thưa rằng: Ông Ngoại có dặn con một việc về ông Cố, con có tìm hỏi rõ rệt. Đó là một sự rất vinh-hiến chớ không phải muốn sỉ-nhục mình.

Bởi vậy tác-giả rất ngạc nhiên thấy trong quyển VIỆT-THI, ông Trần-Trọng-Kim có viết: « Ông Huỳnh-Mẫn-Đạt cũng như Tôn-Thọ-Tượng, có hợp tác với Pháp, khi Pháp chiếm cứ ba tỉnh miền Tây và

làm quan đến chức Tuần-Phủ Hà-Tiên ». Làm sao mà làm quan đến chức Tuần-Phủ khi cụ Huỳnh đã giữ chức đó rồi trong triều Huế? Làm sao mà mất lòng ái-quốc được khi cụ Huỳnh-Mẫn-Đạt không ngại ngùng đọc bài thơ điệu Nguyễn-Trung-Trực (1) bị hành hình một lượt với Nguyễn-Văn-Điền tại chợ Rạch-Giá với mấy câu:

« Hòa hồng Nhứt-Tảo oanh thiên-địa  
« Kiếm bặt Kiên-Giang khắp quỷ thần »  
( Lửa lò Nhứt-Tảo rung trời đất,  
( Kiếm lặt Kiên-Giang khóc quỷ thần )

Ông Đạt làm bài thơ này bằng chữ Hán, song mất hết nhiều câu. Ông ca-tụng việc làm vĩ-đại của ông Trực, chống với thực-dân qua chiếm đất nước ta.

« Anh hùng cường cang phương danh thọ  
« Tu sát đề đầu vị tử nhơn.  
( Anh hùng cứng cỏi, danh còn mãi,  
( Thẹn chết bao nhiêu lũ cúi đầu )

Ngoài ra chẳng những không có tài-liệu xác-đáng mà ông Trần-Trọng-Kim đã liêu-linh nêu ra một điều quan-trọng như thế về danh-dự của một nhơn-vật ái-quốc, mà đến ông Bửu-Kế trong « TÂM NGUYỄN TỰ-ĐIỀN » trang 602 cũng có viết: « Sau khi quân Pháp lấy Nam-Kỳ, ông Huỳnh-Mẫn-Đạt ra làm quan với Pháp, lần lần đến chức Tổng-Đốc Hà-Tiên.

Ông Đạt làm sao mà làm tới chức Tổng-Đốc khi ông tự ý hồi hưu lúc đang nhậm chức Tuần-Phủ Hà-Tiên do triều Huế?

Đó thiệt là một giả-thuyết, chứng tỏ một tâm-trí rất nhẹ-nhàng làm như danh một nhơn-vật, không có tài-liệu chính xác.

Theo hai ông Kim và Bửu-Kế, nếu ông Huỳnh-Mẫn-Đạt thân Pháp như Tôn-Thọ-Tượng, tại sao ông lại mỉa-mai hành-vi thân Pháp của ông này? Ngoài ra, giả-cáo nêu trên cũng giao một sự mâu-thuẫn lớn lao giữa ý-thức của cụ Huỳnh trên thi-phẩm và hành-động của ông nữa.

(1) Ngày 16.6.1868, 4 giờ khuya, Nguyễn-Trung-Trực (Quản Lịch) phá đống Kiên-Giang (Rạch-Giá) giết hại người Pháp rất nhiều.

Tại sao một nhà văn như Trần-Trọng-Kim mà liêu-lih bịa ra một giả-cáo như vậy? Nếu đó là do sự sơ-sốt của ông thì làm sao chúng ta tin những tài liệu của ông nêu ra trong văn-phẩm của ông được? Rất tiếc cho một nhà văn như ông Trần mà còn lầm lẫn như vậy!

Vì tác-giả muốn giải-thích một sự bất bình do cái giả-cáo của ông Trần-Trọng-Kim tạo ra, nên xin nhắc lại một lần nữa sự gặp gỡ bất ngờ giữa hai ông Tôn-Thọ-Tường và Huỳnh-Mẫn-Đạt một ngày kia ở Saigon. Nếu cụ Huỳnh-Mẫn-Đạt là người như ông Trần-Trọng-Kim đã phê là « thân với Pháp và giúp việc với thực-dân » như ông Tôn-Thọ-Tường, thì sao mà cụ Huỳnh phải núp né lúc đó như muốn che một sự xấu hổ chi vậy?

Giả-cáo của cụ Trần-Trọng-Kim là một mâu-thuẫn rõ rệt: một là đối với ý-thức trong thi-phần của ông, hai là đối với hành-động của ông, nhất là khi Nguyễn-Trung-Trực đang bị tử-hình mà đứng ra đọc bài thơ diếu nêu trên, trong lúc Pháp mới chiếm Rạch-Giá và Nam-Kỳ.

## II. — VĂN - PHẨM

Văn-phẩm của cụ Huỳnh có thể chia làm hai phần:

1) — Văn thi

2) — Tuồng hát bộ « KIM THẠCH KỶ-DUYÊN ».

1) — VĂN THI :

Vì di-cư nhiều lần sau khi giao quyền lại cho Pháp (26-4-1867) nên có một số bài thơ bị thất lạc.

Rất ửng cho văn-chương nước ta phần nào.

— Hồi 1950-1952 tôi có nhờ một em gái của tôi là bạn với con gái của ông Trần-Trọng-Kim (Annie) nói dùm với Annie đặng gặp Ông KIM về vụ đó. Song rồi là Annie phải xuất ngoại. Trong khi đó ông Trần-Trọng-Kim từ trần.

Tác-giả xin nêu trước ba bài về thú vật. Vì già nên chỉ còn có cái khả-năng dìm sự đời đời qua đời lại mà thôi, tuy là ức trong bản-năng không thể có ích cho chủ cũng như ông kia vì bắt lực nên mặc dầu chứng kiến cảnh nước mất nhà tan mà ông buộc lòng phải bó tay chịu trận. Ba bài thơ này cũng như phần nhiều mấy bài khác, ông viết trong lúc già yếu, sau khi đã hồi hưu. Ông đã trải qua lắm cuộc gian-truân tại biển, bây giờ lưng mỏi, gối dừn, nghỉ lại chán đường công-danh về nhà dưỡng lão. Nhớ lại thuở làm quan, biết bao nhiêu là lo sợ, bây giờ thoát khỏi đồng danh lợi, như thoát khỏi bao nhiêu tai nạn.

Xin nghe ông ngâm :

### CHÓ GIÀ

Tuy rằng muốn cầu có ân ba (1)

Rằng rụng lâu năm nó phải già.

Bởi đuôi hươu Tân (2) nên mới gối

Vì lo khi Sở (3) mới dừn da.

Không ai trấn Bắc (4) ngăn bầy cáo,

Ít kẻ giữa Tây (5) giữ đũa tà.

Mạnh mẽ nhớ xưa còn hơn hờ

Bây giờ yếu đuối hết xông pha.

(1) Con chó có ba nguyên tánh rất quí: coi nhà, liêu minh vì chủ, không quên chủ.

(2) Đời Tân Nhị-thê, Triệu-Cao lộng chính, một hôm muốn thử lòng các quan xem có ai phản đối mình chăng, bèn chỉ con hươu mà bảo con ngựa. Nhiều người vùa theo (Nhật-Tâm).

(3) Sở Bá-Vương Hạng-Vô là « khi đội mào ».

(4) Theo Giáo-thọ An-Giang, tà là viết Bắc, «... trấn Bắc, ngăn bầy cáo». Chính vì con chó đã già rồi, nên bầy cáo phương Bắc, lữ tà phương Tây mới đột nhập được phá-hoại nhà chủ. Cũng như vì tác-giả đã già nua tuổi tác không còn tinh-thần minh mẫn, sức lực cường tráng, để ngăn đón mọi xâm-lãng đang tung hoành trên đất nước (An-Giang).

(5) Giáo-thọ An-giang cũng viết Tây và giải-nghĩa Tây tà gian manh, đây dùng để ám-chỉ Tây-phương, vì ở thời-đại tác-giả, những nhà nho thường gọi chung người Tây phương là bọn tà đạo.



Giáo-sư An-Giang cũng kết về bài chó già như sau :

« Sờ dĩ bài « CON CHÓ GIÀ » gây được thích-thú trong giới độc-giá « là vì nó có giá-trị rất cao về lối tá-tả. Nó hay là vì nội-dung không những « tả đúng con chó già mà còn biểu hiện được đầy đủ từ thân-thê, tinh-thần, thê-sự, đến tâm-tình của tác-giả nữa.

« Về hình thức, khó mà tìm được bài thơ có những giá-trị đầy đủ từ « lối bố cục vững vàng, đến phép đối rất chỉnh, dùng điển rất khéo, lời « lẽ rất điêu-luyện v.v... Cho nên, cụ Huỳnh-Mãn-Đạt thực đã không hổ « với địa-vị danh-nhơn miền Nam của mình ».

Khi đọc-giá còn đang thưởng-thức bài thì trên và còn đang mơ-mộng, tôi xia mời nghe ngâm thêm hai bài sau đây nói về trâu già :

#### TRÂU GIÀ. — I

Một nhăm xương, một nhăm da,  
Bao nhiêu cái ách, đã từng qua.  
Đuôi còng biếng vẫy, Điền-Đơn hòa, (1)  
Tài điếc chi nghe Ninh-Thích ca ; (2)  
Sớm đạo nội sẵn đi khắp khời,  
Tối về từ-lý (3) thở hê-ha.  
Bơi chuồng nhớ thừa qua đường hạ,  
Ăn đội Tề-vương (4) bắt lại tha.

#### TRÂU GIÀ. — II

Kề từ hội Sửu đã sanh ra,  
Tài điếc chi nghe Ninh-Thích ca (5)

Chú thích do Giáo-thọ An-Giang :

- (1) Điền-Đơn : người Tề đời Chiến-quốc dùng trâu buộc dao ở đầu, đốt lửa ở đuôi mà xua vào phá tan quân nước Yên.
- (2) Ninh-Thích : Nhơn tài nước Vệ đời Chiến-quốc, lúc hàn-vi chân trâu ở Dao-son, sau được Tề Hoàn-Công phong làm đại-phu.
- (3) Từ lý : Từ là cây thị, chi què hương ; lý là xóm làng ; từ-lý là làng xóm nơi quê hương của mình.
- (4) Ông Tề-vương : Trâu bị giết về giết để làm lễ tế trời, vua Tề trông thấy động lòng thương ra lệnh bắt con vật khác giết thay trâu.
- (5) Có một sách viết *ninh Thích-Ca* thật là không phải nghĩa.

Mấy chốn kỳ thần ra sức cả,  
Đòi nơi bãi xã, rón thân già.  
Rửa tai Vinh-Thủy nhường ngôi báu,  
Cởi ách Đào-lâm, biếng gác xa.  
Tề chúa bởi chuồng, còn chẳng nở,  
Có đây khó nhọc với nông-gia.

Nếu chúng ta không dính theo ba bài thơ trên, bài « ĐI GIÀ ĐI TU » thì như là thiếu bộ tứ phẩm giá. Song khi đọc bài « ĐI GIÀ ĐI TU » của ông Huỳnh-Mãn-Đạt, thì mình thấy rõ cái lòng đạo-nghĩa của ông. Bài này thuộc về tâm-tình của ngài không có ý trọng về chánh-trị.

#### ĐI GIÀ ĐI TU

Lầu xanh thánh-thót tiếng chuông truyền,  
Tinh giác Cao-đường (1) lúc ngã nghiêng.  
Mượn chiếc thuyền tình (2) qua bể ái,  
Đưa con sóng sắc (3) đến rừng thiền (4).

(1) Cao-đường : Nơi vua Sở Trang Vương gặp thần nữ Vu Sơn ; điển này thường thường dùng để chỉ sự ái ân. « hân-nữ sớm làm mây, tối làm mưa.

(2) Thuyền tình : Do chữ thất tình (hi, nộ, ái, lạc, ái, ô, dục) của nhà Phật ; thu ên tình có nghĩa là mượn Phật-pháp để dứt tình vì con người muốn vượt khỏi bể khổ phải diệt hẳn tình. Có sách chép là « thuyền từ (Phật pháp) ; ở đây muốn cho sát với cuộc đời cô gái giang-hồ, tác-giả dùng chữ tình « để đi đôi với chữ ái » để châm-biên ( An Giang ).

(3) Sóng sắc : Nơi tu hành. Hai câu tam tứ này, còn nhớ lúc trước có người đem phê-bình trên một tuần báo, cho là sáo và rỗng đọc cho kêu mà không có nghĩa lý gì cả. Chúng tôi cũng công nhận lời văn của hai câu này có sáo thật, nhưng về ý tứ, cao diệu biết bao : Thuyền tình ruổi giòng bể ái, sóng sắc từng nhận nguy t.uyển. Đền lúc tình ra lái thuyền sang bên giác, cập rừng thiền chỉ khi tình-hận và giận-nhờn ( hết sáo ).

(4) Rừng thiền : Nơi tu hành. Hai câu tam tứ này, còn nhớ lúc trước có người đem phê-bình trên một tuần báo, cho là sáo và rỗng đọc cho kêu mà không có nghĩa lý gì cả. Chúng tôi cũng công nhận lời văn của hai câu này có sáo thật, nhưng về ý tứ, cao diệu biết bao : Thuyền tình ruổi giòng bể ái, sóng sắc từng nhận nguy t.uyển. Đền lúc tình ra lái thuyền sang bên giác, cập rừng thiền chỉ khi tình-hận và giận-nhờn ( hết sáo ).

Trống gương trí - tuệ (1) lau lòng tục.  
 Làn chubì bờ - đã dứt trái duyên (2).  
 Mát mẻ cửa không (3) trăng gió sẵn,  
 Dầu chưa nên Phật, cũng nên tiên.

Về đề « KỶ NỮ QUY Y » (4) này. Nhật-Tâm khuyên phải đọc trước  
 mấy bài sau đây cũng thuộc một đề rồi mới hưởng trọn bài của ông Đạt.

A. — Buồn hương đã chán nghiệp tình ma,  
 Nên tới thiên môn (5) gọi phận già.  
 Phận lợt mong chờ kinh sám-hối,  
 Xuân tàn đành bỏ cửa trăng hoa.  
 Chày kinh (6) một tiếng nam-mô Phật,  
 Mỏ cái đời hồi rị tỏ ra.  
 Cái chốn đoạn trường trang trắng nợ,  
 Đành cam dưa muối với Di-Đà.

B. — Bỏ chốn trăng hoa tới cửa thiên,  
 Họa đàm được tuệ đề làm duyên.  
 Nghe kinh nhà Phật tan niềm tục,

- (1) Trí tuệ : Tiếng nhà Phật dùng để chỉ sự sáng suốt.  
 (2) Trái, duyên : Trái là oan-trái, duyên là nhơn duyên, tiếng của nhà Phật  
 dùng để chỉ những đau khổ của loài người ( An-Giang ).  
 (3) Cửa không : cửa Phật.  
 (4) Chử-thích : Kỵ nữ quy y : Giải buồn hương di tu ( Nhật-Tâm ).  
 (5) Thiên môn : Cửa thiên tức nơi chùa, chốn tu hành ( Nhật tâm ).  
 (6) Chày kinh : Cũng gọi là chuông kinh. Lấy tích có con thú bỏ-lao ở bãi  
 biển tiếng kêu như chuông, tánh sợ cá kinh đọa thì kêu. Nên đúc chuông người ta  
 thường chạm hình bỏ-lao, trên đầu trở tượng cá kinh. Hoặc là trở tượng cá kinh ở  
 đầu cái chày động chuông ( Nhật-Tâm ).

Mượn nước nhàn dương (1) rưới lửa phiền.  
 Lỡ bước từng theo gương bạc mạng,  
 Chạy lòng quyết sạch nợ oan-khiên (2).  
 Nâu sông gìn giữ cho tròn phận,  
 Thoát kiếp lai sinh (3) hóa kiếp tiên.

Nhật - Tâm cũng có nêu bài do ông Tôn - Thọ - Tường ngâm về  
 đề này :

C. — Chày kinh giống tỉnh giấc Vu-san (4)  
 Mái tóc quy y (5) nửa trắng vàng.  
 Đai kiếng thử soi màu phấn lợt,  
 Cửa không (6) đành gọi cái xuân tàn.  
 Tình hôn huê-liều (7) vùi câu kệ,  
 Vui thú tang du (8) một chữ nhân.  
 Ngõa nh lại lâu xanh thương những kẻ,  
 Trăm-luân chưa hết kiếp hồng nhan.

(1) Nước nhàn dương : Dương chi thủy. Đồi Tân (khoảng loạn Ngũ-Hổ)  
 Thạch-Lặc ở ngôi vua, có con trai ốm nặng, chết ngày. May gặp sư phật độ-trường  
 lấy nhàn dương, nhúng nước rưới vào mình, cứu sống được. Tượng Phật Bà Quan  
 Âm thường vẽ tay cầm nhàn dương và rách bình tịnh thủy, cánh ngụ ý cứu khổ  
 (Nhật tâm chú thích).

- (2) Oan khiên : Điều đâu hay buộc khiến mình phải chịu khuất.  
 (3) Lai sinh : Kiếp sau.  
 (4) Vu san : chỗ ở của thần nữ làm mây mưa, đã cùng Sở Trang-Vương giao-  
 duyên ở Cao đường.  
 (5) Quy y : nương về cửa Phật.  
 (6) Cửa không : Chỗ tu hành.  
 (7) Huê-liều : nói về sự say hoa, đắm nguyệt. Chuyện sa đà trai gái.  
 (8) Tang du : Cây dâu và cây du. Những thứ cây thường trồng ở thôn quê.  
 Nói về quê-hương ( Nhật-Tâm ).

Sau khi đọc các bài thơ A, B, C rồi và thử cân-nhắc từng câu, từng chữ xem xét dụng ý đặt đề xong, thì ta mới nhận thấy sự điêu luyện và sự hàm dưỡng, tinh ba của một tâm-hồn đầy công tu-tinh (Nhật-Tâm).

### QUÁ CHƠI GÀNH MÓM

Lúc ra Trung, ông có đi chơi trên núi Gành Móm, là một miền duyên-hải và có để lại một bài thơ :

*Tượng mảng (1) non sông tác chẳng tà (2).*

*Cớ sao Gành Móm lại dở ra ?*

*Chòm rong lộp-xộp râu Bành-Tò,*

*Kẹt đá gio giẻ giầu Từ-nha.*

*Miệng súc trâu trao con sổng dợn,*

*Khăn lau quẹt-quẹt thức mây qua.*

*Thày lay thử hỏi xuân thu mấy ?*

*— Rằng thuở khai thiên đã có ta.*

Sau khi nghĩ đến thú già và du - ngoạn cõi đẹp, ông ĐẠT nghĩ đến cảnh « MUA ĐÊM » mới nảy ra tình thương nỗi cảm, đề một bài thơ theo « Vận Từ-Thứ » (3).

(1) Tiếng xưa có nghĩa là nghe rằng.

(2) Theo bốn của Nhật-Tâm thì viết như sau :

*Tượng mảng non xanh tác chẳng già*

*Cớ sao gành Móm lại dở ra ?*

*Râu xanh lém-dém râu Bành-Tò*

*Đá mọc gio-giẻ mếp Từ-Nha.*

*Miệng súc trâu-trao con sổng dợn*

*Khăn lau tít-toát cùm mây qua.*

*Xuân thu hỏi đó bao nhiêu thử ?*

*— Rằng thuở khai thiên đã có ta.*

(3) *Chú-thích của Nhật-Tâm*: Thuở trước các văn-hữu miền Nam làm thơ thường hạn những vận ngộ-nghĩnh: Xò có vô ô ro — Gà qua nhà bà già — Ôi thôi rồi nói rồi. — Chà và la mà-tà. — Thằng ăn măng nhân rằng v. v. .. Đến khi Tôn-Thọ-Tường làm bài thơ « Từ hứ qui Tào » dùng vận thật hiểm-hóc: Voi mỗi cỡi roi thoi. Nhiều người dùng vần ấy mà làm thơ gọi là « vận Từ-Thứ ».

### MUA ĐÊM

*Mời vira bụng núi đầu thêm voi,*

*Kìa phải mưa đêm đã lộ mời.*

*Mượn sấm đánh tan vầng nguyệt rạng,*

*Xua sương trời sổng cùm hoa côi.*

*Say cần câu nguyệt ngư lên nón,*

*Lỡ dậm mang sao mục ướt roi.*

*Hỏi kẻ Trường-An trời biết chẳng,*

*Tấm lòng quẻ ngọc nhận đùng thoi.*

Dựa theo bài trên, mình có thể kèm theo bài sau :

### QUÁ HÀ ẨM CẢM-TÁC (1)

*Mịt mịt mây đêm kéo tối dầm,*

*Đau lòng nằm trước lối Hà-Ấm.*

*Đông xương vô định sương phau trắng.*

*Giọt máu vô thường cỏ nhuộm thâm.*

*Nhấp nháng đèn trời miền cò lủ,*

*Vật vờ gió trớt dậm ô-lâm,*

*Lâm dâm ít vận vài câu điệu,*

*Vắng vôi bên thuyền tiếng dế ngám.*

Tới đây tôi không tránh được việc phải đăng chuyện đầu khâu văn-chương giữa hai ông Huỳnh-Mẫn-Đạt và Tôn-Thọ-Tường.

Ông này khi hợp-tác làm quan với Pháp tại Saigon, một buổi chiều kia, ngồi xe song mã đi dạo khắp thành-phố. Tôi bốn kèn (ngã tư đường Charner cũ và Bonnard cũ (2) để nghe nhạc. Khi ông Tôn-Thọ-Tường thấy Tuấn-phủ hữu-trí Huỳnh-Mẫn-Đạt đứng ở ven đường đang nghe nhạc, ông vội vàng dừng xe bước xuống.

(1) Bài thơ này cũng có kẻ cho là ông Bùi-Hữu-Nghĩa là tác giả. Song cũng có nhiều văn dung khác nhau.

(2) Ngã tư Lê Lợi và Nguyễn-Huệ ngày nay.

Song ông ĐẠT thấy ông TƯỜNG bèn nép lại sau gốc cây bên đường và kéo sụp cái nón ngựa đang đội trên đầu.

Ông Tường bước lại chào bạn thuở xưa, vừa đó ông Đạt xuất khẩu liền và ngâm bài thi sau đây đề đáp lễ :

— *Cừu mã năm ba đạo cặp kè,  
Duyên đầu giải cầu (1) khéo đề nè (2) ?  
Đã cam bít mặt cùng trời đất,  
Đầu dóm nghiêng mày với ngựa xe.  
Hơn hồ trẻ dong (3) đường dặm liễu (4).  
Lơ thơ già núp cội cây hoè (5).  
Sự đời thấy vậy thì hay vậy.  
Thà ăn non cao chẳng thấy nghe.*

Nghe rồi, Tôn-Thọ-Tường là một nhà văn tên tuổi đáp lại liền :

— *Tình cờ xảy gặp bạn tiên-liều (6).  
Thơ phú ngâm nga hứng gió chiều.  
Thế cuộc đời đời (7) đã lắm lắm,  
Thiên-cơ màu nhiệm (8) hãy nhiều nhiều.  
Nước non đường ấy, tình đường ấy,  
Xe ngựa bao nhiêu bụi bấy nhiêu.*

(1) Giải cầu: Gặp gỡ bất ngờ, thỉnh linh.

(2) Đề nè: Nghĩa đen là nghi ngờ. Ở đây đề-nè dùng theo nghĩa bóng: Không đề, tình cờ.

(3) Dong: có người viết giông.

(4) Châu-Á-Phu đời Hán đóng quân ở Tê-Liêu, nên đời sau gọi cho quân đóng là Liễu-dinh. Đường dặm liễu: Ý nói bước thênh-thang, đặc ý được đi trên đường êm á (N.T.).

(5) Thuần-Vu-Phân, rượy say an giấc dưới cội cây hoè. Đây ý nói Huỳnh đã chán đường danh-lợi (N.T.).

(6) Tiên liêu: bạn làm quan ngày trước (N.T.).

(7) Thế cuộc: cuộc đời.

(8) Thiên-cơ: cơ trời, máy trời.

*Hăm-hờ nhạc Tây hơi trời mạnh  
Nghe qua nghĩ nhớ giọng tiêu-thiếu (1).*

Bốn câu sau của Tôn như rõ ra dạng bành sự đau lòng của ông. Bao nhiêu là đau khổ « xe ngựa bao nhiêu bụi bấy nhiêu ».

Nhưng đâu là kết nối giữa hai ông, vì ông Huỳnh bỗng lại đọc trả lời :

— *Ngoài tai phải-quỷ văn nhâm nghe,  
Cuộc lợi đường danh ôi giọng ve.  
Hơn hồ trẻ giông, qua dặm liễu.  
Thần thơ già núp cội cây hoè.  
Đã cam giấu mặt cùng non nước.  
Đầu dóm nghiêng mày với ngựa xe.  
Chớ nơi đời đời sao cốt cách.  
Xưa nay nát giờ hầy còn tre.*

Bài này làm cho Tôn thán nhiều bên khiến sau ông có ra một bài thơ đề là: « Thà gặp cọp chẳng thà gặp bạn », nghĩ cũng đau lòng :

— *Kết lủ năm ba bạn cặp kè,  
Duyên đầu giải cầu khéo thè be.  
Đã bưng bít mặt cùng trời đất,  
Sao hđ han lòng với ngựa xe.  
Trẻ lần-thần đạo qua đàng liễu,  
Già bơ vơ ở dưới cội hoè.  
Núp nom cũng hđ, chào thêm hồ,  
Hùm dữ non cao cũng chẳng thè (2).*

(1) Tiêu-thiếu: Sáo du dương; nhạc khi xoa của phương Đông. Ý nói nhớ nước (N.T.).

(2) Chẳng thè: E-dè, chẳng nỡ làm thái quá.

Xin cân đọ bài này với bài nhứt của cụ Huỳnh-Mẫn-Đạt, chúng ta sẽ thấy tài viết của hai nhà văn miền Nam chúng ta. Và xin nghe chú thích của Nhật-Tâm thì sẽ hiểu rõ hơn.

« Nghe có đủ cả hai tiếng chuông như thế, để lòng ta được thỏa thích trọn vẹn, bồi hồi cảm thương cho hai tâm-hồn lăm vào hai cảnh ngộ đều ngang trái.

« Huỳnh có hồn thơ quốc-âm thanh-tạo dường ấy, nên bấy giờ nước danh trang tài-hoa phong-nhã.

« Từ lúc còn tại chức cho đến lúc về hưu, Huỳnh vẫn thường vui thú ăn-dật để dưỡng tánh tình, tâm-chí. Nhứt là trong thời kỳ về hưu, Huỳnh trứ tác văn-thơ rất nhiều mà bài nào cũng văn tao, tứ đẹp, ý-tình được vẻ cao-khiết. Huỳnh đã thắng ngậm bài thơ đầy cao ngạo với Tôn-Thọ-Tường, cố nhiên phải có tâm-hóa phóng-khoáng.

Sau đây bài trên, chúng tôi xin trình ba bài thơ còn lại :

#### CHIÊU-QUÂN XUẤT TÀI (1)

*Tráo chác khôn lường mũi bút gian,  
Trần năm khuấy rối phận hồng nhan.  
Chín trùng (2) ứa lụy rụng đôi mắt (3).  
Ngàn dặm ồm tì (4) tìm lá gan.*

(1) Xem chuyện Chiêu-Quân, Hoàng cũng ngâm-ngồi bài xuất-tái. Xuất-tái là ra ải.

(2) Do chữ cửu-trùng : nói về vua (N.T.).

(3) Ứa lụy rụng đôi mắt : câu này đọ với mấy câu sau trong KIM-THẠCH KỶ-DUYÊN, khi Thạch-Vô-Hà từ già cha mẹ vì hiều mà độ thân :

« Xin mẹ nhớ nhiều ngày đeo thềm,  
« Liều như con trong tháng dứt nói,  
« Giờ chơn, một bước hóa mười lui,  
« Trơ mắt, ba nhìn ra sáu giọt ».

(Cảnh này có ba người : Châu-Thị (là mẹ), Hữu-Quang (là anh) và Thạch-Vô-Hà nhìn nhau mà khóc khi Vô-Hà từ già.

(4) Cây đòn ti-bà (N.T.).

*Cột giá thành cho bờ cõi vắn,  
Lụy làm mưa rưới lửa bình tan.  
Người trên nhà Hán đi đầu lẩn,  
Xui trận ôn-nhu (1) tới dẹp loạn.*

#### CÂY DỪA

*Ba xuân đào lý phải duyên wa,  
Bông trái liền năm chẳng kịp dùa,  
Đuôi phụng bèn vang che nắng gió,  
Mình rồng chạn chứa gọi mây mưa (2).  
Giải đầu đở kẻ khi soi tối,  
Giúp nước vui người budi khát trưa.  
Rừng cột miếu-đường chwa xúng mặt,  
Chống ngăn bờ cõi cũng bừa bừa.*

Trong bài này theo chú thích của Nhật-Tâm, thì cụ Huỳnh tận tâm, tận tụy phục-vụ dân nước trong lúc còn làm quan.

Và cũng theo Nhật-Tâm, bài chốt : CẢNH TRỜI CHIÊU là hay nhứt. Ông đặt khi hưu-trí còn ở Hà-Tiên trước khi sang với gia-đình qua Rạch-Giá. Có qua chi là mượn chú-thích của Nhật-Tâm mới thấy nỗi thì văn của Cụ.

Khi ấy ông ở ẩn nơi quê nhà mà vui thú hưởng lộc trời. Hãy nghe cụ ngâm :

« Trưa sớm dài danh gió bụi nhiều.

Thoạt mở đầu câu phá, tâm chí thanh-cao đã biểu-lộ. Mấy mươi năm bước trên trường hoạn, ngất ngưỡng ở trên đài, trải đủ cảnh, nếm đủ mùi, Huỳnh đã ngao-ngán bụi đường gió cuốn, khiến cho người bước

(1) Yêu ớt, ướt át. Thê thảm trong cảnh đầy nước mắt (NT).

(2) Có người viết : mình rồng chạn chứa gọi mây mưa.

trên đường phải nhiều lộn-dộn, và càng leo dốc thang phú-quí, vinh-hoa để tiến lên đài lợi-danh, tâm thần càng thêm vướng lấm bụi. Sao bằng ngày nay :

« Vườn quê vui thú cảnh trời chiều.

« Mộng cân-đai đã tỉnh, lui về ẩn-dật vườn quê thì « tuổi đã xế chiều, nhưng mà vui thú. Cương-toả thoát vòng, cân-đai không còn ràng « buộc, bụi phồn hoa đã phủi, thâm tâm thế là được thoát tục siêu trần. « Rồi chiều chiều ngắm cảnh thiên-nhiên vườn rộng tha hồ dạo, nhạc « thiên-nhiên, mê mào lắng nghe quạt gió lai rai mát mặt, cỏ hoa có vẻ « chào mừng, người lưu luyến cảnh, cảnh quyến rũ người, lòng nào mà « chẳng say ? Thú vui chỉ bằng thú vui này ?

« Tắm bường danh-lợi án ngang mây, khiến cho người mê-luyến « vinh-hoa phải cận kề sự nặc thấy, tri-óc còn lụi đi ; nay đã đẹp đẽ « được bường ấy rồi, tạm mắt phóng-đại tha hồ nhìn ra ngoài trời rộng đất « dài, Huỳnh ngâm tiếp :

« Nhành chim rải rác đơm bông bạc,

« Màn rắng xuê-xoang trái gấm điều.

« Tả cảnh đến như thế, thật thần tình. Trời chiều chim xao xác « bay về tổ, lổ-xổ trên cành, rải rác đó đây, xa trông lấm-tấm như bông « giăng bạc đơm cành. Và, đồng ruộng minh-mông, lúc trở màu vàng ửng « giăng khắp chốn, lại thêm ánh tà dương buông tỏa phủ lên một màu đỏ « thắm, mừng tượng như bức màn lòng gấm, trông mới ngoạn mục xuê- « xoang biết bao !

Huỳnh lại ngâm thêm :

« Ngà ngón lưng trâu ngơ vọt mục,

« Loi thoi bóng ác khảm thoàn tiêu.

« Tuyệt bút : Mục-đồng ngà-ngón vui say cảnh, nhờ thế mà lưng « trâu cũng đỡ khỏi ngọn roi thúc-giục. Còn trên chiếc thuyền của tiêu- « phu thì bóng ác chiếu xiêng, dường như chở con bóng ác khảm thuyền,

Đang hứng cảnh, vụt động tình :

« Xót người mạng bạc trong chòm nhận,

« Ngó mông, trông mây, biết mấy nhiều !

Sau khi nghe cụ Huỳnh ngâm câu riêng, bây giờ ta hãy ngâm lại toàn khúc :

Trưa sớm đài danh gió bụi nhiều,

Vườn quê vui thú cảnh trời chiều.

Nhành chim rải rác, đơm bông bạc,

Màn rắng xuê-xoang trái gấm điều.

Ngà ngón lưng trâu, ngơ vọt mục,

Loi thoi bóng ác khảm thoàn tiêu.

Xót người mạng bạc trong chòm nhận,

Ngó mông, trông mây, biết mấy nhiều !

« Đường tơ du dương, thanh-âm thâm-trầm, mừng-tượng như « tiếng chuông từ-bi cảnh-tình bằng câu :

Trưa sớm đài danh gió bụi nhiều

« Và, như bản nhũ cho mọi người hay biết ; thú vui danh-lợi « chóng mất, mau tàn, mà mất thì mất hẳn, tàn thì tàn luôn, chỉ bằng :

Vườn quê vui thú cảnh trời chiều

« Chiều chiều rồi lại chiều chiều, cảnh trí của trời đất bày rồi xóa, « xóa lại bày, muốn đời chẳng dứt, tha hồ cho người đời chia nhau mà « hưởng tài-nguyên phong-phú. Nhưng người đời hay tranh, lòng người « hay tham, người có thì muốn có cho nhiều rồi để lẫn chung quanh, « gây nên cảnh kẻ thiếu người dư, dư thì dư dật, mà thiếu thì thiếu nát, « trách gì chẳng loạn, khiến nên :

Xót người mạng bạc trong chòm nhận,

Ngó mông, trông mây biết mấy nhiều !

Nếu muốn thăm-thía sâu xa cái tâm hồn của cụ Huỳnh xuyên qua bài « Cảnh trời chiều », thì ta phải nhớ là bài thơ này xuất hiện trong buổi Nam-Kỳ thuộc Pháp, khi đó ta mới thấy rõ cái giá-trị của nó. Còn nhiên người thức thời đã lượng rõ công-dụng to tát,

Ngoài ra 12 bài thơ trên, ai ai cũng thường biết khi đọc sách nào mà dành cho ông Huỳnh-Mẫn-Đạt, tôi xin trình bày thêm 3 bài thơ không tựa và ba bài văn sau đây :

Sáu bài thơ, văn này có sự riêng là do một dịp may mà tôi tìm ra được.

Nguyên-tích như thế này : Hồi năm 1955, tuy là tướng KIM THẠCH KỶ DUYÊN thực tế trong giới độc-giả và nhà văn của ta, ai ai cũng cho tác-giả là Bùi-Hữu-Nghĩa vì là tướng đó đã xuất-bản 5 lần rồi : 1895 do Bùi-Quang-Nuon ở Cần-Thơ ; 1932 do nhà in An-Hà ở Cần-Thơ ; 1934 do Midan Saigon ; 1952 do Nam-cư chú-thích, Châu-Đỗ, An-Giang thơ xã và lần chót năm 1966 Trần-Văn-Hương chú-thích và do nhà sách Khai-Trí xuất-bản.

Tôi có nhờ ông Minh-Tải, Đặng-văn-Ký dịch một bản chữ nôm tướng KIM THẠCH KỶ DUYÊN trong gia-tộc để lại. Trong bản đó sau câu chót của tướng chánh, thì có thêm mấy bài thơ và bài văn nói trên.

Tôi không biết bản chữ nôm này do ông Huỳnh-Mẫn-Đạt viết hay do tay người con của ông là Huỳnh-Thúc-Mại viết. Dầu là ai, nhưng vì lợi-ích cho văn-chương xứ ta, tôi cũng xin « rót » sáu « giọt » này vào « chốc » quốc-văn.

Ba bài bát cú không tựa, tôi xin chép ra đây theo loại vô - danh :



- 1 - *Cận kẻ lời cùng hỏi hỏi ai,  
 Bấy lâu tình nghĩa nửa thời thôi.  
 Nói chi chuyện cũ thêm buồn bụng,  
 Nghĩ lại người xưa lắm hờ người.  
 Tiết nghĩa mới cho rằng bợm lịch,  
 Hòa vòng chi sá cái đồ chơi.  
 Bây giờ mấy chuyện trăng hoa nọ,  
 Phủ ngọn thủy triều mặc chày xuôi.*



- 2 - *Cung thương chua chút tiếng cầm ai,  
 Tình nghĩa thời rồi, oán chửa thời.  
 Hồng phất đã đành quên mất nét,  
 Tác công nghe thấy lắm trên người.  
 Dây duyên chẳng chặt là dây rối,  
 Cuộc thế lằng nhằng cuộc thế chơi.  
 Tìm vút thời lông bia lữ miêng.  
 Bạc đem phân bạc ấy là xuôi.*



- 3 - *Oan khúc than cho tiếng có chồng,  
 Linh đình chiếc bá giữa dòng sông.  
 Những toan chấp một dây tình nửa.  
 Hay lại bằng ba trận lửa nung.  
 Ép ừng cũng vưng lời ép ừng,  
 Yêu dưng sao đổi dạ yêu dưng.  
 Gái thường chuộng củ, trai tham mồi,  
 Sung gái xưa nay để mấy lòng.*

Tiếp theo ba bài thơ không tựa, tôi xin đăng sau đây ba bài văn đã giới thiệu ở trên.

### CÔNG CHÚA TẾ PHỒ MÃ VĂN

- *Gánh cang thường trụ trụ, nghĩ cùng nhau cho sông dải núi mòn.  
 Bến trường dạ voi - voi, hay đâu nỗi sao lơ trắng lặn.  
 Lỡ làng gia sự, cảm tới ngậm người,  
 Cất nỗi căn duyên, nghĩ thôi quá ngán.*

#### Nhớ linh xưa

- Thoại lạ gia trần, tài lãnh bóng ngàn  
 Cửa trường ý sanh đồng trường, vưng bầu i-hân, dầu nghiêm phụ tưng theo.  
 Cha hiền tượng bởi con hiền an gỏi bình gương thánh-quân đã rạng.*

Thiên tư sẵn trong văn có vẻ, phận đã đành phú quý, mà trường lẽ nhạc  
hằng rồi ;  
Địa bộ thấu đời thảo làm ngay, tình cũng chẳng công danh, mà tướng quân  
thân phải gắng.  
Thiên xa thuở chiếu ban văn triệu, thiên-nhan gây tắc bóng chi sai nét ở điều ăn ;  
Âm thọ khi ơn chịu tập phong, quốc-trái chính mười phần, cũng quyết tới xa  
gánh nặng.

Ơn v) chúa mới mở mày cũng triều dã, tho sơn khoán sắt rõ vàng danh ;  
Thảo vì cha mới đẹp mặt với tông đường, ăn ngọc đai vàng ngồi cửa tướng,  
Phút chút lâm tai vô vọng, nhưng vì là một hai bữa khinh-khinh.  
Ấu lo hết dạ trung phù, hay đâu nđi hai mươi ngày gián gián !  
Tình khế hoát ăn chẳng ngon, nằm chẳng nhấp, dể tiếc chi công-nghiệp với cùng . ;  
Phương trị điều, thuốc nào nghiệm, bùa nào linh, họa may nữa bịnh căn  
cho những.

Trăm cân khó chuộc, chứng thê-tân lưỡng giục bồi-hồi ;  
Một mắt khôn tìm, Hồn kỳ-vĩ thác không kêu trời.  
Ôi ! bọt nước linh đình, ngọc đàn nhấp nháng.  
Sự nghiệp chỉ hai mươi sáu năm sự-nghiệp, buồn ý buồn trời đất hẹp hòi ;  
Công danh chỉ một đôi ba tháng công danh, tiếc khá tiếc vận thời căn-dẫn.  
Trách Di gió chẳng đưa duyên thời chớ, nhụy đào xanh sớm nở thoạt mau tàn ;  
Hồn Bà trả g đành ép số cho xong mới chi đó nghĩ dài mà hoa vẫn.  
Xưa hời Tần Tần hai nước, chữ từng phu giữ cho t o n h o n luân  
Rày vừa Nam Bắc một nhà, phận t n q u á tu ó g riêng hồn t i ê n mạng.  
Sá chi thiệp Hồ-dương đem phận bạc,  
Duyên tình ấy, căn tình ấy, ăn tình tình ấy, riêng than to là nó đã đành ;  
Thương vì cha kiết-phố trần thành vàng.  
Xa thế nào, cách thế nào, có sự thế này, nỏ đề tre khóc măng sao đáng.  
Cũng biết chữ thiên luân vi trọng,  
Phú-kinh cũng ngọn rau tấc đất,  
Muốn dề đây cho tiện khi sớm viếng tới thăm ;  
Nhưng nghĩ câu phụ mạng vi tôn,  
Đông-thò là quê cũ làng xưa,  
Dem về đó nên đành chịu đường xa đậm thẳm.

Thần cứu đó lấy chi báo bô,  
Khăn trắng, áo trắng, xiêm trắng trắng,  
Nghĩ đời phen thêm ruột thắt đời phen ;  
Linh-nghê rày trở lại xa xuôi,  
Trời xanh, biển xanh, nước xanh xanh,  
Nghĩ tình, chặn lại đau lòng từng chặn.

### TỬ TẾ MẪU VĂN ( Con tế mẹ )

Non khi ( Ty ) mây bay, nhành dấu bóng xế,  
Hội đoàn-viên mới đó, đò âm-dương đưa đây không thướt,  
Niềm mẫu-tử còn đây, máy tạo-hóa xoan vẫn quá tẻ.  
Trời cao vọi vọi, chưa đáp nghĩa con ;  
Đất rộng thình-thình khôn đền ơn mẹ.

### Nhớ linh xưa :

Tánh khí hiền lành, nết na vẹn vẻ.  
Bồn đức lòng gìn, năm hằng dạ dề.  
Đạo thờ cha kính mẹ đủ một thiên nội-tắc vương tròn ;  
Phương chủ qui tể gia thành bốn đức phụ-nhơn trọn trẻ.  
May mắn thuở vầy duyên nệm tuý, nương vường thung nguyên phủ ba sinh.  
Rủi ro khi rã phiếm to đồng đình thuyề bá thề cam một lễ.  
Thay nghĩa phương dạy trẻ, đời người xưa hòa hoàn gấu về bút lao ;  
Dọn nhà lành tìm kiếm rề dâu, roi trước hậu nối gót lân-vun nêa nghĩa.  
Tòng bá cột rình đồ sộ giàu tuy giàu mà ham chữ kính-nhường ;  
Quế lan chồi nhánh xanh tươi, qui tuy qui không lời khoe nê.  
Phút chút lâm tai vô vọng, những ngờ là qua xảy mắt trẻ ;  
Ấu lo hết dạ trung phù, hay đâu nđi héo don vóc huệ.  
Ôi ! Gió lộng nhành phong, sương sa lá hẹ.  
Rau tần phần ngoài Nam gián lạnh khô ;  
Nhà huyền thảo sau Bắc đường q i q n h quế  
Trang châu điệp mơ màng một giấc, tinh-linh đủ về chốn u-minh ;  
Vong dề quven chịu chất năm canh hôm sớm biết cùng ai thò thê



*Tưởng chữ cù-lao ơn rất nặng, buồn những trông mây trắng ngang trời ;  
Nhớ câu cúc-dục nghĩa càng dày, buồn những tiếc ngọc chìm đáy biển.  
Đôi hàng ai lụy, lệ Tăng Sâm rày chẳng thấy đôi ai ;  
Mấy tiết sum vầy, áo Lão-Tử chẳng cùng ai vui vẻ  
Lòng không cùng, phần có hạn, vẫn một vẫn lão thảo theo xưa ;  
Lễ đầu ít, thương thì nhiều, rượu ba tiệc thô-sơ cùng thế.  
Hỡi ôi ! thương thay ! Có linh xin chứng.*

#### HỮU THỂ (Lại một thể)

*Bối màu căn tàn, huỳnh-hoa mạng bạc.  
Đau lòng du-tử, thuốc tiên-đơn không kịp kiếm tìm ;  
Xót số đương-qui, miền sanh-địa phút đã từ biệt.*

#### Nhớ linh xưa :

*Tánh giữ hạnh-nhơn lòng thành hậu-phác,  
Phương tế-gia ít kẻ trần-bì,*

...

*Bề xừ thế không người la-bạc.  
Cũng những tưởng lòng lành thời hoài-khánh, ngộ đến công-nặng nhà-hương ;  
Nào hay đâu qui-dữ giục kiến-sầu, phút mắc bịnh-nghèo mặc-đượ.  
Ôi ; cảm cúc toi bời, đồng-qua xo-xác.  
Khởi ký-sanh sao người đặng ký-sanh ;  
Trườn độc huyệt mà mẹ không độc-huyệt.  
Vườn úc lý vắng dấu giày thấp-thoảng, đường xích-thạch quanh hiu ;  
Cửa mạch-môn không thoán bóng vào ra, trước thanh - bì sờ-sạc.  
Gây đoạn thâm khiến hải-nhi mang trĩu-trịu, chướng-não khôn ngăn ;  
Kéo lúc sâu đề-ích-mẫu chịu khoan-khoan, châu sa dễ chết,  
Chạnh niềm liên nhục, ơn dày há vì bạc hà ;  
Cám nôi cốt bì, nghĩa nặng biết sao toàn-vết.  
Tạm dùng ngữ vị khói trầm hương tưởng mẹ mơ màng ;  
Ngó tế oai linh, lòng cam thảo khiến con thâm-thiết.  
Hỡi ôi ! Thương thay ! có linh xin biết.*

Viết sao chép lại in trong nguyên bìa chữ nôm. Vì tài oho học rất kém, nên xin đề cho ai tài cao chú-tai.h và khảo nghĩa ngay sau.

( Còn tiếp )

## VĂN-HÓA TÙNG-THU

do NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA

xuất bản

1. **SỬ-LIỆU VIỆT-NAM**  
Tuần - Lý Huỳnh - khắc - Dụng biên soạn  
( 246 trang ) . . . . . 25\$
- 2-3 **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : LỤC-TÍNH NAM-VIỆT**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tập thượng ( 152 trang ) . . . . . 20\$  
Tập hạ ( 132 trang ) . . . . . 13\$
- 4-5 **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG PHẦN**  
Á-Nam Trần-Tuấn-Khai phiên-dịch  
Tính Thanh-Hóa Tập thượng ( 122 trang ) . . . . . 15\$  
Tập hạ ( 174 trang ) . . . . . 15\$
6. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Kinh - Sư ( 96 trang ) . . . . . 15\$
- 7-8 **CỔ-ĐỒ HUẾ** : Lịch-sử, Cổ-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca  
Thái Văn Kiềm biên-soạn  
( 487 trang gồm 53 tranh ảnh và bản đồ ) . . . . . 70\$
- 9-12 **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
Quảng-trị và Quảng-Bình ( 208 trang ) . . . . . 20\$  
Thừa-Thiên-Phủ Tập thượng ( 144 trang ) . . . . . 15\$  
Tập trung ( 152 trang ) . . . . . 15\$  
Tập hạ ( 134 trang ) . . . . . 15\$
- 13-14 **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VŨNG-BIÊN**  
Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên-soạn  
( 290 trang ) . . . . . 55\$
15. **HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM**  
(Nền Cao học tại Việt-Nam Cộng-Hòa)  
« VIETNAM CULTURE SERIES » No 6  
Nguyễn-Đình-Hòa biên soạn ( 32 trang ) . . . . . 6\$

16. LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE  
(Văn-chương Việt-Nam)  
COLLECTION « ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM » No 7  
Nguyễn-Khắc Kham biên soạn ( 26 trang ) . . . . . 6\$
17. DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY  
(Nền dân chủ trong xã-hội (đ. ruyền Việt-Nam)  
« VIETNAM CULTURE SERIES » No 4  
Nguyễn Đàng Thục biên soạn ( 12 trang ) . . . . . 6\$
18. INTRODUCTION TO VIETNAMESE POETRY  
(Khái-luận về Thi-ca Việt-Nam)  
« VIETNAM CULTURE SERIES » No 3  
Lý-Chánh-Trung biên soạn ( 20 trang ) . . . . . 6\$
19. INTRODUCTION TO VIETNAMESE CULTURE  
(Khái-luận về Văn-học Việt-Nam)  
« VIETNAM CULTURE SERIES » No 1  
Nguyễn-Khắc Kham biên soạn ( 28 trang ) . . . . . 6\$
20. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG CHÍ : TRUNG-PHẦN  
Tu trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Bình-Định ( 196 trang ) . . . . . 38\$
21. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Quảng-Nam ( 282 trang ) . . . . . 25\$
22. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Quảng-Ngãi ( 212 trang ) . . . . . 25\$
23. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG CHÍ : TRUNG PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Phú-Yên và Khánh-Hòa ( 238 trang ) . . . . . 25\$
24. ĐẠI NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Bình-Thuận ( cả bản chữ Hán, 206 trang ) . . . . . 25\$
25. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG PHẦN  
Đông-Minh Đặng Chu-Kinh phiên dịch  
Tỉnh Nghệ-An ( cả bản chữ Hán, 308 trang ) . . . . . 38\$
26. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG PHẦN  
Đông-Minh Đặng Chu-Kinh phiên dịch  
Tỉnh Hà-Tĩnh ( cả bản chữ Hán, 206 trang ) . . . . . 25\$
27. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN  
Đông-Minh Đặng Chu-Kinh phiên dịch  
Tỉnh Hà-Nội ( cả bản chữ Hán, 250 trang ) . . . . . 25\$
28. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch  
Tỉnh Bắc-Ninh ( cả bản chữ Hán, 206 trang ) . . . . . 25\$
29. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch  
Tỉnh Sơn-Tây ( cả bản chữ Hán, 345 trang ) . . . . . 50\$
30. ƯỚC TRAI DI-TẬP  
Trần-Tuấn-Khai dịch  
Đur-Đĩa-Chí ( cả bản chữ Hán, 290 trang ) . . . . . 50\$
31. LA PERSONNALITÉ CULTURELLE DU VIETNAM  
( Cá-tính Văn-Hóa Việt-Nam )  
COLLECTION « ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM » No 8  
Trịnh-Huy-Tiến biên soạn ( 56 trang ) . . . . . 12\$
- 31<sup>B</sup> ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch  
Tỉnh Hưng-Yên ( cả bản chữ Hán, 90 trang ) . . . . . 28\$
32. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN  
Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên dịch  
Tỉnh Cao-Bằng ( cả bản chữ Hán, 92 trang ) . . . . . 28\$

<b>33. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b> Đông-Minh Đặng-Chu-Kình dịch Tỉnh Hải-Dương (cả chữ Hán, 328 trang) . . . . .	180\$
<b>34-35 HẢI-DƯƠNG PHONG VẬT CHÍ (THƯỢNG, HẠ)</b> Tô-Nam Nguyễn-dình Diệm dịch (cả chữ Hán, 464 trang) . . . . .	190\$
<b>36. ĐẠI NAM NHẤT THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b> Cử-nhân Nguyễn-Tạo dịch Tỉnh Nam-Định (cả chữ Hán, 272 trang) . . . . .	120\$
<b>37. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b> Cử nhân Nguyễn-Tạo dịch Tỉnh Ninh-Bình (cả chữ Hán, 168 trang) . . . . .	80\$
<b>38. KHÔNG ĐẠO TINH HOA</b> Tác giả : Đông-Khê Hà-Ngọc.Xuyến, 120 trang . . . . .	55\$
<b>39. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b> Cử-nhân Nguyễn-Tạo dịch Tỉnh Lạng-Sơn (cả chữ Hán, 100 trang ( . . . . .	120\$
<b>40. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b> Cử-nhân Nguyễn Tạo dịch Tỉnh Tuyên-Quang (cả chữ Hán, 84 trang) . . . . .	110\$
<b>41. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG CHÍ : BẮC-PHẦN</b> Đông-Minh Đặng-chu.Kình dịch Tỉnh Quảng-Yên (cả chữ Hán, 120 trang) . . . . .	125\$
<b>42. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b> Đông-Minh Đặng-chu-Kình dịch Tỉnh Thái-Nguyên (cả chữ Hán, 100 trang) . . . . .	115\$
<b>43. VIETNAMESE STUDIES AND THEIR RELATIONSHIPS TO ASIAN STUDIES</b> VIETNAM CULTURE SERIES No 9 Nguyễn - Khắc - Kham biên soạn (47 trang) . . . . .	12\$

Có bán tại các hiệu sách lớn tại Thủ . đô, các tỉnh và tại Nha Văn . Hóa  
8, NGUYỄN - TRUNG - TRỰC - SAIGON

## GIỚI - THIỆU SÁCH MỚI

Văn-Hóa Tập-San ân cần giới-thiệu cùng bạn đọc thân-mến 2 quyển biên-khảo có giá trị do Phủ Quốc-Vụ Khanh Đặc Trách Văn-Hóa xuất bản :

— **HIỆN-TUƠNG LUẬN VỀ HIỆN-SINH** của Ông Lê-Thành-Trị Tiến-Sĩ, giáo-sư triết-lý tại Đại Học Văn-Khoa Saigon — Sách dày 480 trang, in đẹp, giá 300\$00.

Tác-giả viết sách này với mục-dịch giúp một số người muốn tìm hiểu ý-nghĩa đích thực của triết-thuyết hiện-sinh.

— **QUỐC-HIỆU NƯỚC TA** của Ông Bửu-Cầm, giáo-sư diễn giảng tại Đại-Học Văn-Khoa Saigon. Sách trình bày mỹ-thuật, dày 148 trang, giá 150\$00.

Tác giả soạn thảo thiên khảo cứu này nhằm kiểm điểm lại một vài niên đại, và ít nhiều sự kiện lịch sử của nghi ngờ từ khi nước ta có danh xưng An-Nam, cho đến quốc-hiệu Đại Nam.

Ba loại sách báo do Nha Văn-Hóa ( trực thuộc Phủ Quốc-Vụ.Khanh Đặc Trách Văn-Hóa ) xuất bản :

1/— **Văn-Hóa Tùng-Thư** : ( phiên-dịch, án-loát, và phổ-biến bộ Sử-Địa Đại-Nam Nhất Thống-Chí ).

2/— **Văn.Hóa Tập.San** : với những bài khảo luận về mọi bộ môn Văn-Hóa.

3/— **Việt-Nam Culture Series hay Aspects Culturels du VietNam**, viết bằng Anh-ngữ hay Pháp-ngữ để phổ biến Văn-Hóa dân tộc ra ngoài quốc.

Tất cả các sách báo nói trên, có bán tại các hiệu sách lớn ở Thủ. Đô, các Tỉnh và tại Nha Văn-Hóa, 8 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.

Ngoài ra còn một số sách giá-trị khác, xin ân cần giới-thiệu cùng độc-giả :

— **Saigon năm xưa** của Vương-Hồng-Sên, Khai.Trí xuất bản lần II, Saigon, 1969 gồm những tài.liệu, những điều nghe thấy, hiểu biết của tác-giả về « Saigon năm xưa ».

— **Những tư tưởng đẹp**, Võ-Lang sưu tầm, Sống mới xuất bản, Saigon, 1969 tác giả sưu tầm các tư tưởng đẹp của Âu-Tây, sách trình bày theo lối song-ngữ.

— **Người Việt gốc Miên** của Lê-Hương, Tác giả xuất bản, Saigon 1969 Sách sưu tầm những tài.liệu về nguồn gốc, dân số, sinh hoạt, xã-hội, phong-tục, tập-quán, tôn-giáo, các thắng cảnh lịch sử với mục-dịch giúp độc.giả tìm hiểu về đời sống của người Việt gốc Miên.

— **Chiến-Tranh và Hòa-Bình** của Léon Tolstoi do Nguyễn-Hiền-Lê dịch, Lá Bối xuất bản, Saigon, 1969. Trọn bộ gồm 4 quyển.

— **Hát bội** của Tuân-Lý Huỳnh Khắc-Dụng, Nam-Chi Tùng-Thư xuất bản, Saigon, 1970.

— **Angkor ( Đế Thiên Đế-Thích )** của Lê-Hương Quỳnh Lâm xuất bản, Saigon, 1970.

VĂN-HÓA TẬP-SAN NĂM  
THỨ XVIII, SỐ 4-5 (1969)  
IN 1.500 CUỐN TẠI NHÀ  
IN HÒA - CHÁNH 16 - 18  
CÔNG - QUỲNH SAIGON  
GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN :  
NGHỊ - ĐỊNH SỐ 332  
CAB / SG NGÀY 5-5-1952.

Tòa-soạn : Nha Văn-Hóa (Phủ Quốc-Vụ-Khánh Đốc-Trách Văn-Hóa),  
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon. Điện-thoại 92.038  
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Trịnh-Huy-Tiến  
Thư-ký : Nguyễn-Văn-Ninh  
Quản-lý : Lê-Văn-Định.

Thư-từ, ngân-phiếu xin đề :  
Ô. Giám-đốc Nha Văn-Hóa  
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon

## THÈ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN - HÓA TẬP - SAN

Tòa soạn Văn-Hóa Tập-San thành-thực đa tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Về vấn-đề bản thảo xin trân-trọng lưu ý các bạn về mấy điều sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Tập-San, 28 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.
  2. Bài soạn xin cho đánh máy dòng đôi (có dành lề ở cả hai bên), hoặc viết rõ ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm lẫn).
  3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả đề tòa-soạn liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
  4. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác giả, tên sách, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và trích dẫn ở trang nào).  
Thí dụ : Nguyễn-văn-X... Văn-Học Việt-Nam (Saigon xuất-bản-cục, 1960) trang...  
Trần-văn-X... « Điền cổ », Văn-Hóa Nguyệt-San Tập... Số... (tháng... năm...), trang...
5. Bao nhiêu cước chú đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi rõ số liên tiếp cho toàn bài.
  6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp...).
  7. Bài nào đã gửi đăng V.H.T.S. mà soạn giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa soạn V.H.T.S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng đặp.
  8. Tòa soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các loại bài đăng V.H.T.S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v... mong các bạn thông-cảm.
  9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được không có lệ trả lại bản thảo.
  10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

VĂN-HÓA TẬP-SAN NĂM  
THỨ XVIII, SỐ 4-5 (1969)  
IN 1.500 CUỐN TẠI NHÀ  
IN HÒA - CHÁNH 16-18  
CÔNG - QUỲNH SAIGON  
GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN :  
NGHỊ - ĐỊNH SỐ 332  
CAB / SG NGÀY 5-5-1952.

Tòa-soạn : Nha Văn-Hóa (Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa)  
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon, Điện-thoại 92.038  
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Trịnh-Huy-Tiến  
Thư-ký : Nguyễn-Văn-Ninh  
Quản-lý : Lê-Văn-Định.

Thư-từ, ngân-phiếu xin đề :  
Ô. Giám-đốc Nha Văn-Hóa  
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon

## THÈ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN - HÓA TẬP - SAN

Tòa soạn Văn-Hóa Tập-San thành-thực đa tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Về vấn-đề bản thảo xin trân-trọng lưu ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Tập-San, 28 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.
2. Bài soạn xin cho đánh máy dòng đôi (có dành lề ở cả hai bên), hoặc viết rõ ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm lẫn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác giả, tên sách, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và trích dẫn ở trang nào).  
Thí dụ : Nguyễn-văn-X. . . Văn-Học Việt-Nam (Saigon xuất-bản-cục, 1960) trang...  
Trần-văn-X. . . « Điền cổ », Văn-Hóa Nguyệt-San Tập. . . Số. . . (tháng... năm...), trang...
5. Bao nhiêu cước chú đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi rõ số liên tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp...).
7. Bài nào đã gửi đăng V.H.T.S. mà soạn giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa soạn V.H.T.S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng đặp.
8. Tòa soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các loại bài đăng V.H.T.S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v... mong các bạn thông-cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

**GIÁ BÁN TOÀN QUỐC :**  
| số (tư nhân) . . . . . 24\$  
| số (công sở) . . . . . 48\$  
(ở xa thêm tiền cước phí)